



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VPBANK

KHÁT VỌNG THỊNH VƯỢNG

20
21

Báo cáo thường niên VPBank

KHÁT VỌNG THỊNH VƯỢNG[✦]

MỤC LỤC

04	Dấu ấn 2021
07	Thông điệp của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc
08	Về chúng tôi
16	Hoạt động kinh doanh 2021
30	Thay đổi và thích ứng
46	Quản trị rủi ro
51	Nâng cao trải nghiệm khách hàng
54	Hoạt động kinh doanh của FE Credit
58	Trách nhiệm xã hội
62	Định hướng kinh doanh 2022
64	Đón bắt xu hướng mới
66	Xu thế ngân hàng không chi nhánh
69	Động lực tăng trưởng mới
72	Phát triển con người
76	Báo cáo phát triển bền vững
92	Quản trị ngân hàng
119	Báo cáo tài chính hợp nhất
199	Phụ lục

LỜI TỰA

Khát vọng Thịnh vượng

Hơn 10 năm trước, lịch sử VPBank bước sang một trang mới, đổi tên từ “Ngân hàng TMCP Các Doanh nghiệp Ngoài quốc doanh” sang “Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng”, đánh dấu một giai đoạn phát triển quan trọng với tầm nhìn là một trong những ngân hàng tư nhân lớn nhất Việt Nam. Trong hành trình chuyển đổi mạnh mẽ, nỗ lực và không ngừng sáng tạo, VPBank đã nhanh chóng vươn mình từ một ngân hàng nhỏ bé trở thành một trong những ngân hàng tư nhân dẫn đầu về vốn chủ sở hữu và quy mô khách hàng.

Bước sang năm 2022, VPBank đã sẵn sàng bước sang một giai đoạn phát triển cao hơn, mà ở đó sứ mệnh **“Vi một Việt Nam thịnh vượng”** của ngân hàng sẽ được thể hiện rõ nét nhất. Với khát vọng thịnh vượng, VPBank sẽ tiếp tục tìm kiếm những động lực tăng trưởng mới, thâm nhập vào những phân khúc mới và tiên phong tạo ra những sản phẩm, dịch vụ ngân hàng vượt trội. Điều đó không chỉ tạo ra giá trị cho các cổ đông, mà còn mang lại những lợi ích to lớn và thúc đẩy sự thịnh vượng cho mỗi khách hàng, xã hội và đất nước.

DẤU ẤN 2021

Hoàn tất bán 50% vốn tại FE Credit cho SMBC và đối tác khác

thu về nguồn tiền lớn cho ngân hàng



>86.000 tỷ đồng

Vốn chủ sở hữu, tăng 63,4%, tạo bước đệm
cho sự phát triển mới của ngân hàng



14.364 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế, tăng 10,3% so với 2020
bất chấp bối cảnh kinh tế khó khăn nhất
trong nhiều năm qua



871 triệu USD

là giá trị thương hiệu trong năm 2021,
tăng 38 bậc trong bảng xếp hạng các
ngân hàng có giá trị thương hiệu lớn nhất
toàn cầu của Brand Finance



CIR 24,2%

Thấp nhất hệ thống ngân hàng
nhờ số hóa, tự động hóa



10 DẤU ẤN TRONG NĂM



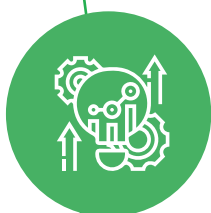
"Quản trị rủi ro ngân hàng tốt nhất"

Do The Asian Banker bình chọn



Đẩy mạnh số hóa

Ra mắt nhiều ứng dụng/tính năng ngân hàng số mới như VPBank NEO, Race Car, Race Home, VPBank NEO Express, VPBank SMEBiz



B1 ↗ Ba3

Moody's nâng xếp hạng tín nhiệm BCA của VPBank và FE Credit



Trải nghiệm khách hàng

được nâng cao bằng cách ứng dụng công nghệ trên các kênh dịch vụ chăm sóc khách hàng tại quầy và 24/7



Hơn 500 tỷ đồng

là số tiền dành cho các chương trình CSR phòng chống đại dịch.
Hơn 400.000 khách hàng được hỗ trợ giảm lãi suất hơn 1.200 tỷ đồng.





THÔNGIỆP

của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc

Thân gửi quý Cổ đông, Khách hàng và Đối tác!

Tại Đại hội đồng cổ đông một năm trước, chúng ta đã đặt ra những mục tiêu quan trọng mang tính lịch sử đối với VPBank. Đó là hoàn tất thương vụ bán vốn điều lệ tại FE Credit cho Tập đoàn tài chính SMBC của Nhật Bản, tăng trưởng mạnh về doanh thu và lợi nhuận nhằm đưa VPBank trở thành một trong những ngân hàng đứng đầu về vốn chủ sở hữu. Tất cả những mục tiêu đó đều đã được hoàn thành, dù năm 2021 là một năm nhiều thách thức nhất VPBank phải đối mặt trong hơn 10 năm qua.

Chúng ta không những duy trì được hoạt động của ngân hàng, bảo vệ được thành quả đã xây dựng trong nhiều năm, mà còn mở rộng được hoạt động kinh doanh và tạo nên một cơn "địa chấn" trong lĩnh vực tài chính khi bán thành công 50% vốn tại FE Credit cho Tập đoàn SMBC và một đối tác trong nước. Đây được coi là thương vụ M&A lớn nhất trong lịch sử thị trường tài chính Việt Nam từ trước đến nay, góp phần đáng kể đưa vốn chủ sở hữu của VPBank cán mốc hơn 86.000 tỷ đồng.

Sự tăng trưởng của vốn chủ sở hữu đã cải thiện đáng kể độ an toàn vốn và củng cố nền tảng vững chắc cho VPBank. Hệ số an toàn vốn theo chuẩn Basel II của VPBank đạt hơn 14,2%, cao hơn nhiều so với mức 11,7% trong năm 2020. Cùng với bước đột phá đáng tự hào về nền tảng vốn, 2021 cũng là năm giá trị tổng tài sản của VPBank ghi nhận mức tăng 30,6% so với năm 2020, đạt hơn 547.000 tỷ đồng. Các chỉ số quan trọng khác như dư nợ cấp tín dụng hợp nhất, tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá đều tăng lần lượt ở mức 18,9% (đạt hơn 384.000 tỷ đồng) và 9,1% (đạt hơn 323.000 tỷ đồng). Tổng thu nhập hoạt động đạt hơn 44.301 tỷ đồng, tăng 13,5% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận hợp nhất trước thuế của VPBank trong năm 2021 tăng 10,3% so với cùng kỳ năm trước, đạt 14.364 tỷ đồng.

Chi phí hoạt động của VPBank trong năm 2021 thậm chí đã giảm xấp xỉ 6% so với một năm trước. Chỉ số CIR giảm từ 29,2% cuối năm 2020 xuống 24,2% cuối năm 2021. VPBank tiếp tục ở nhóm đầu những ngân hàng hoạt động hiệu quả nhất, với ROA đạt 2,5% và ROE đạt 19,8%.

Đó chính là kết quả của một quá trình phát triển mạnh mẽ và bền vững trong nhiều năm qua của VPBank, nhằm tạo nên một nền tảng vững chắc.

Sức mạnh nội tại đó không chỉ giúp VPBank đủ sức chống chọi với hoàn cảnh khắc nghiệt nhất, đồng thời cho phép ngân hàng đầu tư mạnh mẽ hơn vào nền tảng số để mở rộng hoạt động kinh doanh. Điều này đã được tổ chức xếp hạng tín nhiệm hàng đầu thế giới Moody's Investors Service (Moody's) khẳng định khi nâng mức đánh giá tín dụng cơ sở (BCA) của VPBank từ B1 lên Ba3, ngang với xếp hạng quốc gia Moody's dành cho Việt Nam, với triển vọng tích cực.

Bước sang năm 2022, VPBank sẽ kết thúc chiến lược 5 năm 2018-2022 và chuẩn bị cho một giai đoạn phát triển mới. Có thể nói, trong hơn 10 năm qua, VPBank đã thực hiện thành công chiến lược chuyển đổi, tăng trưởng và mở rộng quy mô nhanh chóng. Nhưng làm thế nào để có thể tiếp tục duy trì được đà tăng trưởng nhanh như thời gian qua và củng cố vị thế của một ngân hàng tư nhân hàng đầu ở những năm tiếp theo? Đó chính là câu hỏi lớn của các cổ đông, khách hàng và cả thị trường dành cho VPBank.

Nền tảng vốn lớn mạnh là sức bật quan trọng để VPBank có bước bứt phá bằng vị thế của một ngân hàng lớn, chào đón những vận hội mới, chinh phục những mục tiêu tham vọng hơn, mạnh mẽ và quyết liệt hiện thực hóa sứ mệnh quốc gia "Vì một Việt Nam thịnh vượng". Nhưng áp lực chúng ta đang phải đối mặt là sử dụng những đồng vốn đó hiệu quả hơn, tạo ra một động lực tăng trưởng tốt hơn. Ngân hàng sẽ phải tăng trưởng cao hơn về quy mô khách hàng để tạo ra doanh thu lớn hơn. Đồng thời tối ưu hóa chi phí hoạt động để tạo ra lợi nhuận tốt hơn.

Với mục tiêu kiên định trở thành một trong những ngân hàng bán lẻ lớn nhất Việt Nam, đồng thời thực hiện rõ nét hơn sứ mệnh phụng sự quốc gia của ngân hàng, VPBank sẽ không ngừng tìm kiếm những động lực tăng trưởng mới bằng cách xây dựng một hệ sinh thái đa dạng, dựa trên nền tảng số hóa, để mở rộng quy mô khách hàng.

Cùng với sự chuẩn bị rất kỹ lưỡng về nguồn lực, sẵn sàng về tâm thế, sự đồng hành của Quý Nhà đầu tư, Khách hàng và Đối tác, chúng tôi tin rằng VPBank sẽ tiếp tục có một năm 2022 cũng như những năm tiếp theo thăng hoa và lớn mạnh.

Xin trân trọng cảm ơn!

VỀ CHÚNG TÔI

Thông tin chung

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng

(VPBank - mã chứng khoán VPB) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại Việt Nam. Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép hoạt động ngân hàng số 0042/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước cấp ngày 12/8/1993 và Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100233583 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 8/9/1993, sửa đổi gần đây nhất vào ngày 10/12/2021. Thời gian hoạt động theo giấy phép là 99 năm kể từ ngày 12/8/1993.

Các hoạt động chính của VPBank bao gồm:



Thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân

Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân



Cung cấp dịch vụ thanh toán, ví điện tử



Thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác



Dịch vụ quản lý tài sản



Cấp tín dụng dưới hình thức tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước cho phép.



Đầu tư chứng khoán, trái phiếu
Đầu tư hợp đồng tương lai
trái phiếu Chính phủ

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31/12/2021:

45.056.930 triệu đồng

(tại ngày 31/12/2020 là 25.299.680 triệu đồng)



Vì một Việt Nam
thịnh vượng 🌱

Tầm nhìn – Sứ mệnh

Giá trị cốt lõi

TẦM NHÌN CỦA VPBANK

Là một trong những ngân hàng TMCP thành lập sớm nhất tại Việt Nam, VPBank đã có những bước phát triển vững chắc trong suốt lịch sử của ngân hàng. VPBank đã đặt mục tiêu chiến

lược trong giai đoạn 2018-2022 với tham vọng trở thành Ngân hàng thân thiện nhất với người tiêu dùng nhờ ứng dụng công nghệ và lọt vào nhóm 3 ngân hàng giá trị nhất Việt Nam.

SỨ MỆNH CỦA VPBANK

VPBank tin tưởng rằng ngân hàng sẽ hoàn thành sứ mệnh của mình là mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng, quan tâm chú trọng đến quyền lợi người

lao động và cổ đông, xây dựng văn hóa doanh nghiệp vững mạnh và đóng góp hiệu quả vào sự phát triển của cộng đồng.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Hệ quả cho việc triển khai chiến lược nói trên là văn hóa doanh nghiệp của VPBank, được xây dựng và vun đắp dựa trên 6 giá trị cốt lõi:



KHÁCH HÀNG LÀ TRỌNG TÂM



HIỆU QUẢ



THAM VỌNG



PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI



TIN CẬY



TẠO SỰ KHÁC BIỆT

Mạng lưới hoạt động

Tại ngày 31/12/2021, VPBank có

01

Hội sở chính

02

Công ty con

168

Phòng giao dịch
trên cả nước

66

Chi nhánh

VPBank có trụ sở chính tại số 89 Láng Hạ,
phường Láng Hạ, Quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam.



Quá trình phát triển

Từ một ngân hàng tư nhân nhỏ được thành lập năm 1993, đến nay VPBank đã có những bước tăng trưởng thần tốc, nhanh chóng trở thành một trong những ngân hàng tư nhân lớn nhất Việt Nam, xét cả về tiềm lực tài chính, quy mô khách hàng và giá trị thương hiệu

1993

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) được thành lập ngày 12/8/1993, là một trong những ngân hàng TMCP có lịch sử lâu đời tại Việt Nam.

2010

VPBank thực hiện chiến lược chuyển đổi sang mô hình ngân hàng bán lẻ hiện đại, và có bước phát triển mạnh mẽ. Sự tăng trưởng vượt bậc của VPBank thể hiện sinh động ở mức độ mở rộng mạng lưới các chi nhánh, điểm giao dịch trên toàn quốc cùng sự phát triển đa dạng của các kênh bán hàng và phân phối.

2015

VPBank thành công chuyển đổi hoạt động tín dụng tiêu dùng sang một pháp nhân độc lập mới với tên gọi Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (được nhận diện với Thương hiệu FE Credit). Đến nay, FE Credit đã thống lĩnh thị trường tài chính tiêu dùng tại Việt Nam với khoảng 50% thị phần.

2017

VPBank niêm yết cổ phiếu thành công trên sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE), mở ra giai đoạn phát triển hội nhập mới, với vị thế hàng đầu Việt Nam.

2019

VPBank lần đầu tiên và là đại diện ngân hàng tư nhân duy nhất của Việt Nam lọt vào top 500 thương hiệu ngân hàng giá trị nhất thế giới*, ở thứ hạng 361, xếp hạng A và mức định giá 354 triệu USD.

(*) Theo Brand Finance

2021

VPBank hoàn tất việc bán 49% vốn điều lệ của FE Credit cho Công ty Tài chính Tiêu dùng SMBC (SMBCCF), một công ty con do tập đoàn Sumitomo Mitsui Financial Group của Nhật Bản sở hữu 100% vốn; đồng thời đổi tên thành Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC.

01

.....

VỮNG VÀNG VƯỢT BÃO



HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2021

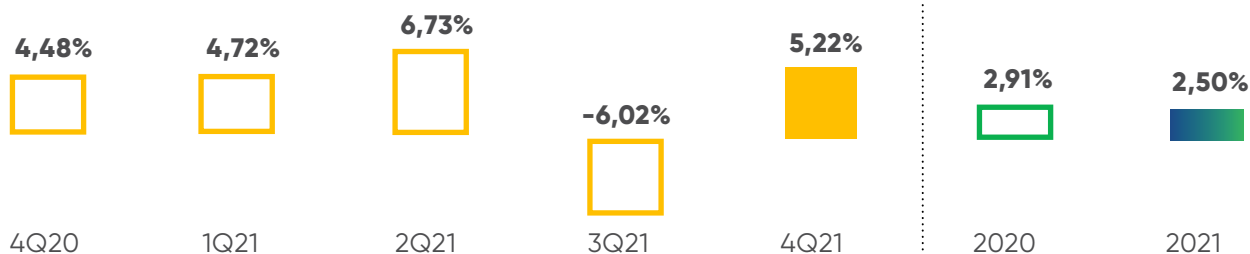
Môi trường kinh doanh 2021

Việt Nam đã trải qua một năm 2021 đầy thách thức khi dịch COVID-19 diễn biến phức tạp với sự xuất hiện của các biến chủng mới. Làn sóng thứ 4 của dịch bệnh bùng phát bắt đầu từ tháng 4 năm 2021 đã có sức tàn phá nghiêm trọng, khi số ca mắc ngày càng tăng cao, buộc Chính phủ phải thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội nghiêm ngặt trong quý 3. Điều này đã khiến GDP Việt Nam lần đầu tiên ghi nhận tăng trưởng âm trong Quý 3 kể từ khi Việt Nam tính và công bố GDP quý từ

năm 2000. Chính phủ Việt Nam đã chuyển hướng chiến lược phòng chống dịch phù hợp tình hình mới, từ Zero COVID sang thích ứng linh hoạt đảm bảo vừa phòng chống dịch hiệu quả vừa khôi phục, phát triển kinh tế-xã hội. Đồng thời, tiến độ bao phủ vaccine được quyết liệt đẩy mạnh trên toàn quốc. Đến nay đã có khoảng hơn 80% dân số được tiêm và Việt Nam là một trong những nước có tốc độ tiêm chủng nhanh nhất thế giới tính theo số liệu tiêm ngày và tuần.

Chính phủ đã ban hành kịp thời các chính sách tài khóa, tiền tệ, an sinh xã hội để hỗ trợ doanh nghiệp, người dân trước những tác động tiêu cực của đại dịch. Các chính sách được triển khai theo hướng khẩn trương, quyết liệt hơn để các gói hỗ trợ có thể đi vào cuộc sống, được cộng đồng doanh nghiệp và người dân ghi nhận. Với những nỗ lực đó, nền kinh tế đang từng bước được phục hồi, ổn định vĩ mô được giữ vững, bức tranh kinh tế xuất hiện nhiều hơn những gam màu sáng.

TĂNG TRƯỞNG GDP



Nền kinh tế hồi phục lại sau làn sóng dịch thứ 4, trong đó GDP quý 4 2021 tăng 5,22% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn tốc độ tăng 4,61% của năm 2020.

668,5 tỷ USD

Xuất nhập khẩu lập kỷ lục với tổng kim ngạch đạt 668,5 tỷ USD, tăng 22,6% so với năm trước, với thặng dư thương mại đạt 4 tỷ USD.

31,15 tỷ USD

Tổng vốn FDI đăng ký đạt 31,15 tỷ USD, tăng 9,2% so với năm trước, với các dự án tỷ USD từ Foxconn, Lego, Pegatron, Luxshare...

1,84%

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 1,84% so với năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ 2016.



NGÀNH NGÂN HÀNG

13,53%

Tăng trưởng tín dụng
toàn ngành

1,91%

Tỷ lệ nợ xấu nội bảng
toàn ngành

Nguồn: Tổng cục Thống kê và Ngân hàng Nhà nước

Trong năm 2021, NHNN đã thực hiện các chính sách điều tiết một cách linh hoạt, tập trung vào việc hỗ trợ phục hồi nền kinh tế.

Các chính sách nổi bật của NHNN trong năm qua:

Duy trì môi trường lãi suất thấp;

Ban hành thông tư 03/2021/TT-NHNN và Thông tư 14/2021/TT-NHNN nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID-19;

Chỉ đạo các NHTM giảm lãi vay hỗ trợ doanh nghiệp vay vốn với tổng số tiền giảm lũy kế đến năm 2021 đạt trên 18 nghìn tỷ đồng.

Kết quả kinh doanh nổi bật 2021

Vượt qua thách thức, bứt phá tương lai



86.278 tỷ đồng
VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tăng trưởng 63%
Top 1 Tăng trưởng trong ngành



14,3%
CAR

Tiệm cận các ngân hàng hàng đầu Châu Á



14.364 tỷ đồng
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

Top 3 Ngân hàng TMCP Tư nhân



24,2%
CIR

Top 1 Ngành Ngân hàng



18,9%
TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG
Nhóm dẫn đầu thị trường



44.301 tỷ đồng
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG
Top 1 Ngân hàng TMCP Tư nhân



22,6%
TỶ LỆ CASA
Tăng trưởng mạnh mẽ



↓1,7%
COF
Tối ưu tối đa chi phí



19,8%
ROE
Nhóm dẫn đầu thị trường



2,5%
ROA
Nhóm dẫn đầu thị trường



19 triệu
KHÁCH HÀNG
Bao phủ tất cả các phân khúc



124 triệu
SỐ LƯỢNG GIAO DỊCH QUA VPBANK NEO
X2 so với cùng kỳ

Chung tay hỗ trợ cộng đồng

Hơn 400.000
KHÁCH HÀNG

được hỗ trợ cơ cấu nợ, giãn nợ và giảm lãi suất
với tổng hỗ trợ lên hơn 1.200 tỷ đồng

Hơn 500 tỷ đồng

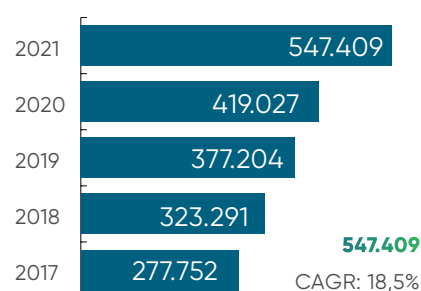
ỦNG HỘ PHÒNG CHỐNG COVID-19

Ủng hộ cho các hoạt động phòng chống
COVID-19 của Chính phủ

Tăng trưởng bền vững, Nâng tầm vị thế

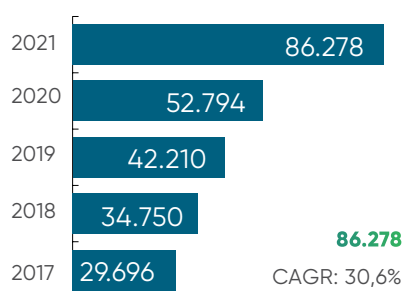
TỔNG TÀI SẢN

(Tỷ đồng)



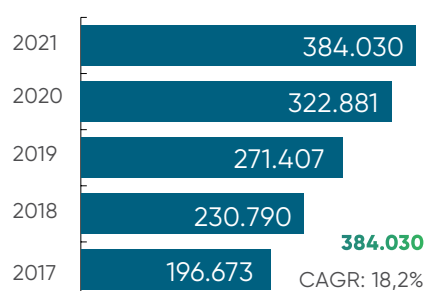
VỐN CHỦ SỞ HỮU

(Tỷ đồng)



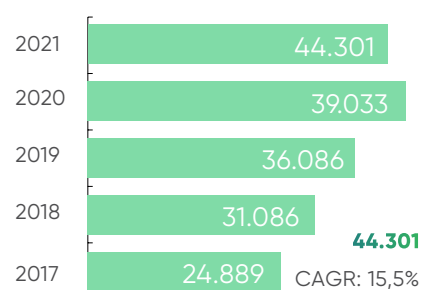
DƯ NỢ CẤP TÍN DỤNG

(Tỷ đồng)



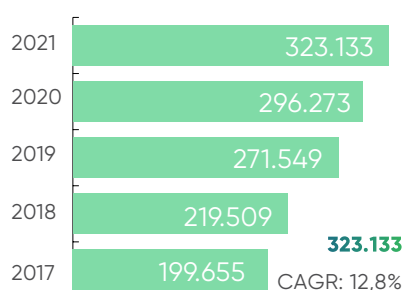
TOI

(Tỷ đồng)



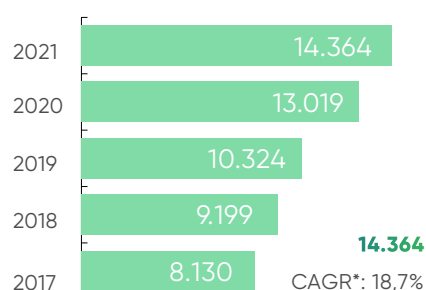
HUY ĐỘNG KH + PHÁT HÀNH

GTCG (Tỷ đồng)



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

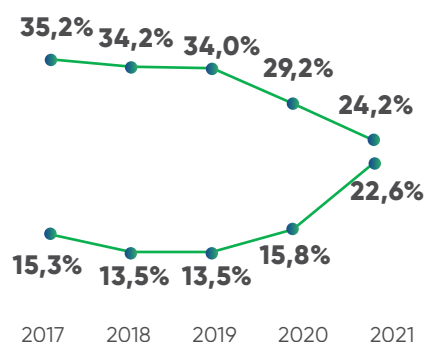
(Tỷ đồng)



* CARG loại Thu nhập bất thường

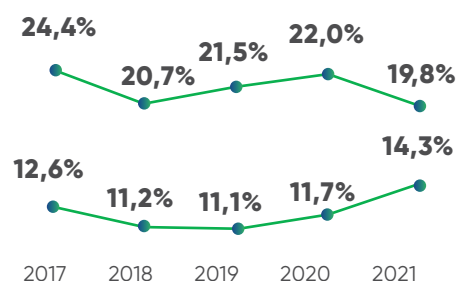
CIR

Tỷ lệ CASA



ROE

CAR





Ứng biến linh hoạt, không chùn bước trước thách thức

Năm 2021 tiếp tục là một năm đầy thách thức đối với toàn bộ nền kinh tế trong hơn 10 năm qua khi sự tác động nặng nề từ đại dịch COVID-19, làm suy giảm năng lực tài chính của nhiều phân khúc khách hàng. Hiểu rõ tác động nghiêm trọng của dịch bệnh, Ban lãnh đạo ngân hàng kịp thời triển khai hàng loạt giải pháp ứng phó cần thiết để đảm bảo an toàn cho cán bộ nhân viên và hoạt động liên tục của ngân hàng. VPBank cũng đồng thời tích cực san sẻ và chung tay cùng đồng bào, cộng đồng vượt

qua khó khăn. Song song với đó, Ban lãnh đạo đã nhanh chóng điều chỉnh các chính sách bán hàng và phương án kinh doanh, quản trị hoạt động hiệu quả nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của dịch bệnh, cũng như nỗ lực chủ động tìm kiếm, đón đầu và khai thác tối đa các cơ hội thị trường, góp phần đem lại kết quả tăng trưởng cao trong giai đoạn khó khăn nhất của nền kinh tế.

Năm 2021 đánh dấu một cột mốc quan trọng trong hoạt động của VPBank với sự kiện ngân hàng

đã hoàn tất chuyển nhượng 49% vốn điều lệ tại FE Credit cho Tập đoàn SMBC của Nhật Bản vào tháng 10 năm 2021, xác lập kỷ lục thương vụ M&A có quy mô lớn nhất ngành tài chính Việt Nam và được bình chọn là thương vụ của năm 2021. Thương vụ thành công này đã đưa VPBank lên vị thế hàng đầu về quy mô vốn tự có. VPBank tự hào là ngân hàng có mức tăng trưởng vốn tự có cao nhất ngành ngân hàng trong năm qua, đồng thời, thu nhập từ thương vụ này cũng đóng góp vào mức lợi nhuận kỷ



lục gần 38 nghìn tỷ đồng của ngân hàng mẹ.

Với sự chỉ đạo kịp thời của Ban lãnh đạo cùng nỗ lực của cả tập thể, VPBank giữ vững đà tăng trưởng và duy trì hiệu quả hoạt động trong bối cảnh dịch bệnh. Kết thúc năm 2021, tổng tài sản của ngân hàng đạt gần 548 nghìn tỷ đồng, tăng 30,6% so với năm 2020 và là một trong ba ngân hàng dẫn đầu về tăng trưởng quy mô. Kết quả này được đóng góp từ sự tăng trưởng vượt bậc của hoạt động tín dụng tăng 18,9% và nguồn tiền lớn thu

được từ giao dịch thoái vốn tại FE Credit. Tổng thu nhập hoạt động hợp nhất đạt hơn 44 nghìn tỷ đồng, tăng 13,5% so với cùng kỳ năm trước, giữ vững vị trí số một khối ngân hàng tư nhân. Chi phí hoạt động tiếp tục được quản lý hiệu quả khi chỉ số CIR giảm hơn 5% xuống 24,2% cuối năm 2021 đã giúp VPBank trở thành ngân hàng có hiệu quả sử dụng chi phí tốt nhất trong hệ thống ngân hàng, góp phần đưa lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt hơn 14,3 nghìn tỷ đồng. VPBank được ghi nhận là một

trong những doanh nghiệp vừa nỗ lực hoạt động thông suốt, hiệu quả, góp phần duy trì sự ổn định, chống đứt gãy của nền kinh tế, vừa hỗ trợ cho các khách hàng, đối tác gặp khó khăn và tham gia tích cực, hiệu quả vào công tác phòng chống dịch. VPBank khẳng định sứ mệnh mang lại sự thịnh vượng cả về vật chất lẫn tinh thần Vì một Việt Nam thịnh vượng hơn, giàu đẹp hơn.

Tín dụng tăng trưởng từ các phân khúc chiến lược

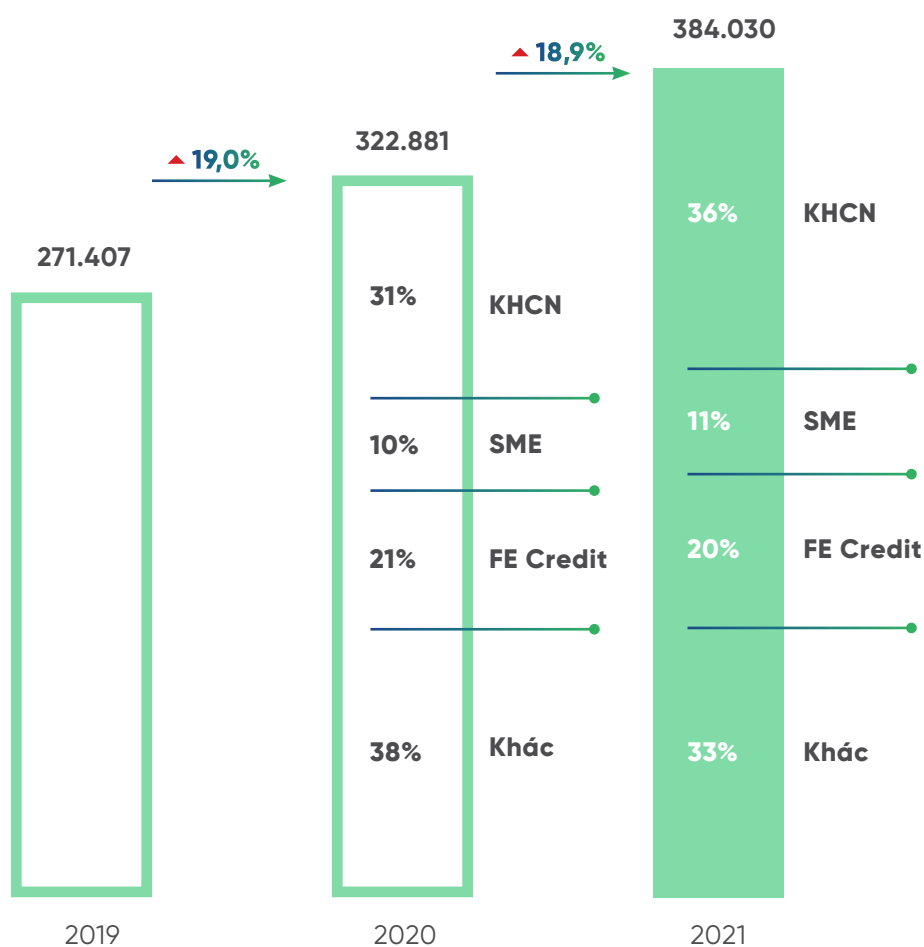
Tại thời điểm cuối năm 2021, tăng trưởng tín dụng hợp nhất của VPBank đạt 18,9%, vượt kế hoạch đầu năm và cao hơn mức trung bình của toàn ngành ngân hàng là 13,5%. Dư nợ tín dụng hợp nhất đạt hơn 384 nghìn tỷ, với sự đóng góp đáng kể từ các phân khúc chiến lược. Các phân khúc chiến lược Khách hàng cá nhân và SME được chú trọng thúc đẩy, tăng trưởng đạt 33% so với đầu năm, phù hợp với định hướng của Chính phủ về việc thúc đẩy phục hồi nền kinh tế, ưu tiên doanh nghiệp

vừa và nhỏ tiếp cận nguồn vốn ngân hàng. Thành tích đạt được một phần không nhỏ dựa trên kết quả thực hiện chiến lược số hóa toàn diện, liên tục đưa ra thị trường các giải pháp công nghệ tiên tiến nhất, giúp cho ngân hàng có được những tương tác tích cực và tiếp xúc với các nhu cầu vốn của khách hàng. Trong Quý 4, khi nền kinh tế bắt đầu phục hồi sau giãn cách, ngân hàng đã dẫn đầu về doanh số giải ngân cho khoản vay mua ô tô trong nhóm các ngân hàng cổ phần và tăng gấp đôi doanh

số giải ngân cho vay mua nhà so với năm 2020 thông qua các ứng dụng số hóa đa dạng cho các sản phẩm vay như Race Apps, Race Home...

Năm 2021 tiếp tục là một năm thách thức đối với FE Credit khi phân khúc tài chính tiêu dùng có tệp khách hàng là các đối tượng bị ảnh hưởng trực tiếp từ đại dịch. Tuy vậy, nhờ sự phục hồi vào thời điểm cuối năm, tăng trưởng tín dụng tại FE Credit đạt 14,2% so với đầu năm, duy trì thị phần số 1 tại Việt Nam.

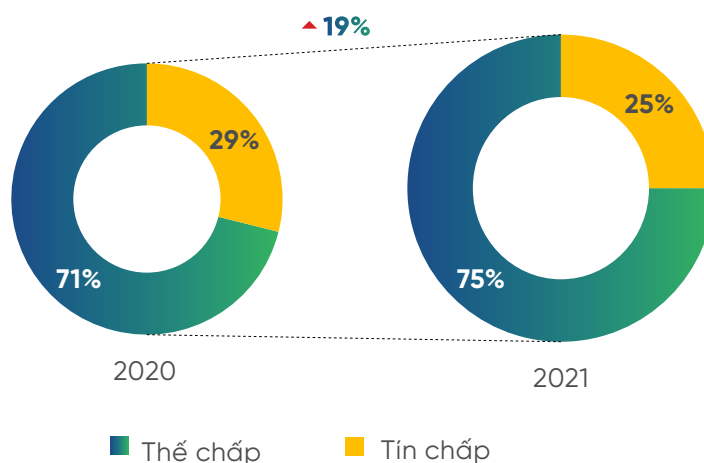
DƯ NỢ CẤP TÍN DỤNG (TỶ ĐỒNG)



Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tài sản

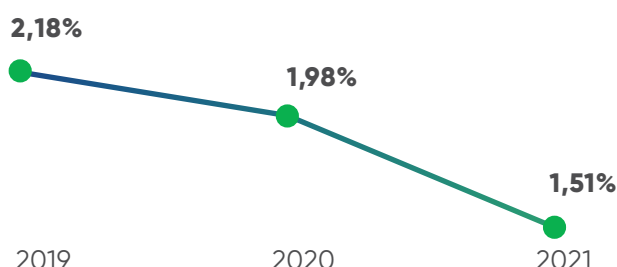
Trước tình hình nghiêm trọng của dịch bệnh, VPBank đã nhanh chóng áp dụng các biện pháp quản lý rủi ro thận trọng, tập trung hoàn thiện các chính sách và quy trình cho toàn bộ tổ chức cũng như cơ chế kiểm soát để quản lý rủi ro toàn diện. Ban lãnh đạo ngân hàng chú trọng đến việc kiểm soát tín dụng với danh mục cho vay, dịch chuyển theo hướng có chọn lọc.

CẤP TÍN DỤNG THEO LOẠI HÌNH



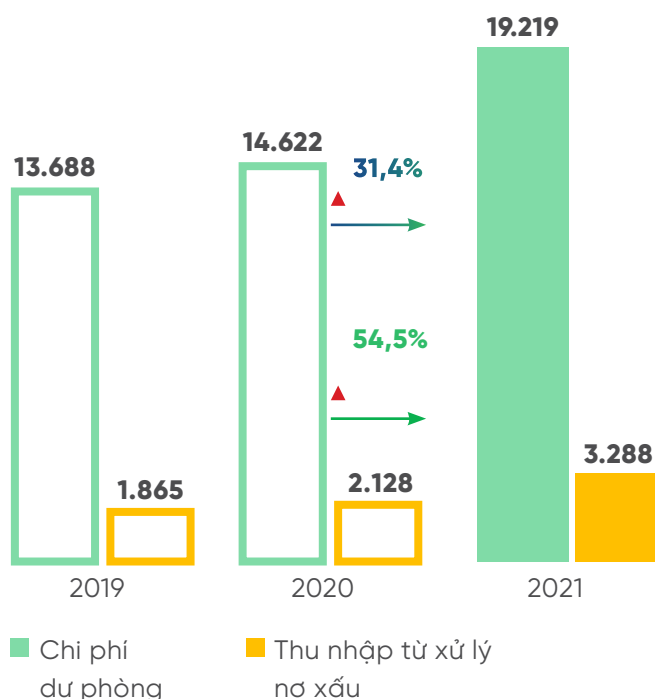
Việc giảm tỷ trọng cho vay tín chấp và thúc đẩy tích cực cấu trúc nợ, xử lý nợ giúp kiểm soát tỷ lệ nợ xấu hợp nhất ở mức 3,65%. Trong đó, ngân hàng mẹ đã cho thấy chất lượng tài sản có những bước cải tiến tích cực khi tỷ lệ nợ xấu giảm dần từ năm 2019, từ 2,18% xuống còn 1,51% vào cuối năm 2021.

TỶ LỆ NỢ XẤU TẠI NGÂN HÀNG RIÊNG LẺ (TT11)(%)



Song song với những nỗ lực kiểm soát nợ xấu, năm 2021 VPBank tiếp tục chủ động tăng nguồn lực dự phòng. Chi phí dự phòng của cả năm 2021 hợp nhất tăng 31,4% so với năm trước. Tại ngân hàng riêng lẻ, chi phí dự phòng tăng 52,9%, trong đó, ngân hàng trích lập bổ sung hơn 1 nghìn tỷ đồng cho các khoản nợ tái cơ cấu theo Thông tư 14/2021/TT-NHNN vào thời điểm cuối năm 2021, hoàn thành 30% tổng trích lập dự phòng bổ sung theo quy định tại Thông tư 03/2021/TT-NHNN. Điều này thể hiện mức độ thận trọng của ngân hàng khi luôn sẵn sàng với “bộ đệm” dự trữ để ứng phó với những rủi ro bất chợt từ tác động của dịch bệnh. Bên cạnh đó ngân hàng cũng luôn chú trọng đến các biện pháp thu hồi nợ hiệu quả. Thu nhập từ xử lý nợ xấu hợp nhất đạt hơn 3 nghìn tỷ đồng vào cuối năm 2021, tăng trưởng 54,5%, đóng góp một phần đáng kể vào tổng thu nhập của ngân hàng.

CHI PHÍ DỰ PHÒNG VÀ THU NHẬP TỪ XỬ LÝ NỢ XẤU (TỶ ĐỒNG, %)





Lễ ký kết khoản vay hợp vốn trị giá 200 triệu USD giữa VPBank và SMBC

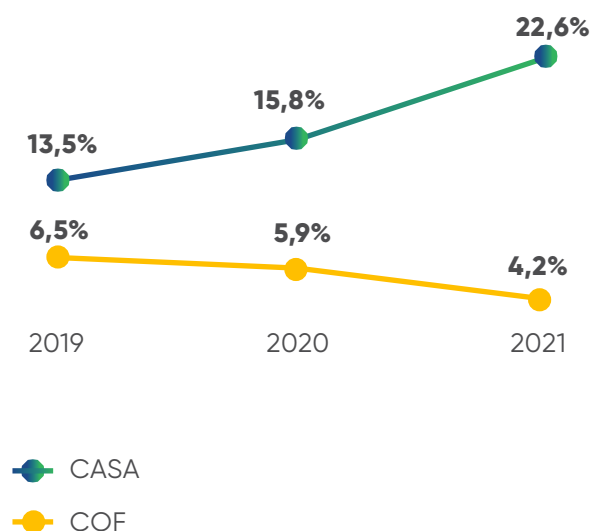
CASA tăng mạnh, chi phí vốn liên tục giảm

Huy động từ tiền gửi khách hàng và phát hành giấy tờ có giá năm 2021 được ngân hàng duy trì ở mức hợp lý đạt 323 nghìn tỷ, tăng 9,1% so với năm 2020. Một điểm sáng tích cực trong công tác huy động vốn của ngân hàng là việc tăng trưởng vượt bậc của tiền gửi không kỳ hạn (CASA) nhờ ưu tiên đầu tư vào các sáng kiến công nghệ và hệ thống nền tảng, chuyển đổi số cũng như tăng cường trải nghiệm khách hàng. CASA đạt một kết quả đột phá tại thời điểm cuối năm 2021 với số dư trên 54 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng gần 50% so với cuối năm trước, nâng tỷ lệ CASA toàn hàng lên 22,6% so với 15,8% tại cuối năm 2020.

Bên cạnh đó, cơ cấu nguồn vốn của Ngân hàng được tối ưu liên tục bằng việc đa dạng hóa huy động từ nhiều nguồn khác nhau đảm bảo thanh khoản cho hoạt động kinh doanh. Trong Quý 4 năm 2021, VPBank đã huy động thành công 300 triệu USD từ JICA, SMBC và các tổ chức quốc tế uy tín khác. Đây là nguồn huy động quan trọng để VPBank củng cố nền tảng vốn ổn định dài hạn, tăng trưởng bền vững và tiếp tục cung ứng các giải pháp hỗ trợ cho cả khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp trong thời gian tới.

Nhờ nắm bắt các cơ hội thanh khoản của thị trường, VPBank đã linh hoạt điều tiết bảng cân đối và cơ cấu nguồn vốn giúp Ngân hàng tiết giảm chi phí vốn (COF) hơn 1,7% về mức 4,2%, đây là mức giảm cao và ấn tượng trên thị trường. Các tỷ lệ an toàn của VPBank vẫn tiếp tục được duy trì ở mức tốt, tuân thủ tốt quy định của NHNN trong đó LDR ở mức 75,7% và tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn được kiểm soát ở mức 23,3%.

TỶ LỆ CASA VÀ CHI PHÍ VỐN COF (%)



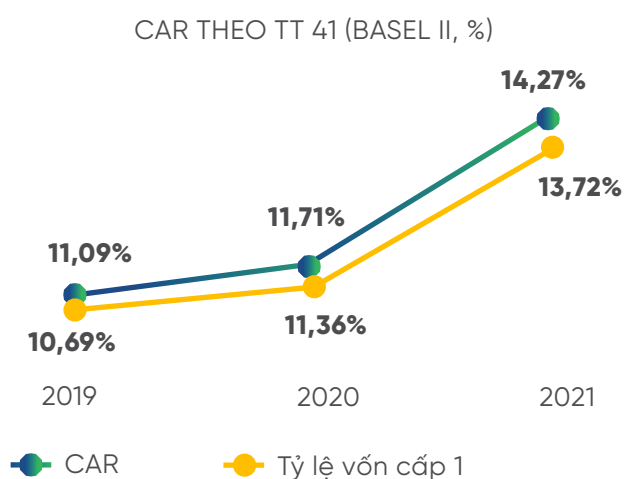


Nền tảng vốn vững mạnh, tạo đà bứt phá tương lai

Cuối tháng 10 năm 2021, VPBank hoàn tất bán 49% vốn điều lệ tại FE Credit cho SMBC, xác lập kỷ lục thương vụ M&A có quy mô lớn nhất ngành tài chính Việt Nam. Đồng thời, Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng cũng được đổi tên thành Công ty Tài chính TNHH VPBank SMBC và giữ nguyên thương hiệu FE Credit. Thương vụ thành công này đã đưa VPBank lên vị thế hàng đầu về quy mô vốn với vốn chủ sở hữu đạt mức gần 90 nghìn tỷ đồng, nằm trong nhóm các ngân hàng có vốn chủ sở hữu lớn nhất thị trường. Với mức tăng trưởng hơn 63% của vốn chủ sở hữu, VPBank là ngân hàng có mức tăng trưởng lớn nhất trong năm và trong 5 năm trở lại đây trong hệ thống. Trong năm, VPBank cũng hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên hơn 45 nghìn tỷ đồng thông qua chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 80%, đưa ngân hàng trở thành ngân hàng có mức vốn điều lệ lớn thứ 2 trên thị trường tại thời điểm cuối năm 2021.

Nhờ nguồn vốn dồi dào, tại cuối năm 2021, tỷ lệ an toàn vốn (CAR) theo tiêu chuẩn Basel II (TT41) của ngân hàng hợp nhất đạt 14,27% vượt xa mức yêu cầu của NHNN là 8%, và tiệm cận các ngân hàng

hàng đầu khu vực. Lượng vốn lớn giúp VPBank củng cố năng lực tài chính, đảm bảo tốt các chỉ tiêu an toàn hoạt động, có cơ sở để mở rộng các cơ hội kinh doanh của phân khúc chiến lược cũng như đầu tư vào các mảng mới để hỗ trợ các hoạt động kinh doanh truyền thống. Các kế hoạch đầu tư mạnh mẽ sẽ giúp VPBank đạt được mục tiêu tăng trưởng cả về quy mô lẫn chất lượng trong tương lai.



Đa dạng hóa doanh thu, vững vàng khẳng định vị thế

Trước những thử thách liên tiếp trong năm 2021, khi nhiều phân khúc khách hàng nhất là các phân khúc thu nhập thấp và cận trung bình chịu tổn thương nặng nề do đại dịch, VPBank đã không ngừng cố gắng, liên tục triển khai các phương án kinh doanh nhằm đa dạng hóa nguồn doanh thu và thích ứng với hoàn cảnh mới. Nhờ đó, Tổng thu nhập hoạt động (TOI) hợp nhất đạt hơn 44 nghìn tỷ đồng, tăng 13,5% so với cùng kỳ, khẳng định vị thế dẫn đầu trong nhóm ngân hàng TMCP tư nhân. TOI từ các hoạt động kinh doanh cốt lõi của ngân hàng mẹ đạt gần 28 nghìn tỷ đồng,

tăng trưởng 34,2%.

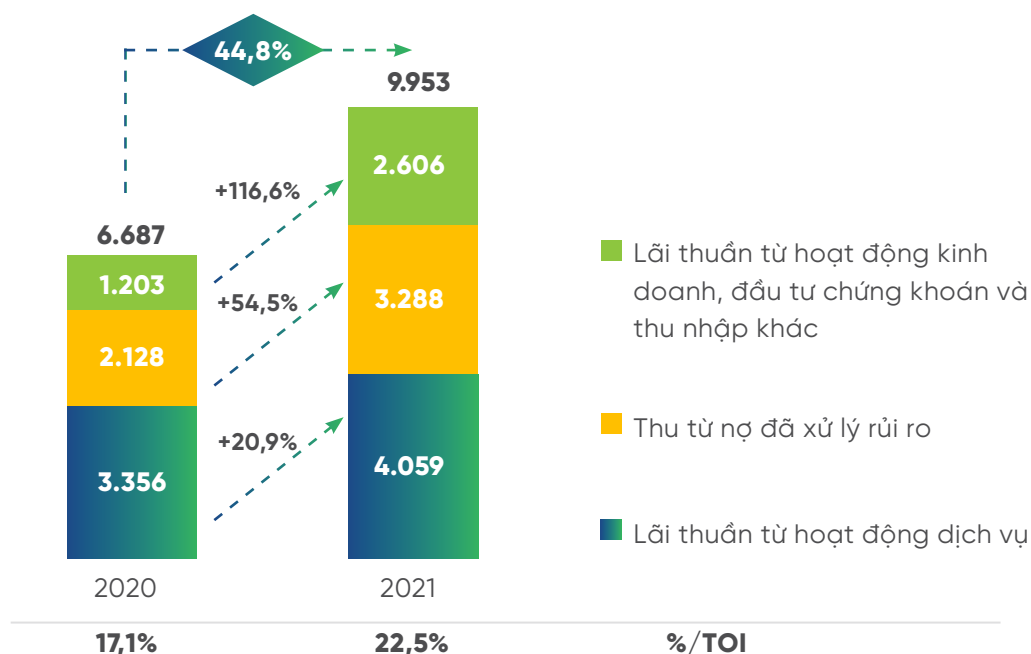
Thu nhập lãi thuần hợp nhất tăng trưởng 6,2%, đạt hơn 34 nghìn tỷ đồng, thấp hơn mức tăng trưởng tín dụng chủ yếu do công tác điều tiết tín dụng thận trọng, giảm tỷ trọng các khoản vay tín chấp và chủ động giảm lãi suất cho khách hàng với nhiều chương trình hỗ trợ ưu đãi trong thời gian vừa qua.

Tuy nhiên, thu nhập ngoài lãi của ngân hàng đã có những kết quả khả quan, bù đắp cho mức tăng trưởng khiêm tốn của thu nhập lãi và đảm bảo tăng trưởng lợi nhuận ổn định. Tỷ trọng thu nhập

ngoài lãi hợp nhất đạt 22,5%, cao nhất trong hơn 10 năm gần đây. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ của ngân hàng hợp nhất đạt hơn 4 nghìn tỷ, tăng trưởng gần 21%. Trong đó, ngân hàng riêng lẻ đạt hơn 3,6 nghìn tỷ đồng, tăng xấp xỉ 19% so với cùng kỳ, tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu trong khối tư nhân. Kết quả này phản ánh nỗ lực của ngân hàng trong chuyển đổi số, nâng cấp hệ thống thanh toán, cùng với đó là không ngừng cải thiện các dịch vụ quản lý và duy trì tài khoản.

CƠ CẤU THU NHẬP NGOÀI LÃI

Đơn vị: tỷ đồng



Tận dụng tối đa cơ hội từ thị trường, thu nhập từ hoạt động kinh doanh và đầu tư chứng khoán đạt hơn 3 nghìn tỷ, tăng trưởng 2,3 lần so với cuối năm 2020.

Thu nhập từ nợ đã xử lý rủi ro hợp nhất trong năm vừa qua đã tăng trưởng mạnh mẽ, đạt hơn 3.200 tỷ đồng, tăng 54,5% so với cùng kỳ năm trước.

Trái ngọt từ chuyển đổi số

VPBank tự hào là ngân hàng tiên phong trên thị trường đầu tư vào chiến lược số hóa một cách bài bản và toàn diện cho các phân khúc khách hàng khác nhau. Năm 2021 khi chịu ảnh hưởng của những đợt giãn cách xã hội, hoạt động số ở VPBank và thay đổi tư duy, thói quen tương tác của khách hàng đều được thúc đẩy. Chính sự sẵn sàng của VPBank đã bắt kịp được với xu hướng thay đổi của thị trường và hành vi khách hàng, góp phần vào thành công to lớn cho năm 2021 không chỉ ở phương diện tối ưu chi phí hoạt động mà còn giúp tăng trưởng năng suất, cải thiện trải nghiệm khách hàng. 2021 là năm bùng nổ khi ngân hàng liên tiếp đưa ra thị trường các giải pháp công nghệ, điển hình là các thương hiệu và nền tảng giao dịch như VPBank NEO, VPBank Prime, Race Car, Race Home, VPBank NEO Express. VPBank đã đạt được 124 triệu giao dịch qua kênh giao dịch số VPBank NEO, tăng trưởng gấp 2 lần so với cùng kỳ năm ngoái. Vào cuối năm, VPBank NEO được trao giải thưởng Ngân hàng số sáng tạo nhất 2021 từ The Digital Banker nằm trong khuôn khổ hệ thống vinh danh các tổ chức tin dụng đã xuất sắc trong việc phát triển, đưa vào ứng dụng các kỹ thuật công nghệ. Điều đó chứng minh cho nỗ lực phát triển VPBank NEO thành một ngân hàng số toàn năng có thể cung cấp dịch vụ đầy đủ và

rộng khắp các sản phẩm tài chính ngân hàng cho khách hàng.

Bên cạnh đó, các sản phẩm số hóa cho khách hàng SME được đẩy mạnh trong 2021 bằng việc ra mắt VPBank NEO Biz, phát triển tính năng mở tài khoản từ xa qua công nghệ định danh trực tuyến (eKYC) và giải pháp thanh toán EcomPay – Simplify hỗ trợ doanh nghiệp hội nhập thương mại điện tử. Ưu điểm của các giải pháp này là quy trình áp dụng nhanh gọn, khách hàng không cần mất nhiều thời gian, công sức và chi phí như các cách thức truyền thống trước đây.

Ngoài những thành tựu quan trọng về số hóa tại ngân hàng mẹ, chiến lược số hoá cũng được áp dụng toàn diện tại công ty con FE Credit. Định hướng trở thành một công ty Fintech (Tài chính công nghệ), FE Credit đã xây dựng và vận hành thành công mô hình Social Credit Scoring, dựa trên Big Data và AI, đồng thời, doanh nghiệp đã kết hợp với các công ty hàng đầu thế giới và đưa vào hàng loạt quy trình tự động hoá như: tự động hoá quy trình bằng Robot (RPA); tự động toàn bộ cuộc gọi đi từ tổng đài và số hoá toàn bộ quy trình bán hàng nhằm tối ưu năng suất lao động và nâng cao trải nghiệm dịch vụ khách hàng. Bên cạnh đó, FE Credit tiếp tục

đẩy mạnh "\$NAP" – Ứng dụng vay tự động đầu tiên tại Việt Nam với hơn 10.000 khoản vay được phê duyệt mỗi tháng; còn ứng dụng tra cứu và quản lý khoản vay "FE Credit Mobile" đang sở hữu hơn 2 triệu người dùng. Ngoài ra, "\$HIELD" – Ứng dụng mua bảo hiểm thông minh, còn cung cấp giải pháp toàn diện cho mọi nhu cầu bảo hiểm sức khỏe và tài chính. Đặc biệt, trong năm 2021, FE Credit đã tập trung phát triển hệ sinh thái quanh ứng dụng UBank, ngân hàng số chuyên biệt cung cấp các dịch vụ ngân hàng và tài chính khác ngoài tín dụng tiêu dùng cho hàng triệu khách hàng của FE Credit.

Với lợi thế về số hoá và chiến lược kiểm soát chi phí hiệu quả, chi phí hoạt động của VPBank trong năm 2021 thậm chí đã giảm xấp xỉ 6% so với một năm trước. Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) tiếp tục duy trì xu hướng giảm tích cực, từ 33,9% cuối năm 2020 xuống 24,2% cuối năm 2021. Kết quả này đã khẳng định vị trí đứng đầu hệ thống của VPBank về hiệu quả sử dụng chi phí hoạt động.

CIR

33,9%

29,2%

24,2%

2019

2020

2021

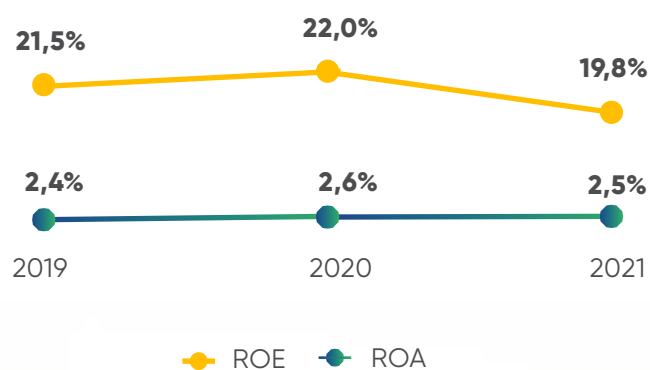
Lợi nhuận tăng trưởng bền vững, ngân hàng mẹ bứt phá

Nhờ tối ưu hóa dòng vốn, tiết giảm chi phí, kiểm soát chặt rủi ro và mở rộng thị phần, lợi nhuận hợp nhất trước thuế của VPBank trong năm 2021 tăng hơn 10% so với cùng kỳ năm trước, đạt 14.364 tỷ đồng. Lợi nhuận đạt được tương đương với 86% kế hoạch. Cũng trong năm 2021, ngân hàng đã tích cực đồng hành cùng chính sách của Ngân hàng Nhà nước nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó do đại dịch. Ước tính, VPBank đã giảm hơn 1.200 tỷ đồng lãi suất cho hơn 400 nghìn khách hàng. Bên cạnh đó, ngân hàng dành ra hơn 500 tỷ đồng ủng hộ cho các hoạt động phòng chống COVID-19 của Chính phủ. Đồng thời, ngân hàng đã tăng mạnh dự phòng rủi ro do ảnh hưởng từ dịch bệnh đối với một số phân khúc khách hàng.

Tuy hoạt động kinh doanh của FE Credit bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh trong năm 2021 nhưng ngân hàng mẹ VPBank đã có một sự bứt phá mạnh mẽ. Kết thúc năm 2021, lợi nhuận trước thuế ngân hàng riêng lẻ ghi nhận gần 38 nghìn tỷ đồng, tăng hơn 4 lần so với năm 2020. Trong đó, hoạt động đầu tư và thoái vốn tại công ty con đóng góp 24 nghìn tỷ đồng lợi nhuận, chủ yếu đến từ

thương vụ chuyển nhượng vốn tại FE Credit, thương vụ M&A lớn nhất trong lịch sử lĩnh vực tài chính ngân hàng. Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động kinh doanh cốt lõi của ngân hàng mẹ tăng 51%, đạt hơn 14 nghìn tỷ đồng.

Kết thúc năm, các chỉ số hiệu quả sử dụng vốn, tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) và tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) hợp nhất tiếp tục được duy trì thành công ở mức cao, lần lượt đạt 2,5% và 19,8%, trong nhóm dẫn đầu thị trường.



So sánh KQKD 2021 với kế hoạch ĐHĐCĐ

Đơn vị: tỷ đồng

TỔNG TÀI SẢN

▲ Hoàn thành 111% →

Kế hoạch		492.409
Thực hiện		547.409

HUY ĐỘNG KHÁCH HÀNG VÀ GIẤY TỜ CÓ GIÁ

▲ Hoàn thành 91% →

Kế hoạch		363.280
Thực hiện		323.133

DƯ NỢ CẤP TÍN DỤNG

▲ Hoàn thành 102% →

Kế hoạch		376.340
Thực hiện		384.030

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

▲ Hoàn thành 86% →

Kế hoạch		16.654
Thực hiện		14.364

TỶ LỆ NỢ XẤU NGÂN HÀNG RIÊNG LẺ

▲ Hoàn thành →

Kế hoạch	<3%
Thực hiện	1,51%



THAY ĐỔI & THÍCH ỨNG

COVID-19 đã làm gián đoạn, đình trệ nhiều lĩnh vực của cuộc sống, thế giới đã nhanh chóng tìm ra những phương thức mới để các hoạt động xã hội, kinh tế tiếp tục vận hành. VPBank cũng đã linh hoạt thay đổi và chủ động thích ứng, nhờ vậy đã làm nên thành công, trở thành một trong những ngân hàng có tốc độ tăng trưởng cao hàng đầu hệ thống

Năm 2021 là một năm đầy khó khăn và thách thức với kinh tế - xã hội Việt Nam. Dịch COVID-19 diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường hơn, buộc chúng ta phải áp dụng nhiều biện pháp mạnh với phạm vi rộng hơn và thời gian lâu hơn, khiến tăng trưởng kinh tế năm thứ hai liên tiếp giảm sâu; sản xuất - kinh doanh, lao động, việc làm, an sinh xã hội bị ảnh hưởng nặng nề, gây tổn thất nghiêm trọng.

Không chỉ vậy, đại dịch COVID-19 đã thay đổi toàn thế giới. Cuộc sống thay đổi, tiêu dùng thay đổi, các phương thức kinh doanh, cấu trúc kinh tế cũng thay đổi. Trong bối cảnh đó, muốn thành công, các doanh nghiệp cũng buộc phải thay đổi và thích ứng. VPBank, tiếp bước hành trình của năm 2020, cũng đã tiếp tục linh hoạt thay đổi và chủ động thích ứng, không phải chỉ để vượt qua khó khăn, mà còn là tìm kiếm và tận dụng các cơ hội mới để duy trì và tăng tốc phát triển.

Số hóa là một trong những thay đổi quan trọng nhất, trong bối cảnh công nghệ đang ngày càng được áp dụng rộng khắp trong các hoạt động kinh tế - xã hội, thay vì làm việc, họp hành, mua sắm trực tiếp, hình thức trực tuyến đã "lên ngôi". Năm 2021, cả khối khách hàng cá nhân và các khối khách hàng doanh nghiệp của VPBank đã đẩy nhanh tốc độ số hóa dịch vụ sản phẩm và thu được kết quả tốt, lấp đầy khoảng trống trong tiếp cận với khách hàng do giãn cách xã hội, cũng như đáp ứng được sự thay đổi hành vi tiêu dùng của khách hàng.

Các thương hiệu và các nền tảng giao dịch như VPBank Prime, VPBank NEO, Race Car, Race Home, VPBank NEO Express, VPBank NEOBiz đã được ra mắt và mang tới sự thuận lợi trong tiếp cận và chăm sóc khách hàng. Hàng loạt ứng dụng công nghệ đã được triển khai để có thể cho ra mắt hệ sinh thái toàn diện các dịch vụ số hóa, như giải ngân online, cấp



thấu chi online, cho vay Auto online, mở tài khoản online qua eKYC, gửi tiền online... Điều này không chỉ giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của VPBank, mà còn góp phần giảm chi phí hoạt động và nâng cao năng lực tiếp cận và cung cấp dịch vụ không tiếp xúc cho khách hàng.

Nhờ vậy, tăng trưởng tín dụng của VPBank đã đạt tới 18,9% trong năm 2021. Các phân khúc chiến lược gồm khách hàng cá nhân và doanh nghiệp vừa và nhỏ tăng trưởng tới 33%. Lợi thế từ hoạt động số hóa cũng giúp VPBank tạo ra được sự bứt phá trong thu hút lượng tiền gửi không kỳ hạn (CASA). Tỷ trọng CASA chiếm tới 22,6% tổng huy động của toàn ngân hàng. Đây là một trong những yếu tố hỗ trợ ngân hàng giảm chi phí vốn và tăng trưởng hiệu quả.

Năm 2021, với định hướng chiến lược tạo ra sự khác biệt về trải nghiệm khách hàng, VPBank đã

xây dựng các chương trình hành động về trải nghiệm khách hàng một cách toàn diện, thống nhất sâu rộng đến tất cả các khối và đơn vị trên toàn hệ thống. Theo đó, trải nghiệm khách hàng được tính đến trong mọi quyết định kinh doanh.

Để thích ứng với tình hình dịch bệnh, VPBank cũng đã linh hoạt điều chỉnh chính sách cho vay và thay đổi chiến lược tiếp cận khách hàng. Để kiểm soát rủi ro và kinh doanh hiệu quả trong bối cảnh dịch bệnh, VPBank đã ngừng cấp tín dụng với các ngành nghề không thiết yếu; giảm tỷ trọng cho vay tín chấp và thúc đẩy tích cực xử lý nợ.

Đồng thời, ngân hàng tích cực hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh. Không chỉ là cơ cấu nợ và dời lịch trả nợ cho khách hàng, nhất là với các khách hàng trên địa bàn đang áp dụng chỉ thị phong tỏa, cách ly...; hay xây dựng hướng dẫn ký

hồ sơ vay vốn linh hoạt để hỗ trợ khách hàng bị cách ly do COVID-19..., mà còn triển khai các chương trình giảm lãi suất hỗ trợ khách hàng vay vốn bị ảnh hưởng bởi COVID-19..

Đồng đảo khách hàng đã ủng hộ sự thay đổi và thích ứng này của VPBank. Nhờ thế, ngân hàng mở rộng được thị phần, tối ưu hóa được dòng vốn, tiết kiệm được chi phí và kiểm soát được rủi ro. Trong bối cảnh nhiều hoạt động kinh tế bị đình trệ kéo dài trong thời gian giãn cách xã hội, kết quả trên là minh chứng cho thấy khả năng ứng biến, thích nghi của VPBank đã mang lại hiệu quả tích cực.



VPBank express

Dù đối mặt với nhiều khó khăn trong năm 2021, VPBank vẫn đạt kết quả kinh doanh khả quan ở phân khúc khách hàng cá nhân, một trong những phân khúc chiến lược của ngân hàng. Tất cả là nhờ sự linh hoạt thay đổi trong việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ mới, cũng như trong chăm sóc khách hàng.

PHÂN KHÚC KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Kết quả kinh doanh khả quan

Năm 2021 tiếp tục là một năm thành công của VPBank trong phục vụ phân khúc khách hàng cá nhân, bất chấp đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới việc làm và thu nhập của nhóm khách hàng này. Tuy nhiên, trên thực tế, **tăng trưởng tín dụng hợp nhất là 18,9%**.

Trong đó, với riêng phân khúc khách hàng cá nhân, tăng trưởng tín dụng vẫn mạnh mẽ và quan trọng hơn, là vẫn kiểm soát được nợ trong điều kiện COVID-19 phức tạp. Chỉ riêng tăng trưởng tín dụng cho vay thế chấp đã đạt 32.000 tỷ đồng, gấp 3 lần các năm trước.

Có thể nói, việc số hóa quy trình phê duyệt và thẩm định, nâng cao trải nghiệm khách hàng đã giúp VPBank gia tăng được một lượng lớn khách hàng. Đến cuối năm 2021, 90% danh mục tín chấp khách hàng cá nhân được giải ngân qua kênh số hóa; 100% giải ngân tự động cho nhóm khách hàng hộ gia đình hiện hữu vay tín chấp; và 75% danh mục cho vay mua ô tô giải ngân qua Race App.

VPBank cũng đã bước đầu triển khai số hóa cho sản phẩm nhà thông qua Pro App.

Không chỉ tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ, năm 2021 ghi nhận sự bứt phá của nhóm khách hàng cá nhân trong thu hút lượng tiền gửi không kỳ hạn. Nhờ đó, tỷ trọng CASA đã tăng lên, giúp ngân hàng giảm được 1,7% giá vốn huy động và tăng trưởng hiệu quả hơn.

60%

Động lực chính cho sự tăng trưởng cả về số lượng và chất lượng chính là Esodep (tài khoản số đẹp). Esodep dự kiến sẽ khai thác được 582.000 khách hàng mới, đóng góp 60% số lượng khách hàng mới của toàn phân khúc khách hàng cá nhân trong năm 2021 và kỳ vọng mang lại 742 tỷ đồng quy mô CASA, đóng góp 68% tổng quy mô từ nhóm khách hàng mới.

55%

Tổng số tiền gửi của khách hàng qua kênh online đã tăng trưởng mạnh cả về tỷ trọng khách hàng và quy mô đóng góp, từ 31% lên 55%, nhờ các chiến lược hành động nhằm thúc đẩy, chuyển dịch từ quầy và nâng cao trải nghiệm khách hàng trên VPBank Online.

70%

Kỳ vọng 2022, tỷ lệ số dư online sẽ tăng lên 70%, dẫn đầu thị trường.

Thay đổi để tăng tốc

Có được kết quả kinh doanh khả quan như trên, có thể nói, là nhờ VPBank đã chủ động thay đổi và linh hoạt thích ứng. Một thay đổi mạnh mẽ nhất, đó chính là số hóa.

Kể từ khi đại dịch COVID-19 bùng phát, có tới 70 triệu người Việt Nam đã trở thành khách hàng số. Theo xu thế số hóa của toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng, VPBank đã phát triển hệ sinh thái số hóa và các siêu ứng dụng/nền tảng.

Nhờ hệ sinh thái này, khách hàng có thể mở tài khoản thanh toán và thẻ phi vật lý trên điện thoại di động nhanh chóng chỉ trong vòng 5 phút. Khách hàng cũng có thể mở thẻ tín dụng và chi tiêu tức thời, thậm chí là mở tài khoản ngân hàng và tài khoản giao dịch chứng khoán ngay lập tức. Vay mua nhà, mua xe cũng có thể được thực hiện online, với quy trình thẩm định thông qua eKYC, qua video call và được giải ngân nhanh chóng. Khách hàng muốn mua bảo hiểm cũng sẽ được tư vấn online và phát hành hợp đồng điện tử, thay vì phải thực hiện rất nhiều thủ tục như trước đây...

Năm 2021 đã đánh dấu sự tăng trưởng mạnh

mẽ của nền tảng Ngân hàng số VPBank NEO. Lũy kế đến cuối năm 2021, tổng số lượng khách hàng đã đăng ký VPBank NEO đạt xấp xỉ 3 triệu người dùng. Số lượng giao dịch tài chính trên nền tảng VPBank NEO trong năm 2021 đạt 124 triệu giao dịch, tăng 91% so với năm 2020.

Kể từ khi ra mắt, nền tảng mới VPBank NEO nhận được sự đón nhận rất tích cực từ phía khách hàng. Đến cuối tháng 12/2021, điểm đánh giá của VPBank NEO trên các chợ ứng dụng đạt mức điểm cao nhất so với tất cả các banking app trên thị trường (4.9/5 trên hệ điều hành IOS và 4.6/5 trên hệ điều hành Android).

Rõ ràng, số hóa sản phẩm, dịch vụ chính là cách để VPBank đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng trong đại dịch, và đây chính là nền tảng quan trọng để ngân hàng đạt được những thành công to lớn trong năm 2021.

Cùng với đó, việc VPBank điều chỉnh các chính sách cho vay nhằm thích ứng với tình hình dịch bệnh, cũng như có nhiều hỗ trợ, đặc biệt là cơ cấu nợ, dời lịch trả nợ cho khách hàng cũng đã "ghi điểm" với khách hàng.

VPBank cũng đã hỗ trợ toàn bộ các khách hàng tại 12 địa phương trên cả nước dời lịch trả nợ linh hoạt trong giai đoạn giãn cách xã hội từ 16/08-15/09/2021.

Sự hỗ trợ này đã khiến khách hàng thêm tin yêu và tiếp tục lựa chọn VPBank. Và đây là nền tảng quan trọng để VPBank tiếp tục tăng tốc phát triển.

Bảo hiểm

Năm 2021 là năm thành công của dịch vụ Bancassurance, cho dù dịch bệnh diễn biến phức tạp, đặc biệt trong giai đoạn nhiều tỉnh thành trong cả nước phải thực hiện giãn cách xã hội trên diện rộng. Đặc thù của sản phẩm này là cần chăm sóc và tư vấn trực tiếp, trong khi khách hàng hạn chế ra ngoài, đặc biệt là tài chính của khách vẫn tiếp tục bị ảnh hưởng đáng kể so với trước dịch.

Cập nhật số liệu năm 2021, VPBank đạt hơn 800 tỷ đồng doanh số phí bảo hiểm nhân thọ.

Tăng trưởng của bảo hiểm phi nhân thọ năm 2021 đang ở mức 150% so với năm 2020.

Năm 2021, VPBank đã rất nỗ lực để phát triển dịch vụ Bancassurance. Ngân hàng đã triển khai quy trình bán hàng trực tuyến, cho phép khách hàng được tư vấn qua các nền tảng online như: zalo, zoom, viber và đặc biệt là phát hành hợp đồng điện tử qua công nghệ xác thực trực tuyến đa yếu tố mà không cần gặp mặt trực tiếp chuyên viên tư vấn.

Đồng thời, triển khai các gói combo sản phẩm kết hợp bảo hiểm nhân thọ với các sản phẩm khác (như sản phẩm thẻ, gửi tiết kiệm, vay) nhằm gia tăng ưu đãi cho khách hàng. VPBank cũng đã phối hợp với đối tác để không

ngừng nâng cao chất lượng bán hàng trước bán và sau dịch vụ, như đơn giản hóa quy trình thẩm định; gia tăng quyền lợi của khách hàng có bảo hiểm tại VPBank khi định danh khách hàng ưu tiên...

Thẻ

Năm 2021, bất chấp những khó khăn do dịch bệnh, VPBank vẫn giữ vững vị trí số 1 về thẻ tín dụng và bứt tốc tăng trưởng thẻ IDC. Cả số lượng thẻ lưu hành và doanh số tiêu dùng của thẻ tín dụng đều đứng đầu thị trường. Tỷ lệ thâm nhập khách hàng mới của thẻ IDC tăng từ 34% lên 66% trong năm 2021.

Đây là kết quả của những bước đột phá trong cách tiếp cận khách hàng ở phân khúc thẻ. Theo đó, quy trình phát hành thẻ tín dụng

được số hóa hoàn toàn để đáp ứng nhu cầu của khách hàng về sự thuận tiện và nhanh chóng trong quá trình mở thẻ.

Các loại thẻ được yêu thích và có kết quả kinh doanh nổi bật là thẻ tín dụng StepUp, thẻ tín dụng Lady, thẻ MC2, thẻ Shopee. Việc nắm bắt đúng nhu cầu khách hàng, triển khai các chương trình ưu đãi phù hợp không chỉ giúp thu hút khách hàng mở thẻ mới mà còn khuyến khích chủ thẻ hiện hữu tăng chi tiêu trên thẻ



MAF

MAF (khách hàng trung lưu) là một phân khúc mới và được xác định là quan trọng trong phân khúc khách hàng cá nhân của ngân hàng. Đây là phân khúc có nhiều tiềm năng và đóng góp tỷ trọng trọng lớn cho mảng khách hàng cá nhân, trong đó Millennials (những người sinh từ những năm 1980 - 2000) chiếm 75%.

Với tầm nhìn trở thành ngân hàng dẫn đầu trong phân khúc MAF, tăng thị phần của VPBank từ 5% lên 20% vào năm 2035, thương hiệu VPBank Prime đã được xây dựng, hướng tới phân khúc khách hàng trung lưu, đặc biệt thế hệ sống bút phá Millennials.

Ngày 6/10, VPBank Prime đã chính thức ra mắt trên thị trường, với định vị "thương hiệu tài chính đầu tiên tại Việt Nam dành riêng cho thế

hệ người Việt trẻ sống bút phá", cung cấp giải pháp toàn diện, "đo ni đóng giày" với ba đặc tính nổi bật: "Combo" hoá, số hoá và chế độ chăm sóc đột phá cho khách hàng. Sứ mệnh của VPBank Prime là "biến những nỗ lực của khách hàng hôm nay thành thịnh vượng ngày mai".

Sau màn ra mắt ấn tượng, VPBank Prime đạt kết quả kinh doanh tích cực: tăng trưởng gần gấp đôi số lượng khách hàng, thu hút số lượng khách hàng mới gấp 5,5 lần so với 2020. Nhóm khách hàng trung lưu từ VPBank Prime được nâng cấp lên VPBank Diamond cũng gần gấp 4 lần so với 2020 kể từ khi ra mắt. Đến hết năm 2021, tổng doanh thu của nhóm khách hàng này đóng góp vào gần 50% doanh thu của toàn mảng khách hàng cá nhân.

AF

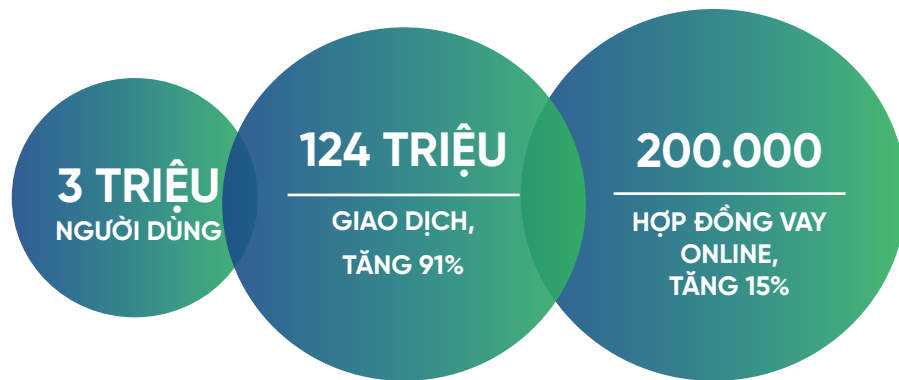
Năm 2021, phân khúc khách hàng ưu tiên (AF) đã đạt số lượng khách hàng ưu tiên vượt 200.000 khách hàng, tăng 110% so với cùng kỳ năm 2020. Chỉ số NPS, chỉ số duy trì sự hài lòng của khách hàng, được duy trì ổn định, đạt mức 94% và điều này đã phản ánh chất lượng tăng trưởng và sự tăng trưởng bền vững của phân khúc.

Với phương châm "Lấy khách hàng là trọng tâm", năm 2021, hàng loạt gói giải pháp tài chính dựa trên các đặc tính chính của phân khúc khách hàng cao cấp đã được tung ra thị trường, bao gồm Gói Diamond Business cho chủ doanh nghiệp; Gói Diamond Invest cho nhà đầu tư; Gói Diamond Employ Banking dành cho các khách hàng là quản

lý cấp cao và Gói Diamond Retirees cho các khách hàng đã nghỉ hưu. Các gói dịch vụ này đã thu hút nhiều khách hàng chất lượng cho phân khúc.

Đặc biệt, VPBank cũng mang đến cho khách hàng ưu tiên những đặc quyền về phong cách sống mới của giới thượng lưu, như Chương trình Diamond HNW, Kho quà tặng dành riêng cho khách hàng ưu tiên để làm phong phú thêm trải nghiệm của khách hàng tại VPBank Diamond. Các chương trình đặc quyền riêng khác và đẳng cấp tinh tế đã giúp thu hút được một lượng lớn khách hàng, trong đó có nhiều khách hàng VIP, khách hàng siêu giàu.





Năm 2021

Đánh dấu sự tăng trưởng mạnh mẽ của nền tảng Ngân hàng số VPBank NEO. Lũy kế đến cuối năm 2021, tổng số lượng khách hàng đã đăng ký VPBank NEO đạt xấp xỉ 3 triệu người dùng. Số lượng giao dịch tài chính trên nền tảng VPBank NEO trong năm 2021 đạt 124 triệu giao dịch, tăng 91% so với năm 2020.

Với sự hỗ trợ của nền tảng VPBank NEO, tỷ lệ số dư tiết kiệm online đã lên đến 55%, trong khi cuối năm 2020 mới đạt 31%. Tỷ lệ khách hàng gửi tiết kiệm online trên tổng số khách hàng gửi tiết kiệm cũng đã tăng từ mức 55% năm 2020 lên 72% vào cuối năm 2021.

Đối với mảng cho vay, số lượng hợp đồng vay trên VPBank NEO đạt 200.000 hợp đồng, tăng 15% so với năm 2021, bao gồm đa dạng các sản phẩm UPL, thẻ tín dụng, thấu chi và vay cầm cố sổ tiết kiệm online.

Với mục tiêu hướng tới là ngày càng thân thiện với người dùng, trong năm 2021, VPBank NEO đã tích hợp thành công công cụ "Automation Marketing" nhằm hỗ trợ khách hàng hoàn thành các giao dịch dạng dở hay giới thiệu thêm cho khách hàng các tính năng tiện ích

một cách hoàn toàn tự động, theo thời gian thực.

VPBank NEO cũng đã tích hợp thành công trò chơi trên ứng dụng (Game in App), nhằm mang lại cho khách hàng những trải nghiệm thú vị, vui nhộn mà các ứng dụng ngân hàng khác không có được. Hệ sinh thái xoay quanh VPBank NEO cũng đã tiếp tục được mở rộng mạnh mẽ, biến VPBank NEO trở thành một nền tảng mở, toàn diện, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của khách hàng từ tiêu dùng cho đến đầu tư.

Cụ thể, trong năm 2021, VPBank NEO đã kết nối thêm 6 ví điện tử, nâng tổng số ví điện tử kết nối trực tiếp lên con số 14 ví. Cùng với đó, VPBank NEO cũng đã kết nối với mạng lưới QRCode rộng khắp, bao gồm 50.000 điểm thanh toán Smartpay, 40.000 điểm thanh toán VNPAY và thanh toán VietQR tới các tài khoản nằm trong mạng lưới liên kết cùng Napas.

Với hệ sinh thái đầu tư, riêng trong năm 2021, VPBank NEO đã kết nối thêm 6 công ty chứng khoán, nâng tổng số công ty chứng khoán có thể nạp tiền đầu tư trực tiếp trên app VPBank NEO lên con số 8 công ty lớn nhất.

Năm 2022

VPBank đặt mục tiêu tăng trưởng thêm 2 triệu khách hàng VPBank NEO mới, trong đó tối thiểu 70% đến từ nguồn khách hàng mới (New CIF) qua các kênh digital khác nhau sử dụng nền tảng eKYC. Số lượng giao dịch trên VPBank NEO dự kiến tăng lên đạt 236 triệu giao dịch, tăng 90% so với năm 2021.

Bên cạnh đó, VPBank NEO sẽ tiếp tục tập trung cải thiện trải nghiệm, hành trình khách hàng để nhằm thỏa mãn cả những khách hàng cầu kỳ và khó tính nhất, cho phép khách hàng quản lý tài chính toàn diện trên app VPBank NEO.



**"Tôi không ngờ
tất cả đều nhanh
gọn như vậy"**

Anh Tuấn (HN)

**MỌI NHU CẦU ĐỀU
DỄ DÀNG ĐƯỢC
ĐÁP ỨNG Ở VPBANK**

Các khách hàng của VPBank, dù là muốn mở tài khoản, hay khó hơn là vay tiền mua nhà, mua xe, mua bảo hiểm... đều được ngân hàng đáp ứng, với các thủ tục đơn giản, thuận tiện, có thể hoàn toàn thực hiện online. Điều đó khiến họ thêm tin tưởng lựa chọn VPBank là “người đồng hành” trong quản lý tài chính cá nhân.

Anh Lê Văn Tuấn (Hà Nội) mong muốn có một chiếc xe 4 bánh từ lâu. Hiếm một nỗi, số tiền tiết kiệm được không nhiều, nên anh còn “lăn tăn”. Được bạn bè mách bảo rằng có thể vay tiền ngân hàng và thế chấp bằng chính chiếc xe đó, anh quyết định tìm đến một showroom ô tô và quyết định chọn mua chiếc xe Hyundai Accent 1.4L, MT, đồng thời hỏi thủ tục vay vốn. Sau khi được nhân viên showroom tư vấn, anh quyết định chọn vay của VPBank, thông qua Race App. “Thật bất ngờ khi tôi có thể biết được kết quả mình có được duyệt vay hay không chỉ trong 5 phút mà thôi. Tôi đã được hỗ trợ vay với thời gian giải ngân nhanh không tưởng, chỉ sau 2 - 3 ngày là chúng tôi có ngay chiếc xe mơ ước. Thủ tục lại quá đơn giản, có thể linh hoạt sử dụng hồ sơ của tôi hoặc người thân”, anh Tuấn nói và cho biết, chỉ sau một “tích tắc”, anh đã được VPBank cho vay 382 triệu đồng trong vòng 96 tháng để có thể “rinh” chiếc xe mơ ước về nhà.

Có lẽ, trước đó, anh Tuấn không biết được rằng, Race App ra đời chính là bước đột phá của mảng cho vay thế chấp của VPBank. Không chỉ rút ngắn thời gian phê duyệt, mà còn giảm thiểu rủi ro trong quy trình vận hành với sự hỗ trợ của đội chuyên trách tập trung.

Trước đây, khách hàng có nhu cầu mua xe ô tô phải đến đại lý xe chọn xe, sau đó thực hiện các thủ tục truyền thống và phê duyệt bộ hồ sơ, nhanh nhất có thể trong vòng 1 ngày rưỡi và giải ngân có thể trong 5-7 ngày. Còn bây giờ, với Race App, khách hàng đã có thể vay mua xe ô tô với thủ tục 100% số hóa chỉ trong vòng 10 phút.

Nhân viên showroom chính là những người thu thập thông tin khách hàng, nhập thông tin trên app của VPBank. Chỉ trong vòng ít phút sau đó, VPBank sẽ gọi điện thoại cho khách hàng để xác nhận lại thông tin và phê duyệt.

Thậm chí, khó hơn cả vay ô tô là mua nhà, các thủ tục cũng được thực hiện tương tự. Cả với Race Car và Race Home cho nhà dự án, quy trình thẩm định đều được thực hiện qua eKYC, qua Video call để nhận diện khách hàng. Toàn bộ quy trình cho đến khi khách hàng được giải ngân khoản tiền vay mua nhà chỉ trong vòng 1 tuần, thay vì trước đây

nhanh nhất cũng phải mất 2 tuần.

“Tôi đã lo sốt vó vì sợ không thể đáp ứng tiến độ đóng tiền của dự án. Không ngờ tất cả đều nhanh gọn như vậy. Trước đây, tôi đã từng mất cả tháng để hoàn thiện thủ tục vay tiền mua nhà”, bà Hoàng Mai Hương (Đà Nẵng) nói.

Không chỉ là vay mua nhà, mua xe, các khách hàng cá nhân khi tìm đến VPBank cũng luôn được đáp ứng những nhu cầu dù là nhỏ nhất, với thủ tục nhanh gọn và thời gian ngắn đến... không tưởng.

“Quy trình đăng ký mở thẻ tín dụng hoàn toàn online chỉ mất chưa đầy 1 phút, và sau 30 phút tôi đã có thể dùng thẻ để mua sắm ngay và không bỏ lỡ những sự kiện mua sắm lớn trên Shopee”, chị Nguyễn Phương Thảo (TP.HCM), một “fan” của mua sắm online và vô cùng thích “quẹt thẻ” tín dụng hồ hởi nói.

Theo chị Thảo, dùng thẻ tín dụng là cách để chị có thể thanh toán không dùng tiền mặt một cách nhanh chóng và an toàn, nhất là trong “thời” COVID-19, thương mại điện tử đang lên ngôi và người tiêu dùng thì e dè dùng tiền mặt vì sợ dễ lây lan virus.

“Ngoài ra, tôi còn tận hưởng rất nhiều ưu đãi hoàn tiền giúp tôi có thể chi tiêu mua sắm thật tiết kiệm”, chị Thảo nói.

Trong khi đó, anh Nguyễn Hùng Cường (Bình Dương) bày tỏ sự vui mừng khi mọi nhu cầu tài chính của anh đều có thể dễ dàng thực hiện ngay trên ứng dụng VPBank NEO, như mở tài khoản hay gửi tiết kiệm 100% online nhanh chóng mà không phải tốn công đến chi nhánh hay phòng giao dịch; chuyển khoản miễn phí đến mọi ngân hàng; dễ dàng đặt lịch thanh toán mọi hóa đơn mà không trễ hạn.

“Thao tác rất đơn giản mà lại an toàn, giúp tôi có thể hạn chế tiếp xúc trực tiếp trong thời điểm dịch bệnh căng thẳng”, anh Cường nhấn mạnh.

Nhờ sự linh hoạt thay đổi, nhờ sự thích ứng kịp thời của VPBank, trong cung cấp các sản phẩm, dịch vụ mới, đặc biệt là VPBank NEO, Race Car, Race Home..., khách hàng đã có những trải nghiệm chưa từng có khi thực hiện các giải pháp tài chính cá nhân.

Chính sự hài lòng của khách hàng đã giúp cho VPBank vươn lên vị trí dẫn đầu trong mảng cho vay xe du lịch cá nhân, đồng thời cũng đi đầu trong cho vay mua nhà, phát triển thẻ tín dụng, cũng như kinh doanh dịch vụ Bancassurance... Và đó là nền tảng để khối khách hàng cá nhân của VPBank có kết quả kinh doanh ấn tượng trong năm 2021.

PHÂN KHÚC KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

Khách hàng SME

29%
TĂNG TRƯỞNG DỰ NỢ
TÍN DỤNG

104.750
KHÁCH HÀNG SME, **↑ 8%**,
CHIẾM **13% THỊ PHẦN**

Năm 2021 là một năm đầy biến động và khó khăn với kinh tế - xã hội Việt Nam, đặc biệt là cộng đồng doanh nghiệp. Gần 120.000 doanh nghiệp đã phải rời bỏ thị trường. Nhờ biến thách thức thành cơ hội, Khối SME của VPBank đã tiếp tục đạt tốc độ tăng trưởng cao.

Biến thách thức thành cơ hội

Sau 2 đợt bùng phát dịch COVID-19 trong năm 2020, đợt bùng phát dịch lần thứ ba vào đầu năm 2021 và đặc biệt là đợt dịch thứ tư, bắt đầu từ cuối tháng 4/2021, đã như một "cú đấm" bổ thêm những khó khăn cho cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam. Đó là một thách thức lớn đối với hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng, đặc biệt là khối khách hàng doanh nghiệp.

Nhưng đứng trước khó khăn chung của thị trường, VPBank đã biến thách thức thành cơ hội, phát huy tốt lợi thế và nhanh nhạy nắm bắt thời cơ của thị trường để đạt kết quả kinh doanh ấn tượng.

Giải pháp mang tính đột phá chính là tiếp tục con đường "số hóa ngân hàng" mà VPBank đã tiên phong triển khai trong

những năm qua. Giữa lúc hai đầu tàu kinh tế Hà Nội và TP.HCM bị "đóng băng" do dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, hàng loạt giải pháp số hóa đã được đưa ra kịp thời, trúng và đáp ứng đúng nhu cầu của khách hàng, như giải ngân online, cấp thấu chi online, cho vay Auto online, mở tài khoản online qua eKYC, gửi tiền online...

Các giải pháp này đã góp phần đưa VPBank tiếp tục trở thành một trong những ngân hàng tiên phong trong quá trình chuyển đổi số trong hệ thống các tổ chức tín dụng, đồng thời là ngân hàng đi đầu trong việc triển khai hệ thống giải ngân online, cấp thấu chi online, Auto online hoàn toàn dựa trên cơ sở sử dụng công nghệ chữ ký số. Con đường tiên phong này đã góp phần

nâng tầm vị thế của VPBank trên thị trường, vốn đang cạnh tranh ngày càng khốc liệt.

Cùng với tiên phong áp dụng các giải pháp số hóa, ngân hàng cũng đã luôn đồng hành với các tổ chức tín dụng khác để thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19.

Năm 2021, VPBank đã hỗ trợ khoảng 15.000 khách hàng doanh nghiệp, trong đó có 9.000 khách hàng được cơ cấu nợ và 6.500 khách hàng được hỗ trợ giảm lãi suất. Đồng đảo khách hàng SME đã rất hài lòng với sự hỗ trợ kịp thời của VPBank, bởi nhờ vậy, họ có thể vượt qua khó khăn, từng bước duy trì và ổn định hoạt động sản xuất - kinh doanh.



Khẳng định vị thế chủ lực

Nhờ chủ động thay đổi và linh hoạt thích ứng, VPBank đã không chỉ vượt qua khó khăn, mà còn giành được những thành tựu đáng ghi nhận trong phân khúc khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chỉ sau nửa năm triển khai hệ thống giải ngân online, đã có gần 6.000 tỷ đồng được giải ngân cho khoảng 2.200 khách hàng. Tăng trưởng dư nợ đạt

29%, thu phí tăng 22,5%. Đây là những thành quả đáng khích lệ trong một năm đầy biến động, thách thức.

Nhờ vậy, khách hàng doanh nghiệp tìm đến VPBank không những không giảm, mà còn tăng gần 8% so với năm trước.

Hiện tại, VPBank đang phục vụ 13% thị phần trên tổng số hơn 800.000 doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam. Đây

là con số mà không phải ngân hàng nào cũng đạt được.

Có thể nói, với những nỗ lực số hóa sản phẩm toàn diện từ trải nghiệm người dùng đến xử lý hồ sơ trên hệ thống, VPBank đang là một trong những ngân hàng dẫn đầu về sự đa dạng sản phẩm, tối giản hồ sơ chứng từ và rút ngắn thời gian phê duyệt để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng cao của khách hàng SME.

Khách hàng doanh nghiệp lớn

Với các khách hàng doanh nghiệp lớn, 2021 cũng là một năm thử thách vô cùng lớn bởi đại dịch COVID-19. Dịch bệnh COVID-19 kéo dài, phức tạp đã làm đứt gãy các chuỗi cung ứng, kinh tế Việt Nam gặp nhiều khó khăn. Điều này đã tác động rất lớn đến kết quả kinh doanh của các khách hàng doanh nghiệp.

Trong bối cảnh đó, VPBank đã có những biện pháp thiết thực để đồng hành cùng khách hàng doanh nghiệp lớn, thay đổi cách tiếp cận bán hàng cả với khách hàng mới và khai thác sâu khách hàng cũ. Những sáng kiến và sự linh hoạt trong kinh doanh giúp tối ưu hóa nguồn lực, cũng như gia tăng thu nhập và giảm chi phí, quản trị danh mục đảm bảo rủi ro tín dụng, tận dụng lợi thế về giải pháp công nghệ thông tin của ngân hàng để cung cấp dịch vụ cho khách hàng đã được áp dụng.

Cụ thể, các khối kinh doanh như CMB, CIB và FITB đã phối hợp với nhau để triển khai thêm các sản phẩm số hóa cho khách hàng. Gần như toàn bộ hành trình của khách hàng doanh nghiệp lớn trong thời gian giãn cách vì dịch COVID-19 đã được số hóa, giúp khách hàng không cần ra quầy làm các giao dịch, giảm thiểu tiếp xúc và lây nhiễm cộng đồng. Thành công trong

số hóa đã đưa VPBank thành ngân hàng duy nhất có thể phát hành LC, bảo lãnh và giải ngân cho các doanh nghiệp lớn qua kênh trực tuyến. Dịch vụ thực hiện LC trực tuyến trên nền tảng Blockchain thực tế đã nhận được phản hồi tích cực của khách hàng về giảm thời gian xử lý giao dịch trong năm qua.

Bên cạnh đó, VPBank hiện là ngân hàng số 1 trên thị trường cung cấp các giải pháp tích hợp thông qua kết nối API cho đối soát thanh toán tự động và tài trợ chuỗi cung ứng với các công ty có hệ sinh thái các nhà cung cấp và phân phối lớn, hỗ trợ các công ty đẩy mạnh số hóa hoạt động thanh toán và vận hành chuỗi cung ứng trong thời gian giãn cách xã hội. Nhờ các hoạt động số hóa này, các khối khách hàng doanh nghiệp đạt được mức thu phí giao dịch cao nhất trên thị trường, thông qua doanh số LC/bảo lãnh cao nhất trong các ngân hàng, tăng trưởng 40% so với năm 2020.

Các giải pháp số hóa của VPBank đã hỗ trợ khách hàng thúc đẩy gia tăng doanh số từ mảng kinh doanh online, giúp khách hàng quản lý được dòng tiền, tự động hóa trong khâu kế toán và quản trị tài chính doanh nghiệp hiệu quả hơn.

Năm 2022, các kịch bản cho nền kinh tế Việt Nam vẫn còn là ẩn số. Trong phân khúc khách hàng doanh nghiệp lớn, việc gia tăng hợp tác phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng được ưu tiên hàng đầu. Song song với đó, tăng trưởng CASA và tăng thu phí, khai thác dịch vụ payroll, khai thác hệ sinh thái bất động sản, xây lắp và phát triển hạ tầng gắn với các chương trình thúc đẩy đầu tư công cũng sẽ là mục tiêu chính của các khối kinh doanh hướng đến phân khúc khách hàng doanh nghiệp lớn. Bên cạnh đó, việc triển khai các chuyển đổi về nền tảng và hệ thống công nghệ thông tin, phù hợp với lộ trình số hóa và kiến trúc ứng dụng cũng là nhiệm vụ trọng yếu và xuyên suốt. Ngân hàng sẽ tiếp tục xây dựng những chiến lược ngành linh hoạt để cạnh tranh và thâm nhập mạnh mẽ trong các ngành ít bị ảnh hưởng hoặc vẫn phát triển thuận lợi trong dịch bệnh như tiêu dùng thiết yếu, thực phẩm, nông nghiệp, dược phẩm và thiết bị y tế, FMCG, dịch vụ vận chuyển/giao nhận, sàn thương mại điện tử. Các lĩnh vực được khuyến khích như xây dựng và phát triển hạ tầng giao thông, năng lượng xanh... cũng là hướng ưu tiên khi lựa chọn khách hàng.

23%
TỶ TRỌNG CASA ĐẾN
TỪ KHÁCH HÀNG
DOANH NGHIỆP

#1
VỀ SỐ HÓA PHÁT HÀNH LC,
BẢO LÃNH, TÀI TRỢ CHUỖI VÀ
GIẢI NGÂN CHO DOANH NGHIỆP



VPBANK “CỨU NGUY” CHO DOANH NGHIỆP

Do dịch bệnh COVID-19, kinh doanh khó khăn khiến dòng tiền của doanh nghiệp bị thiếu hụt nghiêm trọng, nhưng lại không dễ tiếp cận được với các tổ chức tín dụng. Trong bối cảnh đó, các dịch vụ, đặc biệt là chuỗi dịch vụ số của VPBank đã “cứu nguy” cho doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN HANOI FOODS VIỆT NAM

Công ty cổ phần Hanoi Foods Việt Nam, đơn vị sản xuất thực phẩm theo chuỗi mô hình sản xuất khép kín Feed - Farm - Food, được thành lập vào năm 2014. Trải qua hơn 7 năm hình thành và phát triển, Hanoi Foods ngày càng khẳng định được tên tuổi và vị thế của mình trên thị trường cung cấp thực phẩm sạch trong và ngoài khu vực.

Nhưng quy mô càng mở rộng thì nhu cầu vốn, đặc biệt là vốn lưu động càng lớn. Bởi thế, đã

có thời điểm công ty rơi vào tình trạng thiếu vốn, dẫn đến đình trệ kinh doanh. “Chính dịch vụ giải ngân online của VPBank đã ‘cứu nguy’ cho Hanoi Foods”, ông Vũ Bá Định, Giám đốc Kinh doanh, Công ty cổ phần Hanoi Foods Việt Nam nói.

Theo chia sẻ của ông Vũ Bá Định, hiện nay, Hanoi Foods được VPBank cấp hạn mức tín dụng lên tới 30 tỷ đồng, nhưng do xu hướng tăng trưởng của công ty luôn đạt 300%/năm nên

cần vốn lưu động rất lớn và liên tục.

“Dịch vụ giải ngân online nhanh chóng, không rườm rà và đặc biệt, rất dễ thực hiện đã giúp Hanoi Foods xử lý triệt để vướng mắc và duy trì được tốc độ phát triển. Chúng tôi rất hy vọng sẽ tiếp tục được VPBank tạo điều kiện hơn nữa trong việc tiếp cận dòng tiền từ Ngân hàng để mở rộng quy mô kinh doanh sau khi dịch bệnh kết thúc”, ông Vũ Bá Định nhấn mạnh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALIGRO

Tương tự như Hanoi Foods, Công ty cổ phần Aligro cũng rất ấn tượng với dịch vụ vay vốn và giải ngân online. Bởi với dịch vụ này, tất cả quy trình được xử lý 100% online, đúng theo phương châm “ngồi tại chỗ nhận được tiền”, giúp đáp ứng nhanh chóng và kịp thời nguồn vốn cho cộng đồng doanh nghiệp trong bối cảnh mùa dịch.

“Từ ngày sử dụng chuỗi dịch vụ số hóa của VPBank, cụ thể là vay vốn và giải ngân online, tôi không cần rời khỏi cơ quan mà vẫn có thể nhận nguồn tín dụng từ ngân hàng, đặc biệt trong giai đoạn dịch bệnh, giãn cách xã hội”, bà Lê Thị Thu Hiền, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Aligro cho biết.

Theo chia sẻ của bà Lê Thị Thu Hiền, chỉ cần truy cập website SME Connect, tạo hồ sơ đăng ký vay và gửi đề nghị, kể cả những khoản vay nhỏ vài chục triệu đồng, là Công ty có thể có tiền trong tay để giải quyết các nhu cầu về vốn cho hoạt động kinh doanh của mình.

Từ đầu năm 2021, VPBank bắt đầu triển khai hàng loạt dịch vụ số hóa tiên tiến nhằm hỗ trợ SME trên cả nước khắc phục phần nào khó khăn do dịch bệnh COVID-19, như đăng ký tài khoản eKYC, vay thấu chi online, giải ngân online, giải pháp thương mại điện tử Ecompay - Simplify... Các dịch vụ này đã nhanh chóng được khách hàng đón nhận và đánh giá cao.

NHẤT NGHỆ MOBILE

Ông chủ của Nhất Nghệ Mobile cũng rất ấn tượng khi “bén duyên” với Simplify. “Web cấu hình nhanh lắm, có nhiều chức năng cần thiết như quản lý đơn hàng, doanh số, xuất báo cáo..., rất tiện để quản lý kinh doanh. Tôi rất ấn tượng với thời gian xử lý của VPBank, chỉ cần đủ hồ sơ là trong 3 ngày đã xong xuôi, website có thể vận hành ngay lập tức”, ông Phạm Duy Tân, chủ của Nhất Nghệ Mobile hồ hởi chia sẻ.

3

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO

Điểm sáng quản trị rủi ro

Trong năm 2021, dù hoạt động trong môi trường tiềm ẩn nhiều rủi ro, VPBank vẫn hoàn thành xuất sắc những mục tiêu quản trị rủi ro quan trọng. Chất lượng tài sản của ngân hàng tiếp tục được cải thiện với tỷ lệ nợ xấu hợp nhất và riêng lẻ tại VPBank trong tháng 11 lần lượt là 3,65% và 1,51%.

Với vị thế một trong những ngân hàng có vốn hoá cao nhất tại Việt Nam, tỷ lệ an toàn vốn (CAR) hợp nhất và riêng lẻ của VPBank lần lượt đạt 14,27% và 14,16% vào cuối năm 2021, cho thấy mức tăng trưởng ấn tượng kể từ Q4/2020, nhờ vào việc tăng vốn tự có và tối ưu hoá bảng cân đối.

Tỷ lệ tài sản thanh khoản cao tính đến ngày 31/12/2021 duy trì ở mức 16,08%, cao hơn nhiều so với yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước. Kết quả này cho thấy bộ đệm thanh khoản vững chắc đảm bảo khả năng chống chịu mạnh mẽ trước những cú sốc thanh khoản.

Hành động ứng phó đại dịch COVID-19

Đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến khả năng trả nợ của khách hàng. Trong bối cảnh đó, VPBank nhanh chóng triển khai giải pháp cơ cấu nợ trực tuyến và cơ cấu nợ qua điện thoại. Các giải pháp thiết thực, được thực hiện thận trọng dưới sự giám sát chặt chẽ, đã hỗ trợ tích cực khách hàng bị ảnh hưởng tại các địa phương bị phong toả/hạn chế đi lại. Nhờ đó, các khách hàng được cơ cấu nợ tại VPBank đều có khả năng phục hồi tốt. Hầu hết các khách hàng sau khi hết thời hạn cơ cấu đều thực hiện trả nợ theo lịch trả nợ mới. Bên cạnh đó, việc trích lập dự phòng của VPBank nghiêm túc tuân theo lộ trình 3 năm của Ngân hàng Nhà nước được quy định tại Thông tư 03 & 14/2021/TT-NHNN. Do đó, dự phòng trích lập tại VPBank đảm bảo bộ đệm cần thiết cho rủi ro tín dụng từ các khoản cơ cấu nợ.

Hồ sơ rủi ro của ngân hàng được giữ ở mức an toàn nhờ điều chỉnh linh hoạt các chính sách thắt chặt tín dụng trong từng thời kỳ, dựa trên tình hình cụ thể của nền kinh tế.

Ngoài ra, hiệu quả hoạt động thu hồi nợ liên tục được cải thiện thông qua:

- Tăng cường đánh giá và phân loại tài khoản để đảm bảo tính chính xác của kho dữ liệu khách hàng
- Áp dụng đa dạng các chiến lược thu hồi nợ để tối ưu hoá hiệu quả;
- Duy trì quan hệ đối tác chiến lược với các công ty tư vấn luật nhằm nâng cao hiệu quả và năng lực thu hồi nợ;
- Áp dụng các công nghệ tiên tiến để tiếp cận các khách hàng trong khu vực bị phong toả.

Trước tác động nghiêm trọng của đợt bùng dịch COVID-19 thứ tư tại Việt Nam, VPBank đã nhanh chóng áp dụng các biện pháp quản trị rủi ro thận trọng và hiệu quả.

Áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế Basel II & III

VPBank là một trong những ngân hàng Việt Nam đầu tiên áp dụng Basel III – Rủi ro thanh khoản vào cơ chế quản lý hàng ngày thông qua hai chỉ số: Tỷ lệ dự trữ thanh khoản ngắn hạn và Tỷ lệ quỹ bình ổn ròng. Việc thực hiện Basel III – Rủi ro thanh khoản đã được kiểm toán bởi PwC Việt Nam. Bên cạnh đó, kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản cũng được thực hiện định kỳ 6 tháng/lần nhằm chủ động duy trì thanh khoản ổn định trong các kịch bản căng thẳng khác nhau.

Từ tháng 2/2020, VPBank cũng là một trong ba ngân hàng Việt Nam đầu tiên chính thức tuân thủ ba trụ cột của Basel II. Đáng chú ý, hai trụ cột I và III đã được hoàn thành từ 2019, sớm hơn 1 năm so với yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước. Trụ cột II – Quy trình đánh giá mức độ đủ vốn ICAAP – được hoàn thiện 2 năm trước yêu cầu trong Thông tư 13. Hàng quý, VPBank công bố thông tin về tỷ lệ an toàn vốn trên trang web chính thức, thể hiện tính minh bạch về hồ sơ rủi ro của ngân hàng với công chúng.

Việc triển khai ICAAP đã nâng cao nhận thức về quản trị rủi ro trong toàn thể nhân viên; đảm bảo sự phù hợp

giữa chiến lược rủi ro và kế hoạch kinh doanh; đo lường chính xác độ nhạy cảm về rủi ro của ngân hàng với các điều kiện kinh tế vĩ mô; sử dụng vốn hiệu quả thông qua việc phân bổ vốn cho các đơn vị kinh doanh cũng như các đơn vị rủi ro chức năng; tích hợp vào quy trình đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và xây dựng KPI cho từng vị trí trong ngân hàng.

Việc áp dụng sớm Basel II và Basel III cho thấy năng lực và tiềm năng tiếp cận các tiêu chuẩn quốc tế của ngân hàng. VPBank đã xây dựng lộ trình 3 năm cho mục tiêu triển khai các phương pháp tiếp cận nâng cao phục vụ đánh giá quản trị rủi ro nội bộ (Phương pháp tiếp cận dựa trên xếp hạng nội bộ cơ bản và nâng cao, Basel IV). VPBank tự tin rằng dự án sẽ được triển khai như mong đợi bất chấp ảnh hưởng của dịch COVID-19, từ đó đưa VPBank trở thành một trong những ngân hàng tiên phong tại Việt Nam và Châu Á khi tuân thủ toàn diện các quy định Basel III trong đánh giá vốn.

Áp dụng và thực hiện IFRS 9

VPBank đã hoàn thành việc ban hành chính sách và quy trình theo phương pháp IFRS 9, cũng như xây dựng hệ thống hỗ trợ, được đưa vào hoạt động từ tháng 9 năm 2021. Việc triển khai IFRS 9 tại VPBank cũng đã được kiểm toán bởi KPMG.



Các mô hình rủi ro tín dụng được nâng cấp để áp dụng các khái niệm IFRS 9 như các yếu tố dự báo tương lai, các mô hình PiT, TTC, Lifetime để hiệu chuẩn kết quả tính xác suất vỡ nợ (PD – Probability of Default).



Chiến lược dữ liệu được hoạch định rõ ràng và cụ thể cho từng mục đích áp dụng IFRS 9 bên cạnh các tiêu chuẩn hiện hành.

Quản lý rủi ro an ninh mạng

Hệ thống công nghệ thông tin của VPBank được thiết kế nhằm đảm bảo sự bảo vệ toàn diện trước các rủi ro trên không gian mạng, dựa trên việc kết hợp nhiều biện pháp kiểm soát và bảo mật.

VPBank đã và đang phát triển đội ngũ công nghệ thông tin và an toàn thông tin trình độ cao. Hệ thống quản lý an ninh thông tin được chứng nhận theo tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 27001:2013. Việc áp dụng tiêu chuẩn này đã giúp ngân hàng củng cố niềm tin của nhà đầu tư, cải thiện tính bảo mật cho các dịch vụ công nghệ thông tin, giảm thiểu rủi ro, nâng cao chất lượng dịch vụ và độ tin cậy với khách hàng. Chứng chỉ này còn góp phần nâng cao trách nhiệm và ý thức của cán bộ nhân viên của VPBank

trong việc bảo mật thông tin, đặc biệt trong bối cảnh ngành tài chính đang từng bước hiện đại hoá.

Tuy nhiên, chứng nhận ISO/IEC 27001:2013 mới chỉ là bước đầu trong hành trình số hoá. VPBank đang phát triển chiến lược điện toán đám mây cho toàn ngân hàng. Bảo mật điện toán đám mây sẽ là nhiệm vụ trọng tâm để bảo vệ dữ liệu/hệ thống của ngân hàng trong và sau quá trình dịch chuyển sang điện toán đám mây. Bên cạnh đó, khung phát hiện vấn đề bảo mật thông tin thông qua phân tích sẽ tiếp tục được cải thiện nhằm phát hiện và cảnh báo nhanh hơn các vấn đề/vi phạm.

Quản lý rủi ro tín dụng hiệu quả

Nhiều sáng kiến được triển khai nhằm giúp VPBank chủ động quản lý rủi ro tín dụng và rủi ro tín dụng đối tác.



Nền tảng SNL – tự động cập nhật và theo dõi xếp hạng tín dụng của khách hàng bởi Moody's, Fitch và S&P Ratings; hệ thống quản lý Tài sản Nợ & Có đã nhanh chóng phát hiện chính xác các dấu hiệu suy giảm chất lượng tín dụng.



Hệ thống cảnh báo sớm (EWS) ở cả cấp độ khách hàng và sản phẩm với phương pháp tiếp cận từ trên xuống và từ dưới lên đã sớm phát hiện và khắc phục các vấn đề tín dụng tiềm ẩn.

Thành công trong quản trị rủi ro của VPBank đã được khẳng định bằng hai giải thưởng danh giá trong năm 2021: Giải thưởng "Quản trị rủi ro ngân hàng tốt nhất – The Achievement in Enterprise Risk Management" do The Asian Banker trao tặng; Danh hiệu "Ngân hàng xuất sắc nhất năm – House of the Year 2021" cũng thể hiện quyết tâm hội nhập cao của VPBank với các thông lệ tài chính toàn cầu hiện đại nhằm cung cấp cho thị trường những giải pháp quản trị rủi ro tân tiến và hiệu quả nhất.

SSM

KIOSK TỰ PHỤC VỤ

Kính chào quý khách!

MỞ COMBO TÀI KHOẢN,
THẺ, NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ

ĐĂNG KÝ MỞ THẺ
TÍN DỤNG

NGÂN HÀNG
ĐIỆN TỬ

ĐĂNG KÝ VAY
TÍN CHẤP

ĐĂNG KÝ VAY
THẺ CHẤP

ĐĂNG KÝ KHÁCH HÀNG



VPBank

1900 54 54 15
www.vpbank.com.vn

NÂNG CAO TRẢI NGHIỆM KHÁCH HÀNG

Năm 2021, VPBank đã xây dựng các chương trình hành động về trải nghiệm khách hàng một cách toàn diện, thống nhất và sâu rộng. Trải nghiệm khách hàng đã được tính đến trong mọi quyết định kinh doanh.

Đặt trải nghiệm khách hàng làm trọng tâm phát triển

COVID-19 khiến hành vi tiêu dùng, nhu cầu của khách hàng thay đổi một cách nhanh chóng. Tỷ lệ sử dụng Mobile Banking, Internet Banking đã tăng trưởng từ mức 42% của năm 2019 lên 70% trong hai năm 2020-2021. Không chỉ chuyển đổi qua sử dụng kênh số ngay lập tức, các khách hàng còn đòi hỏi hành trình khách hàng (customer journey) thông minh hơn, linh hoạt hơn, nhiều tiện ích hơn và cá nhân hóa hơn.

Để đáp ứng sự thay đổi đó, một trong những mục tiêu hàng đầu là gia tăng tối đa tiện ích và giá trị hữu ích cho khách hàng trên tất cả các kênh cung cấp sản phẩm dịch vụ. Để làm được điều này, VPBank quyết định mang tới các trải nghiệm vượt trội trên kênh online bằng cách ra mắt VPBank NEO - “Ngân hàng số toàn năng” và VPBank NeoBiz.

Bên cạnh đó, lần đầu tiên, VPBank cũng đã cung cấp những dịch vụ và tiện ích đặc biệt mà chưa ngân hàng nào thực hiện được thông qua kênh Contact Center. Thực tế, hệ thống tổng đài Cisco hiện đại được đầu tư từ năm 2018. Sau 4 năm triển khai, khách hàng đã có thể sử dụng 11 dịch vụ tự động qua Tổng đài mà không cần gặp trực tiếp tổng đài viên.

Không chỉ dừng lại ở các kênh tư vấn truyền thống, VPBank liên tục mở rộng các kênh tương tác khác để xuất hiện ở mọi lúc, mọi nơi khi khách hàng cần. Vì lẽ đó, Cổng thông tin chăm sóc khách hàng (Customer Care Portal) đầu tiên trên thị trường tài chính ngân hàng với chức năng “All in One”, đồng nhất toàn bộ thông tin

dịch vụ của VPBank, đã ra đời.

Hệ thống nhận diện khách hàng bằng giọng nói (Voice Biometrics) cũng đã chính thức áp dụng từ tháng 6/2021, nâng tầm dịch vụ của tổng đài lên tầm cao mới. Theo đó, khách hàng không cần trả lời những câu hỏi quen thuộc để bị lộ thông tin, mà có thể sử dụng giọng nói được đăng ký để thực hiện yêu cầu dịch vụ chỉ trong vài giây.

Trong khi đó, ở kênh chi nhánh, năm 2021, VPBank đã giới thiệu mô hình chi nhánh mới, hiện đại, ấn tượng và tích hợp các dịch vụ công nghệ cao. Một trong số đó chính là mô hình VPBank NEO Express - hay còn có tên gọi khác là “Kiosk-bank”, với vai trò “điểm chạm vật lý của VPBank NEO”, được trang bị đầy đủ các công nghệ tiên nhất, cho phép khách hàng có thể mở tài khoản, kích hoạt các gói dịch vụ, mở thẻ tín dụng, vay tín chấp, thế chấp..., tương đương các dịch vụ như một phòng giao dịch.

Để nâng tầm trải nghiệm cho khách hàng, trong năm 2021, VPBank cũng đã tập trung thiết kế và tối ưu các hành trình trải nghiệm theo cách mà khách hàng mong muốn để tạo ra những sản phẩm dịch vụ vượt trội, hấp dẫn. Cùng với đó, ngân hàng đã xây dựng năng lực quản trị chất lượng trải nghiệm một cách chuyên nghiệp để hỗ trợ cho quá trình ra quyết định kinh doanh.

Hơn thế, mọi thành viên của VPBank đều cam kết mạnh mẽ nhằm đưa VPBank trở thành ngân hàng hàng đầu về trải nghiệm khách hàng.



- TIỆN ÍCH TẠI A
- ✓ RÚT TIỀN M
 - ✓ GỬI TIỀN C
 - ✓ Chuyển kho
& Thanh to
 - ✓ Truy vấn th
 - tài khoản
 - ✓ In sao kê



Ngân hàng hàng đầu về trải nghiệm khách hàng

Nhờ những nỗ lực của mình, VPBank đã vượt qua nhiều tổ chức tín dụng, công ty công nghệ trên thế giới để lần đầu tiên được Digital CX Awards vinh danh giải thưởng "Trải nghiệm khách hàng xuất sắc" hạng mục Tổng đài kỹ thuật số. Và đúng là VPBank đã trở thành ngân hàng hàng đầu về trải nghiệm khách hàng tại Việt Nam.

Thực tế, không phải bây giờ, VPBank mới quan tâm đến việc nâng tầm trải nghiệm khách hàng, mà từ 4-5 năm trước, ngân hàng đã luôn dành sự quan tâm đến dịch vụ chăm sóc khách hàng, sẵn sàng đầu tư, nâng cấp hệ thống, cơ sở hạ tầng cũng như những nguồn lực khác. Câu chuyện tự động hóa dịch vụ ngân hàng toàn diện đã mang đến hiệu quả hai chiều, cùng thắng cho cả khách hàng và ngân hàng. Đa số khách hàng của VPBank đều hài lòng với các dịch vụ mà ngân hàng mang lại. Công tác trải nghiệm được nâng tầm sẽ thúc đẩy mạnh mẽ sự hài lòng của khách hàng với ngân hàng, từ đó, khách hàng sẽ trung thành hơn nữa với VPBank và đây là cũng là tiền đề cho sự thành công trong kinh doanh của ngân hàng. Kết quả kinh doanh của VPBank chính là minh chứng rõ nét nhất cho điều này.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA FE CREDIT

Chiếm khoảng

50%

thị phần, duy trì vị thế số 1 thị trường

Moody's nâng hạng

tín nhiệm **B1** ↗ **Ba3**

trong năm 2021

Năm 2021 đánh dấu 11 năm hình thành và phát triển của Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC (Thương hiệu FE Credit). Đứng trước làn sóng COVID-19, bất chấp áp lực cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường tài chính tiêu dùng đến từ các đối thủ và các công ty công nghệ tài chính (Fintech) mới nổi, FE Credit vẫn tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu thị trường trong năm 2021. Tổ chức chuyên xếp hạng tín nhiệm Moody's cũng đã nâng xếp hạng CFR của FE Credit từ B1 lên Ba3.



Đến hết năm 2021, FE Credit tự hào duy trì vị thế dẫn đầu trong ngành tài chính tiêu dùng Việt Nam. Điều này vẫn là minh chứng nhất quán cho sự tăng trưởng bền vững. Mạng lưới phân phối của FE Credit trải rộng khắp cả nước với hơn 16.000 đối tác tại hơn 21.000 điểm bán hàng trên toàn quốc, lớn hơn so với bất kỳ công ty tài chính tiêu dùng nào tại Việt Nam. Hệ thống phân phối này đã và đang mang lại số lượng kỷ lục gần 200.000 khoản vay/tháng, phục vụ hơn 12 triệu khách hàng với các sản phẩm tài chính tiêu dùng đa dạng và trải nghiệm dịch vụ vượt trội. Những trải nghiệm dịch vụ này được xây dựng trên nền tảng công nghệ tiên tiến kết hợp nhiều tính năng sản phẩm độc đáo và chất lượng trải nghiệm dịch vụ liên tục được cải thiện. Đây là kết quả của những nỗ lực vượt bậc của toàn đội ngũ FE Credit dựa trên sự am hiểu sâu sắc từng phân khúc thị trường Việt Nam.

Năm 2021 đánh dấu một cuộc suy thoái chưa từng có tiền lệ đối với rất nhiều doanh nghiệp đặc biệt trong lĩnh vực tài chính tiêu

dùng bởi tác động của đại dịch COVID-19. FE Credit cũng không ngoại lệ khi gặp những khó khăn nhất định, bởi nhu cầu vay tiêu dùng giảm mạnh và công tác thu hồi nợ gặp nhiều cản trở trong thời gian giãn cách xã hội kéo dài. Khoản phải thu ròng cuối cùng (ENR) cuối năm 2021 là 75.400 tỷ đồng, tăng 14% so với cuối năm 2020.

Trong giai đoạn dịch bệnh, công ty đã gặp nhiều khó khăn trong việc giao dịch với khách hàng để giới thiệu sản phẩm cũng như thu phí dịch vụ, thu nợ, xử lý nợ xấu... Tuy vậy, hoạt động kinh doanh của FE Credit vẫn ghi nhận một số điểm tích cực khi tổng thể cả năm thu nhập dòng khác tăng 31,8%, lên gần 1.100 tỷ đồng. Đây là hiệu quả của việc tái cơ cấu danh mục đầu tư của công ty, cho thấy sự thay đổi linh hoạt và phù hợp trong giai đoạn COVID-19 kéo dài. Đồng thời là dấu hiệu tích cực cho hoạt động thu hồi nợ ngay sau khi các lệnh hạn chế di chuyển bị gỡ bỏ. Việc hồi phục trở nên rõ ràng hơn từ tháng 10, khi con số giải ngân và thu hồi nợ tăng mạnh trở lại.

Thương vụ lịch sử của thị trường tài chính Việt Nam

Cuối tháng 10/2021, VPBank đã hoàn tất thương vụ bán 50% vốn tại FE Credit. Trong đó Tập đoàn SMBC của Nhật Bản nắm 49% và Công ty Chứng khoán Bản Việt nắm 1%. Sau thương vụ này, FE Credit đổi tên từ Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng thành Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC.

Đây là thương vụ M&A có quy mô lớn nhất ngành tài chính Việt Nam. Sự đồng hành của SMBC kỳ vọng thổi nguồn năng lượng mới cho FE Credit với sức mạnh tài chính vô cùng to lớn, cũng như chia sẻ bí quyết trong lĩnh vực công nghệ thông tin, quản trị rủi ro và phát triển sản phẩm. FE Credit đã sẵn sàng cho một bước chuyển mình toàn diện, vươn lên tầm cao mới.

Tiếp tục dẫn đầu cuộc đua bằng công nghệ đột phá

Nhờ đầu tư vào hệ thống công nghệ, FE Credit có khả năng chấp nhận các rủi ro nhiều hơn những công ty khác trên diện rộng mà vẫn kiểm soát được nợ xấu trong mức an toàn. Các ứng dụng công nghệ then chốt mà FE Credit đã triển khai thành công trong vận hành và tiếp cận khách hàng có thể kể đến như:

- 1** Xây dựng và vận hành thành công mô hình Social Credit Scoring, dựa trên Big Data và AI;
- 2** Tự động hóa quy trình bằng Robot (RPA) nhằm tối ưu năng suất lao động và nâng cao trải nghiệm dịch vụ;
- 3** Áp dụng triệt để hệ thống chăm sóc khách hàng Genesys Engage (Mỹ) giúp xử lý khoảng 10.000 cuộc gọi đến mỗi ngày và 5.000 email, chat và cuộc họp qua mạng xã hội (social media session), cũng như tự động hóa gần như toàn bộ số cuộc gọi đi từ tổng đài;
- 4** Thực hiện mô hình người bán hàng cho toàn bộ kênh bán hàng. Tổng số cửa hàng đang hợp tác theo mô hình người bán hàng với FE Credit là hơn 15.000 và trải rộng trên toàn quốc. Toàn bộ quy trình bán hàng hoàn toàn được số hóa (lên hồ sơ, kí chữ kí điện tử), không thao tác bằng tay hoặc giấy tờ;
- 5** Tiếp tục đẩy mạnh \$NAP, nền tảng cho vay hoàn toàn tự động đầu tiên tại Việt Nam, tích hợp các công nghệ đột phá mới nhất như trí tuệ nhân tạo (AI), tự động nhận dạng chữ viết, khuôn mặt, giọng nói. Mỗi tháng ứng dụng \$NAP phê duyệt khoảng hơn 10.000 khoản vay;
- 6** \$HIELD - Ứng dụng mua bảo hiểm thông minh, cung cấp giải pháp toàn diện cho mọi nhu cầu bảo hiểm sức khỏe và tài chính;
- 7** Ngoài ra, Ũbank - ứng dụng ngân hàng số do VPBank phát triển cũng đang bắt đầu giúp FE Credit phục vụ được nhiều dịch vụ ngân hàng cơ bản khác cho hàng triệu khách hàng của mình bên cạnh dịch vụ cho vay tiêu dùng.

Thêm nhiều thành tựu đáng ghi nhận

Ngoài những nhân tố tích cực đến từ đối tác chiến lược mới, giá trị thương hiệu FE Credit cũng được khẳng định bằng hàng loạt giải thưởng danh giá trong nước và quốc tế như:

- Top 500 Doanh Nghiệp Xuất Sắc Việt Nam do tổ chức xếp hạng Vietnam Report (VNR) đánh giá;
- Top 2 Doanh Nghiệp Tăng Trưởng Nhanh Nhất Ngành Dịch Vụ Tài Chính 2021 do tổ chức xếp hạng Vietnam Report (VNR) đánh giá;
- Công Ty Tài Chính Của Năm do Tạp Chí ABF bình chọn;
- Giải đồng Nhà Tuyển Dụng Của Năm do Tạp chí ABF bình chọn.
- Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa kinh doanh Việt Nam do Hiệp hội Phát triển văn hóa doanh nghiệp Việt Nam (VNABC) phối hợp cùng các bộ, ban, ngành đánh giá.

Đầu tháng 12/2021, Moody's chính thức nâng xếp hạng tín nhiệm của FE Credit từ B1 lên Ba3. Kết quả nâng hạng tín nhiệm từ Moody's cho thấy sự đánh giá cao của tổ chức quốc tế này vào khả năng kiểm soát thanh khoản, quản trị tài chính ổn định và triển vọng của FE Credit.

Viết tiếp sứ mệnh vì cộng đồng

- Cùng VPBank ủng hộ 60 tỷ vào quỹ vaccine phòng chống dịch COVID-19 của chính phủ;
- Hỗ trợ 17 chuyến xe đưa hơn 1.000 người lao động nghèo về quê ăn Tết trong chương trình **"Chuyến xe nghĩa tình 2021"**;
- Hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 bằng cách cơ cấu lại khoản vay với tổng giá trị gần 215 tỷ đồng;
- Trao tặng 10 căn nhà tình thương cho các hộ nghèo ở miền Tây Nam Bộ, giúp bà con an cư lạc nghiệp;
- **"Tết ấm, thăm tình"** 2022 – dự án trao tặng hơn 2.000 chiếc áo ấm cho trẻ em, hơn 1.000 phần quà nhu yếu phẩm và tiền mặt đến các hộ gia đình nghèo tại xã Vàng Đán, Nà Bùng thuộc huyện Nậm Pồ và xã Sen Thượng, Leng Su Sin thuộc huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.
- Hơn 150.000 khách hàng bị ảnh hưởng bởi COVID-19 được hỗ trợ giảm lãi suất gần hơn 200 tỷ đồng.

Chiến lược 2022 tập trung vào một số mũi nhọn

Gần 2 năm qua, các doanh nghiệp trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19. Đây cũng là thách thức lớn đối với ngành tài chính tiêu dùng và tình thế này ảnh hưởng đến danh mục cho vay của FE Credit trong ngắn hạn. Tuy nhiên, triển vọng trong tương lai dự báo vẫn tích cực và FE Credit đánh giá đây cũng là cơ hội để chuyển mình và bứt phá hơn nữa.

- Tăng cường tập trung vào danh mục khách hàng tốt, tích hợp mở tài khoản Ubank cho tất cả các khách hàng mới với các sản phẩm miễn phí. Đồng thời, cung cấp cho họ khoản vay thông qua ngân hàng số Ubank.
- Tăng cường kênh bán hàng trực tiếp để tiếp cận người lao động của các doanh nghiệp đã đăng ký và doanh nghiệp phi chính thức để tạo cơ sở cho vay theo lương.
- Tập trung vào việc ra mắt các sản phẩm mới cho những người làm trong từng lĩnh vực cụ thể, mở rộng phân khúc khách hàng cụ thể như vay tiêu dùng hưu trí, gói vay dành riêng cho cán bộ ngành y, ngành giáo dục và tăng quy mô khách hàng tiềm năng thông qua việc hợp tác với đối tác lớn như Zalo, Viettel và các nền tảng viễn thông khác.
- Tăng cường đầu tư xây dựng hình ảnh thương hiệu nhằm tăng tính thân thiện, gần gũi, được cộng đồng yêu mến và trung thành với thương hiệu.

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Xác định rõ trách nhiệm của một doanh nghiệp khi đất nước gặp khó khăn vì COVID-19, suốt 2 năm qua, VPBank đã triển khai hàng loạt các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ chính quyền và nhân dân các địa phương.



1.200 TỶ ĐỒNG

GIẢM LÃI SUẤT CHO
HƠN 400.000 KHÁCH HÀNG

Trong 2 năm qua, VPBank được ghi nhận là một trong những doanh nghiệp vừa nỗ lực hoạt động thông suốt, hiệu quả, góp phần duy trì sự ổn định, chống đứt gãy của nền kinh tế; vừa tham gia tích cực, hiệu quả vào công tác phòng chống dịch của cả nước; quan tâm hỗ trợ các khách hàng, đối tác gặp khó khăn do đại dịch, nhất là nhóm

khách hàng hộ kinh doanh cá thể, SMEs và MicroSMEs. Đặc biệt, các CBNV VPBank có thể tự hào về các chương trình an sinh xã hội do ngân hàng triển khai. Kể từ khi dịch bệnh bùng phát, VPBank liên tục thực hiện hàng loạt các chương trình đóng góp cho cộng đồng với tổng ngân sách lên tới hơn 500 tỷ đồng. Các chương trình tài trợ của

VPBank được Bộ Y tế, các địa phương đánh giá rất cao về tính kịp thời, thiết thực, hiệu quả như: Tài trợ 1.715 máy thở hiện đại, gồm 215 máy thở xâm nhập và không xâm nhập chức năng cao và 1.500 hệ thống làm ẩm thở oxy dòng cao HFNC cho TP.HCM và các tỉnh phía Nam; Tài trợ 100 máy tạo oxy cho quận Tân Bình; Tài trợ 5 tỷ đồng



>500 TỶ ĐỒNG

DÀNH CHO CÁC HOẠT ĐỘNG CSR

cho Bắc Giang chống dịch; Tài trợ xe cứu thương cho Hà Tĩnh... Số thiết bị y tế này đã hỗ trợ đắc lực cho các bệnh viện điều trị bệnh nhân COVID-19 ở thời điểm dịch đang bùng phát mạnh. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chính phủ, Ủy ban MTTQ Việt Nam, Bộ Tài chính, VPBank cũng đã ủng hộ Quỹ Vaccine phòng chống COVID-19 Việt Nam 60 tỷ đồng.

VPBank cũng phối hợp cùng Hội Thầy thuốc trẻ Việt Nam xây dựng 5 container xét nghiệm COVID-19 lưu động hỗ trợ TP.HCM, Phú Yên, Đồng Nai, Vĩnh Long. Theo thống kê, tổng số mẫu xét nghiệm mà các container này đã thực hiện trong tháng 8/2021 đạt 51.000 mẫu đơn và 15.000 mẫu gộp. Tháng 9/2021, khi TP.HCM cần đẩy nhanh tốc độ xét nghiệm để mở rộng vùng xanh và phục hồi các hoạt động kinh tế-xã hội, VPBank tiếp tục tài trợ 2 triệu kit test nhanh. VPBank cũng đã hỗ trợ 5.000 túi an sinh cho người dân gặp khó khăn vì dịch COVID-19 của tỉnh Long An và 400 tấn gạo cho tỉnh Bình Dương, hỗ trợ 5 tỷ đồng cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn của tỉnh Long An nhân dịp Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022.

Trong năm 2021, VPBank cũng tích cực đồng hành cùng chính sách của Ngân hàng Nhà nước nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó do đại dịch. Ước tính, VPBank đã giảm gần 1.200 tỷ đồng cho hơn 400.000 khách hàng (trong đó có 275.000 khách hàng của ngân hàng mẹ và 150.000 khách hàng FE Credit).

Những đóng góp của VPBank đã minh chứng cho tinh thần đoàn kết dân tộc, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp, sứ mệnh luôn đồng hành cùng đất nước, đặt lợi ích quốc gia lên trên hết trong triết lý kinh doanh của mình. Đây cũng là động lực để VPBank tiếp tục duy trì đà phát triển, hướng tới mục tiêu mang lại sự thịnh vượng toàn diện cho các khách hàng, đối tác, cổ đông, toàn thể cán bộ nhân viên và cả cộng đồng.





02

KHÁT VỌNG
THỊNH VƯỢNG



ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH 2022

Nền kinh tế thế giới năm 2021 phải đối mặt với nhiều khó khăn do đại dịch COVID-19 vẫn kéo dài và xuất hiện những biến thể mới. Tuy nhiên, nhiều nền kinh tế đang dần hồi phục nhờ hưởng lợi từ các gói kích thích kinh tế cùng việc triển khai tiêm phòng vaccine phòng COVID-19 đại trà. Bước sang năm 2022, nền kinh tế toàn cầu được kỳ vọng lạc quan nhưng thận trọng với điểm sáng nằm ở các nền kinh tế Châu Á.

Trong năm 2022, nền kinh tế Việt Nam được kỳ vọng sẽ hồi phục trở lại dựa trên việc Chính phủ đã kiểm soát tốt dịch bệnh và có tỷ lệ bao phủ tiêm chủng cao. Tăng trưởng GDP của Việt Nam được các tổ chức quốc tế dự báo nằm trong khoảng từ 6%-7%. Động lực

tăng trưởng chính của nền kinh tế Việt Nam đến từ: chính sách nới lỏng tiền tệ và các gói kích thích kinh tế của Chính phủ, đầu tư công được đẩy mạnh, cầu nội địa phục hồi, xuất khẩu duy trì đà tăng trưởng tích cực cũng như Việt Nam là điểm đến hấp dẫn của dòng vốn FDI. Bên cạnh những triển vọng tích cực, Chính phủ vẫn sẽ còn phải quyết liệt để kiểm soát dịch bệnh và rủi ro xuất hiện những biến thể mới phức tạp hơn. Rủi ro về lạm phát toàn cầu và sự hồi phục chậm của nhóm ngành hàng không, du lịch cũng là những thách thức cần phải giải quyết trong năm 2022.

Ngành ngân hàng tiếp tục được kỳ vọng tăng trưởng tích cực trong năm 2022. Nhu cầu tín dụng

phục hồi và tăng trưởng mạnh mẽ trong năm tới là nguyên liệu đáp ứng cho sự phục hồi tăng trưởng kinh tế. Ngân hàng nhà nước (NHNN) đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng toàn ngành đạt 14%, tập trung tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ. Lãi suất sẽ được giữ ở mức ổn định để hỗ trợ phát triển kinh tế. Đồng thời, kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro. Ngoài ra, nợ xấu tăng lên trong năm qua cũng sẽ là thách thức cần phải xử lý đối với toàn ngành ngân hàng trong năm 2022 để đảm bảo phát triển kinh tế đồng thời giữ cho hệ thống ngân hàng được khỏe mạnh.

Sẵn sàng bứt phá với khát vọng thịnh vượng

Năm 2022 là một năm quan trọng khi VPBank bước vào năm cuối cùng của chiến lược 5 năm giai đoạn 2018 – 2022 với nhiều thách thức trong bối cảnh đại dịch COVID-19 vẫn chưa được

kiểm soát hoàn toàn. Để duy trì tăng trưởng hiệu quả, ứng phó nhanh với các diễn biến phức tạp của trạng thái bình thường mới, Ban điều hành VPBank đã đánh giá các kịch bản của nền

kinh tế có thể xảy ra nhằm tạo thế chủ động, tâm thế sẵn sàng đối phó với các diễn biến phức tạp của thị trường theo các xu hướng kịch bản bình thường mới.

Theo đó, toàn hệ thống VPBank chủ động và linh hoạt trong các giải pháp ứng phó, đẩy mạnh các hoạt động cộng đồng, an sinh xã hội và phát triển bền vững. Trên nền tảng đó, VPBank xác định các mục tiêu chủ đạo như sau:



TĂNG TRƯỞNG QUY MÔ

- Tương xứng với nền tảng **tăng trưởng vốn lớn**
- Tăng trưởng **chất lượng**
- Bứt phá tại **phân khúc chiến lược** với vị thế dẫn đầu



DUY TRÌ BẢNG CÂN ĐỐI VỮNG MẠNH

- Tăng trưởng **CASA** và đa dạng nguồn huy động là điều kiện quan trọng để **tối ưu hóa COF**
- Mở rộng **hệ sinh thái** để đẩy mạnh thu nhập phí
- Thúc đẩy tăng trưởng **huy động khách hàng**



KHÁCH HÀNG LÀ TRỌNG TÂM, TĂNG NỀN TẢNG KHÁCH HÀNG QUA SỐ HÓA

- **Khai thác sâu** khách hàng hiện hữu
- Mở rộng **hệ sinh thái và số hóa** để phát triển cơ sở khách hàng mới
- Hoàn thiện chiến lược phát triển phân khúc toàn diện



ĐẨY MẠNH NỀN TẢNG SỐ HÓA

- Đẩy mạnh **số hóa** sản phẩm, dịch vụ
- Củng cố **hệ thống nền tảng** và tối ưu quy trình
- Tăng cường trải nghiệm khách hàng



ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY THÀNH VIÊN

- Mở rộng hệ sinh thái: **ngân hàng đầu tư và chứng khoán**
- **FE Credit** chuyển mình & bứt phá với các sản phẩm mới, mở rộng tập khách hàng và đẩy mạnh số hóa cùng với sự hồi phục của nền kinh tế

Với những nỗ lực và định hướng như trên, VPBank mong muốn lan tỏa giá trị thịnh vượng đến mỗi khách hàng, cộng đồng và chính các cán bộ nhân viên. Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên VPBank sẽ tiếp tục đoàn kết, đồng lòng chuyển đổi trên mọi mặt, mọi lĩnh vực, quyết tâm bứt phá để đưa VPBank chinh phục những kỳ tích mới, tiếp tục chặng đường hiện thực hóa mục tiêu “VÌ MỘT VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG”.



ĐÓN BẮT XU HƯỚNG MỚI

Trong các giai đoạn phát triển, nhiều tổ chức quốc tế lần lượt gọi Việt Nam là “con hổ” mới của châu Á. Những sai lầm của “con hổ” mới này đang thúc đẩy và tạo ra những xu hướng mới trên thị trường. VPBank luôn chủ động để đón bắt những cơ hội mới.

Năm 2018, Forbes từng có bài viết đặt Việt Nam ở khả năng trở thành một “con hổ” châu Á với chiến lược tăng trưởng kinh tế nhanh. Ngay đầu năm 2022, tờ Business Times của Singapore có bài viết với tựa đề **“Tiếng gầm**

của một con hổ châu Á mới” để nói về kinh tế Việt Nam...

Đó là một nền kinh tế ngày càng lớn mạnh, sai bước với những lực lượng người tiêu dùng, số lượng nhu cầu ngày càng cao. Với khát

vọng cùng Thịnh Vượng, VPBank đã sớm chủ động xây dựng các sản phẩm và dịch vụ ưu việt, gắn với những phân khúc khách hàng trọng tâm và chuyên biệt để cùng sai bước.

Thâm nhập phân khúc mới

Năm 2021, bảng báo cáo Thịnh vượng 2021 do Rony Penn xuất bản, được tổ chức Knight Frank phát hành đưa ra dự báo Việt Nam sẽ có tốc độ tăng trưởng người siêu giàu nhanh hàng đầu thế giới (31%) trong 5 năm tới. Đầu năm 2022, báo cáo Tài sản mới nhất của Knight Frank tiếp tục đưa ra ước tính, có khoảng 19.500 triệu phú USD tại Việt Nam vào

năm 2020; và đến năm 2025, con số này dự kiến sẽ tăng gần 25%, lên 25.000 người.

Trước thêm những dự báo trên, từ trong năm 2018, VPBank đã ra mắt dịch vụ VPBank Diamond dành riêng cho phân khúc khách hàng cao cấp có xu hướng tăng cao ở Việt Nam. Đi trước đón đầu, nắm bắt xu hướng, VPBank Diamond không ngừng khẳng

định thành công của một hướng đi chiến lược.

Năm 2020, VPBank tiếp tục phối hợp cùng Nielsen – công ty nghiên cứu thị trường hàng đầu Việt Nam tìm hiểu, phân tích về một phân khúc khách hàng đang ngày càng nổi bật trên thị trường. Đó là những người Việt trẻ thuộc thế hệ được sinh ra trong giai đoạn 1980 – 2000

(hay còn gọi là thế hệ Millennials), chiếm khoảng 35% dân số, tương đương hơn 33 triệu người. Đây được xem là “thế hệ vàng” của nền kinh tế.

Và cuối năm 2021, VPBank Prime chính thức ra mắt thị trường, một bước tiến mới của VPBank hướng đến “thế hệ vàng” này với những sản phẩm, dịch vụ chuyên biệt, mang đến trải nghiệm tài chính số hóa trọn vẹn và tối ưu. Đây cũng là thương hiệu tài chính đầu tiên tại Việt Nam dành riêng cho thế hệ người Việt trẻ sống bứt phá, cung cấp giải pháp

toàn diện, “đo ni đóng giày” với ba đặc tính nổi bật: “Combo” hóa, số hóa và chế độ chăm sóc đột phá.

Với thông điệp “Bứt phá hôm nay” hướng đến phân khúc khách hàng “thế hệ vàng” của nền kinh tế Việt Nam, VPBank Prime cũng là bước tiến mới, với mục tiêu góp thêm động lực quan trọng để VPBank tiếp tục cải tiến và bứt phá trong năm 2022.

Cũng trong năm 2021, VPBank tiếp tục nâng cấp dịch vụ cho vay khách hàng cá nhân với

những tính năng ưu việt hơn, tích hợp chuyên sâu hơn nữa giá trị chuyển đổi số trong sản phẩm và dịch vụ. Như với VPBank Diamond, và đặc biệt với VPBank Prime vừa triển khai, xu hướng tích hợp nhu cầu vay mua nhà, vay mua ô tô được kết nối thêm một bước chuyển biệt và đầy tiện ích bằng việc ra mắt Race Home và Race Car, cùng cơ chế phê duyệt tự động chỉ trong 5 phút – một tốc độ mà chưa nhiều ngân hàng tại Việt Nam đáp ứng được.

Mở rộng hệ sinh thái tài chính

Sải bước cùng chuyển động của nền kinh tế và thị trường, cuối 2021 đầu 2022, VPBank đã chuẩn bị cho một kế hoạch quan trọng trong chiến lược mở rộng hệ sinh thái tài chính giai đoạn 2021–2025 và xa hơn nữa: mở rộng thêm lĩnh vực ngân hàng đầu tư bên cạnh các hoạt động ngân hàng truyền thống.

Năm 2020 và nổi tiếp 2021, thị trường tài chính Việt Nam cho thấy một bước chuyển lớn về tầm quy mô. Trong đó, thị trường chứng khoán đã thể hiện đà tăng trưởng mạnh mẽ, thu hút lượng lớn nhà đầu tư cá nhân tham gia. Đây cũng chính là hướng gia tăng nhu cầu dịch vụ và đầu tư trong nền kinh tế. Đón bắt xu hướng, VPBank xác định thêm trọng tâm lĩnh vực ngân hàng đầu tư trong

hoạt động, với việc thiết lập thêm một công ty chứng khoán trong cơ cấu.

Đầu năm 2022, VPBank đã chính thức thông báo mua lại 97,42% cổ phần tại Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC. Bước đi này đánh dấu sự trở lại của VPBank trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ chứng khoán và đầu tư. Ngay sau khi thuộc về sở hữu của VPBank, công ty chứng khoán này đã đưa ra một bản kế hoạch tăng vốn và kinh doanh đầy tham vọng. Vốn điều lệ của công ty chứng khoán dự kiến sẽ tăng từ 269 tỷ đồng lên mức 8.920 tỷ đồng. Doanh thu trong năm 2022 được kỳ vọng đạt 1.509 tỷ đồng và mục tiêu lợi nhuận là 632 tỷ đồng.

Trong cơ cấu doanh thu, mảng

doanh thu từ chứng khoán niêm yết chiếm tỷ trọng lớn nhất với giá trị theo kế hoạch đạt 737 tỷ đồng, các mảng khác như trái phiếu và hoạt động tài chính lần lượt được kỳ vọng đem về doanh thu là 307 tỷ đồng và 462 tỷ đồng.

Sự bổ sung mô hình công ty chứng khoán sẽ mở rộng hơn nữa hệ sinh thái tài chính cho VPBank, nằm trong mục tiêu gia tăng hơn nữa hiệu quả hoạt động và gia tăng lợi ích cho cổ đông. Mặt khác, đây cũng là bước đi mở rộng hơn nữa hệ sinh thái dịch vụ, tiện ích cho khách hàng của ngân hàng, qua bán chéo và đan xen các sản phẩm và dịch vụ.



Với khát vọng cùng Thịnh Vượng, VPBank đã sớm chủ động xây dựng các sản phẩm và dịch vụ ưu việt, gần với những phân khúc khách hàng trọng tâm và chuyên biệt để sải bước cùng triển vọng phục hồi của nền kinh tế.

XU THẾ NGÂN HÀNG KHÔNG CHI NHÁNH

Thị trường ngày càng hiện đại và chuyên nghiệp, nhu cầu và đòi hỏi trải nghiệm khách hàng ngày càng cao. Cấu trúc hoạt động của các ngân hàng theo đó đã, đang và buộc phải thay đổi. Ngân hàng không chi nhánh trở thành một xu thế lớn, mà ở đó VPBank đã chủ động tiên phong từ những năm qua, đặc biệt trong năm 2021.

Thụy Sĩ - quốc gia hàng đầu thế giới về số lượng và bề dày truyền thống hoạt động ngân hàng, với khoảng 1.300 nhà băng mà nhiều thành viên có tuổi đời không dưới 300 năm. Tầm cỡ và bề dày đó đang trải qua một cuộc tái tạo, theo những gì giới truyền thông đang mô tả.

Trong bối cảnh đó, ngân hàng số - Neobank đã xuất hiện với quyết tâm tái thiết lại một thị trường ngân hàng Thụy Sĩ. Ngày càng nhiều khách hàng tìm đến Neobank thay vì ngân hàng truyền thống, bởi vấn đề chi phí.

Neobank là một mô hình ngân hàng kỹ thuật số hoàn toàn trực tuyến, không có phòng giao dịch, không có chi nhánh ngân hàng, với cơ chế miễn phí mở rộng đang góp phần thay đổi

bộ mặt hoạt động ngân hàng và các phân khúc thị trường trên toàn cầu.

Tại Việt Nam, theo báo cáo của Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS), lần đầu tiên trong lịch sử giao dịch rút tiền mặt qua hệ thống ATM đã giảm trong năm 2021, giảm 5% so với năm 2020. Một kết quả tiêu biểu của quá trình phát triển mạnh mẽ các kênh thanh toán không dùng tiền mặt những năm qua đã định hình rõ ràng.

Ở một dòng chảy cụ thể nữa, gắn với xu thế tại một thị trường hiện đại và chuyên nghiệp hàng đầu như Thụy Sĩ ở trên, Neobank cũng đã xuất hiện một cách toàn diện tại Việt Nam, gắn với bước đi tiên phong của VPBank trong năm 2021.



Làn sóng không ngừng nghỉ

Tháng 6/2021, VPBank chính thức ra mắt thị trường nền tảng ngân hàng số toàn năng đầu tiên tại Việt Nam - VPBank NEO, được nâng cấp từ ứng dụng ngân hàng điện tử VPBank Online trước đây, với những lợi thế vượt trội về công nghệ, tiện ích và miễn phí 100% cho người sử dụng.

VPBank NEO là ngân hàng số không có chi nhánh, không có phòng giao dịch và là một trong những nền tảng ngân hàng số đầu tiên tại Việt Nam cho phép khách hàng mở tài khoản trực tuyến ngay trên điện thoại thông minh bằng công nghệ định danh điện tử eKYC tiên tiến nhất.

Với nền tảng toàn năng này, khách hàng có thể thực hiện các giao dịch chuyển khoản, nhận tiền, mua bán trái phiếu, gửi tiết kiệm, thanh toán hóa đơn..., đăng ký và mở thẻ tín dụng ảo (virtual card) để thanh toán online với mọi chức năng như thẻ vật lý; mua sắm, giao vận, đặt phòng khách sạn, dịch vụ ăn uống,... ngay trên một nền tảng duy nhất mà không cần cài đặt nhiều ứng dụng khác nhau, qua hình thức thanh toán QR-code không tiếp xúc, hệ sinh thái đối tác đa dạng và mạng lưới kết nối 14 ví điện tử lớn nhất thị trường hiện nay.

VPBank NEO được tập trung đầu tư và phát triển dựa trên nhiều công nghệ hiện đại trên thế giới như mô hình "NEO-bank" vận hành trực tuyến không qua bất kỳ chi nhánh nào và mô hình "Open banking" cho phép mở rộng hệ sinh thái. Nhờ đó, VPBank NEO đã tạo ra một nền tảng rộng lớn từ đầu tư tài chính đến thương mại điện tử, cung cấp một trải nghiệm người dùng liền mạch ở mọi điểm

tiếp xúc, vượt xa quy mô của một sản phẩm ngân hàng số thuần chức năng thanh toán thông thường.

Tháng 12/2021, hệ thống ngân hàng tự động VPBank NEO Express đi vào hoạt động, tiếp tục là một bước đi mới sau khi ra mắt nền tảng ngân hàng số VPBank NEO. VPBank NEO Express là hệ thống các điểm giao dịch (kiosk banking) có khả năng cung cấp hầu như tất cả các dịch vụ của ngân hàng như một phòng giao dịch truyền thống, nhưng được vận hành hoàn toàn tự động bởi máy móc và các công nghệ hiện đại. Theo đó, hệ thống kiosk banking này luôn sẵn sàng phục vụ khách hàng ở bất cứ thời điểm nào mà không bị cản trở bởi giờ giao dịch hành chính hoặc những hạn chế về nguồn nhân lực.

VPBank NEO và VPBank NEO Express là những sản phẩm điển hình cho những nỗ lực tiên phong của VPBank trên thị trường trong chiến lược đẩy mạnh số hóa để phát triển sản phẩm, dịch vụ, gia tăng tiện ích và nâng cao trải nghiệm cho khách hàng.

Tại VPBank, chiến lược số hóa đó là một làn sóng không ngừng nghỉ, lan rộng trong mọi hoạt động, trong các khâu vận hành những năm qua. Để đến năm 2021, 100% sản phẩm và dịch vụ của VPBank, kể cả cho vay thế chấp, đều có thể được cung ứng qua các kênh số hóa và thực hiện trên nền tảng trực tuyến. Với những kết quả này tại VPBank, câu chuyện tái thiết lại thị trường và hoạt động ngân hàng như ở Thụy Sĩ để cập ở trên không còn quá mới mẻ tại Việt Nam.

Gia tăng mạnh mẽ các giá trị

Năm 2021 đạt

124 triệu

giao dịch,

↗ 2 lần so với năm 2020

Với ngân hàng số không chỉ nhánh, giá trị đầu tiên và trực tiếp nhất là góp phần giảm thiểu chi phí vận hành, chi phí đầu tư và duy trì hạ tầng cơ sở như mô hình ngân hàng truyền thống. Cùng với chuyển đổi số toàn diện các hoạt động, mô hình mới này góp phần quan trọng để VPBank đạt được tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) tốt nhất trên thị trường những năm vừa qua và đặc biệt trong năm 2021.

Ngân hàng số không chỉ nhánh góp phần gia tăng mạnh mẽ các giá trị tiện ích, lợi ích và trải nghiệm cho khách hàng. Qua đó, gốc rễ hoạt động VPBank thêm bền vững, thêm lực đẩy cho cạnh tranh, thêm sức tăng trưởng để tiếp tục bứt phá trong tương lai.

Chỉ sau nửa năm ra mắt thị trường, Ngân hàng số VPBank NEO đã nhanh chóng tạo cú

huých mạnh mẽ cho nhiều chỉ tiêu tăng trưởng. Lũy kế đến cuối năm 2021, tổng số lượng khách hàng đã đăng kí VPBank NEO đạt khoảng 3 triệu người dùng. Số lượng giao dịch tài chính trên nền tảng ngân hàng số toàn năng này trong năm 2021 đạt 124 triệu giao dịch, tăng 2 lần so với năm 2020. Đối với sản phẩm tiết kiệm, tỷ lệ số dư tiết kiệm online lên 55% so với mức 31% cuối năm 2020; tương ứng, tỷ lệ số lượng khách hàng gửi tiết kiệm online trên tổng số khách hàng gửi tiết kiệm tăng từ mức 55% lên 72%. Đối với mảng cho vay, số lượng hợp đồng vay trên VPBank NEO đạt 200.000 hợp đồng, tăng 15%...

Tiếp đà thành công, năm 2022 VPBank NEO đặt mục tiêu phát triển thêm 2 triệu khách hàng mới; số lượng giao dịch dự kiến đạt 236 triệu giao dịch, tăng 90% so với năm 2021. Bên cạnh đó,

bắt đầu ra mắt thị trường vào cuối 2021, VPBank NEO Express dự kiến cũng sẽ là một mũi nhọn mới góp phần tạo đột phá và tăng tính khả thi cho những mục tiêu đó.

Các kết quả tăng trưởng, các mục tiêu đột phá mới sẽ tiếp tục tạo thay đổi mang tính chiến lược trong cấu trúc, hiệu quả hoạt động của VPBank. Đó là những thay đổi tích cực và điển hình như tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) liên tục giảm mạnh và ngày càng được tối ưu; tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA) tăng trưởng nhanh chóng; tổng lượng giao dịch số trên các kênh hướng tới tỷ trọng gần như tuyệt đối 100%... Chiến lược số hóa với ngân hàng không chỉ nhánh trở thành chìa khóa quan trọng và chủ động để VPBank mở ra những giá trị đổi thay tích cực và không ngừng gia tăng.



ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG MỚI

Cuộc khủng hoảng COVID-19 đang nổi dài sang năm thứ 3, bối cảnh nền kinh tế phía trước tiềm ẩn thử thách khó lường. Song, triển vọng phục hồi với những cơ hội mới đang mở ra. VPBank đang sẵn sàng thể và lực tốt nhất trong lịch sử hoạt động để chủ động vượt thử thách, nắm cơ hội và tiếp tục hướng tới thành công mới trong hành trình Khát Vọng Thịnh Vượng.

Bước sang năm 2022, nhiều tổ chức quốc tế dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam sẽ từng bước mạnh mẽ trở lại. Đà phục hồi đã thể hiện ở nhiều nền kinh tế lớn - đối tác thương mại và đầu tư của Việt Nam. Quan trọng hơn, Việt Nam đã có điều chỉnh chiến lược trong phòng, chống dịch; đã nhanh chóng đạt độ phủ vaccine ngừa COVID-19 ở top đầu thế giới; chương trình hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội quy mô lớn bắt đầu triển khai...

Đó cũng chính là môi trường cho triển vọng phục hồi, cho sức bật của mỗi doanh nghiệp. Với VPBank, triển vọng này gắn với sự chuẩn bị đặc biệt từ trong năm 2021.

Mở rộng các giới hạn

Sự chuẩn bị đặc biệt trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, trong thử thách của đại dịch, VPBank đã thực hiện thành công một trong những kế hoạch quan trọng nhất của chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025.

Tháng 10/2021, VPBank hoàn tất giao dịch bán 49% cổ phần Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng (FE Credit) cho Công ty Tài chính Tiêu dùng SMBC (SMBCCF) – một công ty con do Tập đoàn Sumitomo Mitsui Financial của Nhật Bản sở hữu 100% vốn. Giao dịch này đã tạo kỷ lục mới về giá trị M&A trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng tại Việt Nam, qua đó góp phần khẳng định niềm tin của nhà đầu tư nước ngoài vào thị trường và môi trường đầu tư của Việt Nam nói chung, cũng như đối với tiềm năng, hiệu quả hoạt động của FE Credit và VPBank nói riêng.

Giá trị giao dịch trên góp phần nâng vốn chủ sở hữu VPBank lên hơn 86.000 tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2021, tăng tới hơn 63% so với năm 2020, là mức tăng trưởng mạnh nhất và quy mô thuộc nhóm lớn nhất hệ thống các ngân hàng thương mại Việt Nam. Đây chính là động lực mới, trực tiếp nhất giúp VPBank mở rộng thêm dư địa tăng trưởng từ năm 2022 khi hoạt động ở một lĩnh vực có nhiều giới hạn độc thù.

Gắn với quy mô vốn chủ sở hữu mới, hệ số an toàn vốn (CAR) của VPBank đến cuối 2021 đã đạt tới 14,3% theo chuẩn Basel II, tăng mạnh so với mức 11,7% năm 2020. Kết quả này một mặt tiếp tục tăng cường bộ đệm an toàn vốn cho Ngân hàng dày dặn hơn trong môi trường còn bộc lộ những rủi ro bởi đại dịch; củng cố thêm các chỉ tiêu an toàn hoạt động và vị thế hạng mức tín nhiệm. Mặt khác, tỷ lệ

CAR hàng đầu hệ thống hiện nay giúp VPBank đáp ứng tốt hơn nữa một trong những tiêu chí chính yếu của Ngân hàng Nhà nước trong định hình chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng, thêm động lực lớn trong sử dụng vốn.

Bên cạnh đó, động lực từ quy mô vốn chủ sở hữu mới giúp VPBank tiếp tục thúc đẩy hơn nữa những lợi thế đi đầu trên thị trường hiện nay. Điển hình như ở lĩnh vực chuyển đổi số và phát triển ngân hàng số, gia tăng tiện ích và nâng cao trải nghiệm cho khách hàng. Theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, giới hạn tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động không quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ. Quy mô vốn mới tạo thêm điều kiện để VPBank mở rộng không gian đầu tư cho nền tảng hạ tầng công nghệ, thúc đẩy những lợi thế đó và gia tăng hơn nữa sức cạnh tranh trên thị trường.

Tối ưu hiệu quả động lực mới

Ngay trong năm 2021, VPBank đã tiếp tục mở rộng phạm vi hoạt động ở các lĩnh vực mới, tập trung cho các phân khúc chiến lược mới, tạo thêm tiền đề cho kế hoạch bứt phá trong năm 2022.

Điển hình như việc xây dựng và chính thức ra mắt thị trường thương hiệu VPBank Prime – thương hiệu tài chính đầu tiên tại Việt Nam dành riêng cho thế hệ người Việt trẻ sống bứt phá, cung cấp giải pháp toàn diện

cho một phân khúc khách hàng chuyên biệt. Hay bên cạnh các mảng truyền thống, VPBank mở rộng sang lĩnh vực ngân hàng đầu tư, thiết lập thêm công ty chứng khoán trong mục tiêu mở rộng hệ sinh thái tài chính cho Ngân hàng cũng như trong đa dạng hoá dịch vụ cho khách hàng.

Động lực mới từ nguồn vốn chủ sở hữu gia tăng mạnh mẽ trong năm 2021 đang được chuyển tiếp vào những bước đi mở rộng cụ thể như

vậy, cũng như thúc đẩy toàn diện các hoạt động trong năm 2022. Hiệu quả của hướng thúc đẩy này được tối ưu trên nền tảng một hệ thống đã được VPBank tập trung đầu tư, không ngừng tinh chỉnh và chuẩn hóa những năm qua, đặc biệt ở chất lượng nhân sự, chuyển đổi số và số hóa vận hành, cơ chế quản trị rủi ro chặt chẽ. Một nền tảng đã tiếp tục khẳng định hiệu quả ở nhiều chỉ tiêu không ngừng cải thiện trong năm qua, như tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) tiếp tục

ở mức tốt nhất trên thị trường với 24,2% (giảm mạnh so với mức 29,2% năm 2020); chi phí hoạt động giảm gần 6%; tỷ lệ số hóa các giao dịch của khách hàng lên tới hơn 97%; tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA) tăng mạnh từ 15,8% lên 23%; tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng mẹ chỉ ở mức 1,51% trong môi trường bộc lộ

nhiều rủi ro...

Hấp thụ và vận hành bởi một hệ thống hiệu quả, gắn với định hướng chiến lược và các kế hoạch hành động trong năm 2022, động lực mới tại VPBank sẽ càng được tối ưu giá trị. Đặc biệt, với triển vọng đại dịch đang dần được kiểm soát,

hướng phục hồi mở rộng ở nhiều nền kinh tế và tại Việt Nam, động lực tăng trưởng mới cũng chính là thế và lực mới để VPBank sẵn sàng nắm chắc cơ hội phục hồi chung, tiếp tục bứt phá trong hành trình Khát Vọng Thịnh Vượng.



Quy mô vốn chủ sở hữu VPBank tăng trưởng mạnh nhất và thuộc nhóm lớn nhất hệ thống, tạo động lực mới và trực tiếp nhất để mở rộng thêm dư địa tăng trưởng từ năm 2022.

Hấp thụ và vận hành bởi một hệ thống hiệu quả, gắn với định hướng chiến lược và các kế hoạch hành động trong năm 2022, động lực mới tại VPBank sẽ càng được tối ưu giá trị.



PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI

Năm 2021, Ban lãnh đạo VPBank tiếp tục thể hiện cam kết đầu tư vào con người – tài sản quý giá nhất của ngân hàng – thông qua các chính sách nhân sự được điều chỉnh phù hợp với thời kỳ dịch bệnh, đồng thời đưa ra kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực để chuẩn bị cho một giai đoạn phát triển cao hơn của ngân hàng.

TUYỂN DỤNG HIỆU QUẢ

5.346 người lao động nhận việc trong năm 2021
97% tỷ lệ lấp đầy định biên

TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN NGUỒN

Thông qua các chương trình, chiến dịch tuyển dụng cả trực tiếp và trực tuyến phù hợp với tình hình thực tế

TIẾP TỤC NÂNG CẤP HỆ THỐNG TUYỂN DỤNG

Với 8 cải tiến nhằm nâng cao trải nghiệm ứng viên, tinh gọn quy trình, giảm thời gian xử lý và thao tác nghiệp vụ.

Thu hút và gìn giữ nhân tài

Bất chấp dịch bệnh COVID-19 diễn biến khó lường, trong năm qua, hoạt động tuyển dụng của VPBank vẫn diễn ra nhanh chóng và hiệu quả, đảm bảo nguồn lực cho các đơn vị.

Mặc dù dịch bệnh ảnh hưởng đến các hoạt động của ngân hàng, VPBank vẫn duy trì các chính sách đãi ngộ cạnh tranh. Đối với Ban lãnh đạo VPBank, chính sách lương thưởng không phải là chính sách cào bằng,

mà là chính sách linh hoạt, trả đúng người đúng việc, đảm bảo cán bộ nhân viên cảm thấy được đãi ngộ công bằng với các cống hiến của mình, cũng như có động lực để phấn đấu thành công hơn, đóng góp nhiều hơn vào thịnh vượng chung toàn hàng. Các chương trình vay gần kết và cổ phiếu ưu đãi ESOP tiếp tục giúp thắt chặt mối quan hệ giữa cán bộ nhân viên với ngân hàng.

Bên cạnh đó, VPBank cũng ban hành chính sách Hỗ trợ cán bộ nhân viên bị ảnh hưởng bởi COVID-19. Chính sách hỗ trợ người thân trong trường hợp cán bộ nhân viên qua đời được ban hành. Ngoài ra, ngân hàng thực hiện linh hoạt chính sách WFH (làm việc tại nhà) để đảm bảo an toàn cho cán bộ nhân viên và triển khai chiến dịch tiêm chủng khẩn trương cho cán bộ nhân viên và người thân trong toàn hàng.

Tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên phát huy năng lực và phát triển tài năng

Năm 2021 là một năm tiếp theo hoạt động đào tạo bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19. Với quyết tâm không để kế hoạch học tập của cán bộ nhân viên bị gián đoạn, Học viện VPBank

cùng đội ngũ giảng viên nội bộ đã linh hoạt sử dụng các kênh học tập khác nhau, đặc biệt chú trọng áp dụng công nghệ trong giảng dạy, nhanh chóng khai thác các tính năng mới của

Microsoft Teams. Việc học trên nền tảng Microsoft Teams trở thành hình thức học tập chủ đạo song song bên cạnh hình thức học E-learning.

Các Chương trình phát triển, gìn giữ nhân tài cũng diễn ra mạnh mẽ hơn các năm trước:

Chương trình CR 2021

Xác định các vị trí chủ chốt của ngân hàng (Critical Roles) và tiếp tục triển khai chính sách đãi ngộ đặc biệt cho nhóm CR.

Chương trình kế hoạch kế nhiệm – Succession Planning

Tiếp tục xác định các cán bộ kế nhiệm cho các vị trí N2 và N3(CR), triển khai đánh giá, lập kế hoạch phát triển cá nhân.

Chương trình Nhà quản lý tiềm năng VPBank – VPBank Gennext (VPG)

Tuyển chọn khắt khe, chuyên nghiệp, tiêu chuẩn cao, triển khai đào tạo, phát triển theo lộ trình chuẩn bị cho thế hệ quản lý, lãnh đạo kế cận của VPBank.

Các chương trình vinh danh, khen thưởng

Các giải thưởng TOP 100, Giải thưởng cán bộ nhân viên tiêu biểu, Giải thưởng nóng Hot Bonus, kịp thời ghi nhận, vinh danh các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc nổi trội và đóng góp cho hoạt động kinh doanh, vận hành của ngân hàng.

Tăng cường số hóa hướng tới tương lai

Hòa chung vào dòng chảy số hóa toàn hàng, các hoạt động quản trị nguồn nhân lực cũng được chuyển dịch mạnh mẽ sang nền tảng kỹ thuật số như hoàn thành số hóa văn bản nhân sự, hoàn tất sử dụng chữ ký số đối với các quyết định nhân sự tại quy trình tiếp nhận cán bộ nhân viên mới, rút ngắn SLA từ 7 ngày xuống 3

ngày, thực hiện 21 thay đổi, cải thiện trên các hệ thống để nâng cao trải nghiệm cán bộ nhân viên. Với quan niệm nhân tài là cốt lõi làm nên sự khác biệt và thành công cho ngân hàng, phát triển con người tiếp tục là chiến lược quan trọng của VPBank trong năm 2021 để chuẩn bị cho một

giai đoạn tăng trưởng cao hơn của ngân hàng trong tương lai. Trong đó, các hoạt động quản trị nhân sự và đào tạo nguồn nhân lực thông qua nền tảng số được đặc biệt chú trọng để thích ứng với tình hình dịch bệnh và xu hướng phát triển của thời đại.





03

PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Bối cảnh phát triển bền vững

Năm 2021 là thời điểm đánh dấu Thỏa thuận Paris chuyển sang giai đoạn triển khai thực hiện trên phạm vi toàn cầu, và lần đầu tiên thế giới đã đạt được sự đồng thuận về một lộ trình nhằm cắt giảm phát thải khí nhà kính, chuyển đổi sang năng lượng sạch và chấm dứt sử dụng than. Tại diễn đàn COP26 Chính phủ Việt Nam đã tuyên bố cam kết sẽ giảm phát thải 30% khí metan vào năm 2030 và đạt mức phát thải ròng bằng 0 đến năm 2050 để góp phần giải quyết khủng hoảng khí hậu. Đây là mục tiêu đầy thách thức, do vậy để hoàn thành được các mục tiêu đề ra, Việt Nam được dự báo sẽ nhanh chóng đưa ra nhiều thay đổi lớn trong khung chính sách và luật pháp, tập trung vào các vấn đề loại bỏ nhiên liệu hóa thạch và thay thế bằng nhiên liệu sạch, phát triển kinh tế tuần hoàn, duy trì, phát triển rừng và bảo vệ các hệ sinh thái.

Trong vai trò đồng hành cùng với

Chính phủ, hệ thống ngân hàng sẽ tiếp tục là trung tâm của các hành động về chống biến đổi khí hậu và thúc đẩy các hoạt động phát triển bền vững. VPBank thừa nhận tài chính bền vững là một hoạt động kinh doanh tốt và hiệu quả, giúp giảm thiểu rủi ro một cách mạnh mẽ thông qua tính toán đến các tác động của biến đổi khí hậu và cạn kiệt về tài nguyên đối với lợi nhuận dài hạn của danh mục đầu tư. Trên nền tảng chiến lược phát triển bền vững có tầm nhìn dài hạn, được cụ thể hóa bằng việc triển khai Hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội (MTXH) theo chuẩn mực quốc tế và phát triển các Giải pháp tài chính bền vững, VPBank không ngừng đóng góp vào quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế carbon thấp tại Việt Nam, đồng thời nâng cao khả năng tiếp cận tài chính một cách công bằng nhằm hỗ trợ nhóm khách hàng dễ bị tổn thương vượt qua giai đoạn khó khăn của dịch bệnh.

Thông qua nguyên tắc **cho vay có trách nhiệm**, ngân hàng kiên định xây dựng hệ sinh thái đôi bên cùng có lợi, bền vững và toàn diện trong kỷ nguyên sau đại dịch Covid-19 bằng cách liên tục nâng cấp cấu trúc quản lý môi trường – xã hội – quản trị, và thúc đẩy nỗ lực trong lĩnh vực tài chính xanh và tài chính đổi mới.

Bất chấp những thách thức và nguy hiểm do đại dịch gây ra, VPBank đã cố gắng đạt được tiến bộ đáng kể trong các lĩnh vực chính của tính bền vững, duy trì vị thế dẫn đầu thị trường trong các đóng góp về môi trường, xã hội và khí hậu. Các hoạt động tích cực của VPBank trên diễn đàn kết nối tài chính xanh cùng các đóng góp, ủng hộ các sáng kiến bền vững trong năm vừa qua tiếp tục được nhiều tổ chức trong và ngoài nước đánh giá tích cực, góp phần củng cố thêm uy tín và lòng tin vững chắc trong lòng khách hàng và các nhà đầu tư đối với ngân hàng.

ĐÁNH GIÁ CAM KẾT ESG NGÀNH NGÂN HÀNG

(thực hiện bởi Fair Finance
Việt Nam)



VPBank đứng đầu về chỉ số ESG trong nhóm 10 ngân hàng có vốn hóa lớn nhất Việt Nam

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ PHÁT TRIỂN

(thực hiện bởi DEG)



Kết quả đánh giá chỉ số tổng thể về hiệu quả phát triển (DERa) và ESG của VPBank đạt mức "Very Good"

ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

(thực hiện bởi Sở GDCK HCM)



VPBank duy trì vị thế là một trong 20 công ty có cổ phiếu trong danh mục Chỉ số Phát triển Bền vững (VNSI) cao nhất thị trường trong kỳ đánh giá năm 2021.

Chiến lược phát triển bền vững

TÂM NHÌN

Mang lại sự thịnh vượng cho từng khách hàng bằng những sản phẩm, dịch vụ tài chính ưu việt của ngân hàng, qua đó góp phần vào sự thịnh vượng chung của đất nước

NHIỆM VỤ

Hỗ trợ khách hàng thành công thông qua dịch vụ tài chính kỹ thuật số sáng tạo, phù hợp, công bằng và bền vững; Tạo lập “Giá trị nhiều hơn – Tác động ít hơn” thông qua nguyên tắc cho vay có trách nhiệm; Lợi ích lâu dài và giá trị gia tăng cho tất cả các bên liên quan; Cung cấp cho tất cả nhân viên những cơ hội tốt nhất để nhận ra tiềm năng của mình.

HÀNH ĐỘNG

HIỆU QUẢ KINH TẾ

Thành công của chúng tôi mang lại lợi ích trực tiếp cho tất cả các bên liên quan

→ MỤC TIÊU

Tăng trưởng tín dụng và đẩy mạnh giải pháp số

TÀI CHÍNH XANH

Chúng tôi tiên phong phát triển giải pháp tài chính xanh để thúc đẩy chuyển đổi sang nền kinh tế carbon thấp tại Việt Nam

→ MỤC TIÊU

Tăng trưởng dư nợ tín dụng xanh

TÀI CHÍNH CÔNG BẰNG

Chúng tôi tạo lập sự công bằng trong tiếp cận tài chính của nhóm khách hàng dễ bị tổn thương

→ MỤC TIÊU

Hỗ trợ doanh nghiệp nữ chủ và doanh nghiệp ảnh hưởng bởi COVID-19

Đóng góp cho mục tiêu PTBV



Giá trị nhiều hơn

Tác động ít hơn

RỦI RO MTXH

Chúng tôi quản lý rủi ro MTXH trong hoạt động cấp tín dụng cho khách hàng

→ MỤC TIÊU

Ngăn chặn dự án có tác động không thể hoán đảo và tăng cường tuân thủ

HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN

Chúng tôi quản lý chất thải và sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng

→ MỤC TIÊU

Giảm thiểu lượng nước sạch, điện và văn phòng phẩm tiêu thụ hàng năm

AN TOÀN – SỨC KHỎE

Chúng tôi xây dựng môi trường làm việc lành mạnh, an toàn và hiệu quả

→ MỤC TIÊU

Không xảy ra tai nạn lao động, tăng cường chế độ phúc lợi cho nhân viên ảnh hưởng bởi COVID-19

Đóng góp cho mục tiêu PTBV



Chủ đề bền vững



Đóng góp bền vững

Duy trì và nâng cấp
Hệ thống quản lý rủi ro Môi trường & Xã hội theo tiêu chuẩn của IFC

Hợp tác với Tổ chức GIZ hoàn thành
giai đoạn 2 của
**Dự án nâng cao năng lực công bố
rủi ro tài chính khí hậu**
theo thông lệ Báo cáo TCFD

Xây dựng
**Khung chính sách Tín dụng xanh được
xác nhận bởi Tổ chức Sustainalytics**
và triển khai thành công Chương trình
Tín dụng xanh

Huy động thành công
300 triệu USD
từ nguồn vốn quốc tế để hỗ trợ cho các doanh
nghiệp nhỏ và vừa và doanh nghiệp do phụ nữ
lãnh đạo

VPBank nằm trong
**top 20 công ty có cổ phiếu đạt chỉ số
phát triển bền vững (VNSI) cao nhất**
thị trường trong 3 năm liên tiếp

Đóng góp 500 tỷ đồng
để đồng hành cùng Chính phủ và người dân
trong việc giảm thiểu các tác động của thiên
tai và dịch COVID-19

Nội dung báo cáo và Phạm vi chủ đề

Khi lựa chọn nội dung công bố tính bền vững, VPBank sử dụng các nguyên tắc báo cáo của Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI), bao gồm (i) Đảm bảo sự tham gia của các bên liên quan, (ii) Bối cảnh Phát triển bền vững, (iii) Tính trọng yếu và (iv) Tính đầy đủ. Các khía cạnh chính trong chiến lược và báo cáo bền vững của VPBank đã được nêu trong

Báo cáo thường niên năm 2020, thông qua phân tích tính trọng yếu và tiếp tục được cập nhật, bổ sung tại báo cáo này. Tổng Giám đốc trực tiếp rà soát và phê duyệt chính thức báo cáo phát triển bền vững của ngân hàng và đảm bảo rằng tất cả các chủ đề trọng yếu được đề cập.

Các bên Liên quan

Trong năm báo cáo, VPBank duy trì và tiếp tục mở rộng tham gia với nhiều nhóm bên liên quan nhằm tăng cường các mối liên hệ hiện có và hợp tác chặt chẽ về các chủ đề môi trường, xã hội, quản trị và chống biến đổi khí hậu.

Danh sách các bên liên quan:

Cổ đông/Nhà đầu tư	Khách hàng	Đối tác
Nhà cung ứng dịch vụ	Người lao động	Cộng đồng
Cơ quan quản lý Nhà nước	Tổ chức phi lợi nhuận	Cơ quan truyền thông

Trình bày lại Thông tin

Thông tin trong báo cáo năm 2021 được trình bày dựa trên việc tham khảo theo bộ tiêu chuẩn GRI nhằm tạo ra một tiếng nói chung cho các tổ chức và các bên liên quan, để truyền đạt và được hiểu rõ các tác động về kinh tế, môi trường và xã hội theo một tiêu chuẩn được chấp nhận toàn cầu.

Các thay đổi trong báo cáo

Không có thay đổi đáng kể nào về danh mục chủ đề tài liệu và ranh giới chủ đề so với kỳ báo cáo trước. VPBank tiếp tục duy trì sự công bố rộng rãi, chi tiết và minh bạch những đóng góp của mình cho mục tiêu phát triển bền vững và giải quyết các vấn đề cấp bách liên quan đến chủ đề xã hội, môi trường và khí hậu.

Tiêu chuẩn Áp dụng

Báo cáo này đã được lập dựa trên việc tham khảo theo Tiêu chuẩn GRI: tùy chọn 'Cốt lõi'.

Thông lệ Báo cáo

Kỳ báo cáo: 01/01/2021-31/12/2021
Ngày của báo cáo gần nhất: 31/03/2021
Chu kỳ báo cáo: Thường niên
Đầu mối liên hệ giải đáp về báo cáo bền vững:
Phòng Quan Hệ Nhà đầu tư – VPBank
Email: ir@vpbank.com.vn
Điện thoại: (84) 24 7305 6600

Quản lý rủi ro môi trường và xã hội

Các tác động chính, rủi ro và cơ hội

Gián tiếp thông qua hoạt động cấp tín dụng, ngân hàng có thể sẽ phải chịu những rủi ro về danh tiếng, rủi ro pháp lý và rủi ro tín dụng. Rủi ro danh tiếng bắt nguồn từ các khía cạnh tiêu cực trong hoạt động của khách hàng dẫn tới làm xấu hình ảnh của ngân hàng tài trợ. Rủi ro pháp lý có thể đến từ việc ngân

hàng phải đối mặt với các phán quyết pháp luật, mất phí cho việc khắc phục các thiệt hại MTXH do sở hữu tài sản thế chấp gây ô nhiễm của khách hàng. Rủi ro tín dụng xảy ra trong trường hợp khách hàng không thể trả các khoản vay do vướng vào các vấn đề môi trường xã hội.

Phân cấp quản lý các chủ đề MTXH

Phòng MTXH thuộc Khối Pháp chế & Kiểm soát tuân thủ chịu trách nhiệm xây dựng hệ thống, chính sách quản trị về MTXH. Hiện tại, Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc Khối Pháp chế và

Kiểm soát tuân thủ được Tổng Giám đốc ủy quyền thực hiện vai trò Quản lý cao cấp về MTXH, là đại diện của VPBank quyết định các vấn đề liên quan đến quản lý rủi ro MTXH.

Hệ thống quản lý rủi ro Môi trường và Xã hội

Từ 2016, VPBank đã triển khai Hệ thống quản lý rủi ro MTXH tuân thủ theo luật pháp Quốc gia và các Tiêu chuẩn Hoạt động Môi trường và Xã hội của Công ty tài chính quốc tế (IFC). Chính sách MTXH hướng dẫn các Đơn vị kinh doanh, Đơn vị kiểm soát rủi ro tín dụng và cấp phê duyệt đánh giá và cân nhắc các rủi ro MTXH liên quan đến các hoạt động cho vay và tài trợ của ngân hàng. Kế hoạch hành động về môi trường và xã hội (ESAP) sẽ được triển khai cho khách hàng nếu kế hoạch kinh doanh của khách hàng chưa đáp ứng chính sách MTXH của VPBank. Các phương án vay vốn gây ra tác động nghiêm

trọng không thể khắc phục đối với MTXH sẽ bị từ chối cấp tín dụng bởi ngân hàng. Cam kết tuân thủ MTXH của khách hàng được ghi nhận trong hợp đồng tín dụng hoặc thỏa thuận hợp tác như là một điều kiện để duy trì vốn vay. Quan trọng hơn cả, VPBank duy trì sự giám sát đối với khách hàng, kết hợp nhận thức về tác động MTXH mà họ có, để đảm bảo cộng đồng và môi trường được bảo vệ khỏi các tác động tiêu cực tiềm ẩn. Các yêu cầu tuân thủ MTXH cũng được VPBank áp dụng với nhà cung cấp và các hoạt động thuê ngoài để loại trừ tác động tiêu cực trong chuỗi cung ứng.

Tiếp nhận ý kiến về MTXH

Từ năm 2017, VPBank đã xây dựng kênh tiếp nhận ý kiến bên ngoài về MTXH và công bố trên website chính thức của ngân hàng nhằm

đảm bảo các vấn đề MTXH của khách hàng được tiếp nhận và xử lý kịp thời và minh bạch, đáp ứng các chuẩn mực quốc tế.

Kết quả kiểm soát rủi ro MTXH

Trên 18.000 đề xuất cấp tín dụng được đánh giá và giám sát tuân thủ MTXH (chiếm tỷ lệ 100%)

0% nhà cung cấp hoặc hoạt động thuê ngoài có rủi ro về MTXH

100% khoản cấp tín dụng đáp ứng yêu cầu tuân thủ về MTXH

Gần 1.900 CBNV hoàn thành khóa đào tạo về quản lý rủi ro MTXH (chiếm tỷ lệ 100%)

Tài chính xanh

Nguồn lực tài chính xanh

Huy động nguồn vốn xanh quốc tế

\$212.5m **\$50.0m**

Xây dựng đội ngũ nhân sự

VPBank xây dựng đội ngũ chuyên gia có bằng cấp quốc tế về Tài chính xanh cấp bởi Học viện Năng lượng tái tạo (RENAC – Đức) để quản lý và thẩm định khoản vay xanh.



Chương trình tín dụng xanh

Khung chính sách Tín dụng xanh do VPBank phát triển dưới sự tư vấn của IFC được Tổ chức Sustainalytics công nhận phù hợp với khuôn khổ Nguyên tắc Tín dụng xanh 2020 (Green Loan Principles,

2020) do Hiệp hội thị trường Tín dụng (Loan Market Association – “LMA”) ban hành và đóng góp cho các Mục tiêu Phát triển Bền vững số 6, 7, 11, 12, 14 và 15 của Liên hợp quốc.

CÁC LĨNH VỰC XANH		
(I) Năng lượng tái tạo	(II) Sử dụng năng lượng hiệu quả	(III) Giao thông sạch
(IV) Thân thiện với môi trường và/hoặc Kinh tế tuần hoàn	(V) Quản lý nước bền vững và xử lý nước thải	(VI) Công trình xanh
(VII) Nông, lâm nghiệp bền vững	(VIII) Phòng chống ô nhiễm	(IX) Thích ứng Biến đổi khí hậu

Nhận diện rủi ro tài chính liên quan đến khí hậu

Biến đổi khí hậu toàn cầu và các biện pháp của Chính phủ để giảm thiểu sự thay đổi này có thể tác động đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của ngân hàng theo nhiều cách khác nhau. Đối với VPBank, rủi ro khí hậu về cơ bản được chia thành hai loại: (i) rủi ro chuyển đổi, là rủi ro tạm thời liên quan đến các chính sách của Chính phủ nhằm chuyển đổi sang nền kinh tế carbon thấp và (ii) rủi ro vật lý hoặc rủi ro thực tế do sự kiện biến đổi khí hậu xảy ra gây thiệt hại đối với tài sản của ngân hàng.

Trong năm 2021, VPBank đã hợp tác với GIZ hoàn thành giai đoạn 2 của dự án nâng cao năng lực xây dựng Báo cáo Công bố thông tin Tài chính liên quan đến Khí hậu Task Force on Climate-related Financial Disclosures (TCFD). Đây là dự án nằm trong “Hợp phần cải cách khu vực tài chính xanh” nhằm cải cách hệ thống tài chính và ngân hàng của Việt Nam theo hướng bền vững do Bộ Hợp tác Kinh tế Liên bang Đức và Phát triển (BMZ) thực hiện.

Ủng hộ các sáng kiến bền vững

HỘI THẢO TIẾP CẬN TÀI CHÍNH CHO CÔNG TRÌNH XANH

Tổ chức bởi	Ngày hội thảo	Số thành viên
IFC	14/04/2021	160

Chủ đề

VPBank chia sẻ kinh nghiệm Tài chính cho công trình xanh và những thách thức chính phải đối mặt.

HỘI THẢO KẾT NỐI TÀI CHÍNH XANH

Tổ chức bởi	Ngày hội thảo	Số thành viên
Cục xúc tiến thương mại	28/10/2021	139

Chủ đề

VPBank chia sẻ chương trình tài chính xanh và kết nối với các doanh nghiệp có nhu cầu vay vốn cho dự án xanh

Các đóng góp đối với môi trường và khí hậu

Trong năm 2021, VPBank đã hỗ trợ 422 khách hàng chuyển đổi hoặc đầu tư vào các lĩnh vực xanh với tổng dư nợ xanh 4.066 tỷ đồng. Đồng hành với cam kết cắt giảm khí nhà kính của Việt Nam, VPBank không tài trợ cho các dự

án nhiệt điện than mới, đồng thời xây dựng lộ trình để giảm tỷ trọng và hướng đến loại bỏ hoàn toàn nhiệt điện than cũng như các lĩnh vực khác có rủi ro MTXH nghiêm trọng khỏi danh mục đầu tư của ngân hàng.

4.580 TỶ VNĐ

+ 300% so với năm 2020

Được VPBank giải ngân trong năm 2021 cho các lĩnh vực xanh

NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

Tổng sản lượng điện mặt trời dự kiến đạt 308.975 MWh/năm, điện gió đạt 90.000 MWh/năm, đóng góp cắt giảm khí nhà kính quy đổi tương đương 154.266 tấn CO₂/năm.

XỬ LÝ CHẤT THẢI

Các dự án xử lý và tái chế chất thải góp phần giảm thiểu được 61.200 tấn rác thải phải chôn lấp hàng năm.

NHIÊN LIỆU SINH HỌC

Sản xuất viên nén gỗ và hơi công nghiệp sản xuất từ nhiên liệu sinh khối mang lại hiệu quả cắt giảm 7.486 tấn CO₂/năm khi so sánh với mức sử dụng tương đương của dầu DO.

GIAO THÔNG SẠCH

Sản xuất xe máy điện, ước tính góp phần giảm 18.000 tấn CO₂ khi thay thế cho phương tiện xe máy động cơ xăng theo tiêu chuẩn khí thải Euro 3.

KINH TẾ TUẦN HOÀN

Chất thải được tái chế, quay vòng để trở thành nguyên liệu cho các lĩnh vực sản xuất. Tổng khối lượng kim loại được tái chế là 540.000 tấn/năm, khối lượng phế phẩm chế biến thủy sản được tái chế là 55.750 tấn/năm, tổng khối lượng phế phẩm chế biến nông sản tái chế là 1.362.250 tấn/năm, góp phần giảm thiểu cạn kiệt tài nguyên và ô nhiễm từ chất thải.

NGUYÊN LIỆU BỀN VỮNG

Thúc đẩy chứng chỉ bền vững quốc tế đối với nguồn cung ứng vật liệu (chứng chỉ FSC).

CẤP NƯỚC SẠCH

Tăng tỷ lệ sử dụng nước sạch tại các khu vực nông thôn và tại các khu vực dễ bị tổn thương bởi vấn đề ô nhiễm và Biến đổi khí hậu.

Quản lý chất thải và năng lượng



Quản lý chất thải

VPBank tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý chất thải, thực hiện theo nguyên tắc quản lý tổng hợp để ưu tiên các giải pháp tiết kiệm, tuần hoàn nhằm hạn chế tối đa lượng chất thải phát sinh. VPBank đồng thời triển khai các quy định nội bộ, truyền thông về vệ sinh lao động và ý thức tiết kiệm, áp dụng nguyên tắc 5S và khuyến khích xanh hoá văn phòng.

LOẠI CHẤT THẢI	BIỆN PHÁP QUẢN LÝ CHẤT THẢI ÁP DỤNG TẠI VPBANK (theo thứ tự áp dụng ưu tiên từ trái qua phải)		
	TIẾT KIỆM	TUẦN HOÀN/ TÁI SỬ DỤNG	THẢI BỎ VÀ XỬ LÝ
Chất thải rắn thông thường	- Tiết kiệm giấy tại khu vực văn phòng, khu vệ sinh - Khuyến khích trao đổi công việc qua email, số hoá quy trình để giảm thiểu sử dụng giấy - Định mức văn phòng phẩm - Hạn chế sử dụng đồ nhựa 1 lần, túi nilon	- Các dạng tài sản lớn như bàn ghế, tủ, máy tính khi hỏng hóc được thanh lý theo quy trình, không thải bỏ cùng các chất thải khác - In giấy 2 mặt - Tái sử dụng các bao bì, hộp chứa	- Chất thải rắn thải bỏ được phân loại tại nguồn, có nhân viên vệ sinh thu gom hàng ngày - Chất thải sau thu gom được chuyển giao cho đơn vị thuê ngoài có năng lực để xử lý theo quy định pháp luật
Nước thải	Tiết kiệm nước tại khu vệ sinh (truyền thông nội bộ, dán thông báo)	Có hệ thống tuần hoàn nước thải sau xử lý để sử dụng cho khu vệ sinh	Có hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đảm bảo quy chuẩn môi trường
Khí thải	- Áp dụng định mức tiêu hao nhiên liệu cho các phương tiện vận chuyển. Sử dụng các phương tiện đạt tiêu chuẩn về khí thải - Chỉ sử dụng máy phát điện trong trường hợp có sự cố hoặc cần thiết - Hệ thống điều hoà theo công nghệ hiện đại, tiết kiệm năng lượng. Hệ thống điều hoà được tắt sau giờ làm việc, chỉ duy trì tại các khu vực cần thiết	Không áp dụng	- Định kỳ duy trì bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các phương tiện, thiết bị để tối ưu hiệu suất - Áp dụng công nghệ lọc khí thải đạt quy chuẩn môi trường đối với máy phát điện
Chất thải nguy hại	Thay thế đèn huỳnh quang bằng đèn LED tiết kiệm năng lượng và thân thiện môi trường	Khuyến khích bơm mực thêm cho các máy in, máy photocopy thay vì thay mới để hạn chế phát thải ra môi trường	- Phân loại tại nguồn, thu gom và lưu trữ theo quy định - Chất thải sau thu gom được chuyển giao cho đơn vị thuê ngoài có năng lực để xử lý theo quy định pháp luật



Quản lý năng lượng

Năm 2021 VPBank tiếp tục thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả tiết kiệm năng lượng, chống lãng phí và bảo vệ môi trường tại ngân hàng. Thông qua các quy định, chỉ dẫn và bản tin truyền thông hàng ngày, ý thức của toàn thể CBNV ngày càng được nâng cao và phát huy hiệu quả thông qua nhiều chiến dịch thi đua tiết kiệm, xanh hóa văn phòng. Chi phí tiêu thụ điện và sử dụng nước trên toàn hệ thống của VPBank tiếp tục giảm lần lượt 4,3% và 2,2% so với năm 2020.

Hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ lãnh đạo

+4,5%

22,7%

SME

Năm 2021 VPBank tiếp tục ghi dấu ấn với vai trò đồng hành cùng các doanh nghiệp do phụ nữ lãnh đạo trên phương diện hỗ trợ tăng cường khả năng tiếp cận tài chính một cách công bằng, nhanh chóng thích ứng, duy trì và phục hồi sản xuất, kinh doanh trong bối cảnh phức tạp của đại dịch COVID-19. Thông qua nguồn lực nội tại và nguồn lực huy động từ nguồn vốn quốc tế và các sáng kiến tài chính bền vững, VPBank đã triển khai thành công nhiều chương trình ưu đãi lãi suất, miễn giảm phí dịch

vụ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng giá rẻ. Đồng thời, ngân hàng thực hiện giãn nợ, gia hạn, tái cơ cấu đối với các khoản vay hiện hữu để giảm bớt áp lực tài chính cho doanh nghiệp chịu tác động bởi dịch bệnh. Bên cạnh đó, các chương trình hỗ trợ phi tài chính cho doanh nghiệp do phụ nữ lãnh đạo nhằm cải thiện năng lực quản trị, vận hành doanh nghiệp vẫn tiếp tục được ngân hàng chú trọng đẩy mạnh.



Các giá trị tài chính VPBank đem lại cho doanh nghiệp do phụ nữ lãnh đạo

Năm 2021, doanh nghiệp do phụ nữ lãnh đạo chiếm 22,7% tổng danh mục doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) của ngân hàng, cao hơn 4,5% so với năm 2020. Tổng dư nợ cuối kỳ của khách hàng SME do phụ nữ lãnh đạo đạt

10,171 nghìn tỷ đồng, đạt mức tăng trưởng trên 27% so với cùng kỳ năm trước. Số lượng doanh nghiệp do phụ nữ lãnh đạo giải ngân lần đầu tại VPBank cũng đồng thời tăng thêm 5,5% so với năm 2020.

Giá trị phi tài chính mà VPBank thiết kế cho doanh nghiệp do phụ nữ lãnh đạo

Tiếp nối thành công trong việc triển khai Công cụ chuẩn đoán sức khỏe cho doanh nghiệp do phụ nữ lãnh đạo dựa trên 6 yếu tố cốt lõi bao gồm: **"Mô hình kinh doanh", "Sale – marketing", "Năng lực lãnh đạo", "Văn hành", "Quản trị Tài chính", "Quản trị nhân lực"**, trong năm 2021, VPBank tiếp tục thực hiện nâng cấp hệ thống nhằm tạo trải

nghiệm tốt hơn cho khách hàng trong tất cả các bước thao tác, đồng thời bổ sung thêm chức năng "Tiếp sức tài chính" nhằm định hướng khách hàng sử dụng các sản phẩm hoặc chương trình ưu đãi của ngân hàng, qua đó tạo thành sự tiếp sức toàn diện vừa tài chính – vừa phi tài chính.

Các khóa học thiết kế riêng và hỗ trợ kết nối kinh doanh

TƯ VẤN DỰ ÁN HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NỮ DO ADB TÀI TRỢ	CHƯƠNG TRÌNH TRI ÂN KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP NỮ	CHƯƠNG TRÌNH TẬP HUẤN HỖ TRỢ TIẾP CẬN VỐN
Đơn vị phối hợp: ADB	Đơn vị phối hợp: Care VN	Đơn vị phối hợp: Cục Xúc tiến thương mại
Kết nối với các chuyên gia tài chính để tư vấn trực tiếp giúp từng khách hàng bổ sung kiến thức và nâng cao năng lực tài chính	Tri ân khách hàng doanh nghiệp do phụ nữ lãnh đạo, tặng quà cho các khách hàng đáp ứng tiêu chí mở tài khoản doanh nghiệp tại VPBank và kích hoạt Internet Banking	Kết nối doanh nghiệp với các tổ chức tài chính uy tín trong và ngoài nước; Cải thiện năng lực tài chính giúp đón nguồn vốn ưu đãi một cách thuận lợi; Cập nhật kiến thức và xu hướng trong việc đầu tư vốn vào các hoạt động Marketing, Nhân sự, Giải pháp thanh toán số để tối ưu và bắt tốc trong kinh doanh
400 khách hàng tham dự	300 khách hàng được nhận quà tặng	160 khách hàng tham dự

CÔNG BẰNG VÀ MINH BẠCH

Bổ nhiệm và đánh giá cán bộ quản lý

VPBank xây dựng quy trình bổ nhiệm và lựa chọn cấp quản lý cao cấp nhất theo quy định liên quan của Ngân hàng Nhà nước và pháp luật, đảm bảo các tiêu chí về tính đa dạng, tính độc lập, trình độ chuyên môn và kinh nghiệm liên quan đến các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội. Hiệu quả làm việc của các cán bộ cấp quản lý được đánh giá định kỳ 2 lần/năm thông qua quá trình tự đánh giá và đánh giá lại bởi cấp quản lý trực tiếp và Ủy ban Nhân sự hoặc Hội đồng quản trị nhằm đảm bảo tính độc lập. Nếu hiệu quả không đạt, cán bộ được đánh giá phải xây dựng kế hoạch và hành động nhằm nâng cao hiệu quả.

Xác định mức thù lao

VPBank áp dụng chính sách chi trả thù lao cạnh tranh với thị trường theo nhóm tính chất công việc, cấp bậc, hiệu quả làm việc và năng lực của CBNV. VPBank tuân thủ các quy định pháp luật về mức lương tối thiểu theo vùng địa lý được quy định bởi Chính phủ căn cứ trên chỉ số giá tiêu dùng tại mỗi thời kỳ. Hàng năm, VPBank mua khảo sát về đãi ngộ của thị trường để nắm bắt thông tin và đề xuất với Ủy ban nhân sự rà soát và quyết định mức thù lao, đãi ngộ. **Không có sự phân biệt về chế độ thù lao, đãi ngộ theo giới tính.**

Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ hưu trí khác

Chế độ phúc lợi cho người lao động bao gồm: Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp theo quy định của nhà nước; Bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tai nạn; Quyền sở hữu cổ phiếu; Vay gắn kết; Mua nhà; Phúc lợi khác. VPBank tuân thủ các nghĩa vụ theo đúng quy định của Nhà nước về việc trích nộp Bảo hiểm Xã hội/Y tế/Thất nghiệp và Công đoàn phí theo quy định của Nhà nước.

Lao động nữ được đảm bảo nghỉ thai sản theo đúng quy định của Pháp luật. Chương trình bảo hiểm sức khỏe VPBank Care đem đến thêm nhiều quyền lợi cộng thêm cho nhân viên nữ trong thời gian mang thai và nghỉ thai sản. Năm 2021 VPBank có 2.159 CBNV nghỉ chế độ thai sản, 100% quay lại làm việc và được giữ lại sau khi kết thúc nghỉ thai sản.

Các thỏa ước thương lượng Tập thể

Đại diện cho người lao động tại VPBank là tổ chức Công đoàn. Thông qua việc lấy ý kiến của 100% CBNV, Công đoàn là đại diện tham gia xây dựng và thông qua Nội dung Thỏa ước lao động tập thể. Tại VPBank, 100% CBNV tự nguyện tham gia Công đoàn.

Đào tạo và nâng cao kỹ năng

ĐÀO TẠO KỸ NĂNG CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ

Hoạt động đào tạo và phát triển nghề nghiệp luôn được VPBank đặc biệt chú trọng nhằm hỗ trợ cho CBNV ngày càng hoàn thiện các kiến thức, kỹ năng chuyên môn và nâng cao năng suất làm việc. Với khoảng 10.000 nhân viên, VPBank coi đào tạo và giáo dục là một công cụ quan trọng trong việc duy trì và phát triển lực lượng lao động của ngân hàng. Danh mục chủ đề đào tạo hàng năm luôn được Học viện đào tạo VPBank triển khai thiết thực với các nội dung sinh động, đồng thời mang đến sự trải nghiệm nhiều phương thức học tập mới mẻ. Mỗi năm VPBank tổ chức Chương trình Đào tạo Bắt buộc vào 2 kỳ chính thức và 1 kỳ bổ sung để đảm bảo toàn bộ CBNV của VPBank được tham gia các khóa đào tạo.

Chương trình đào tạo kỹ năng cho toàn bộ CBNV được triển khai qua các hình thức: Elearning (gồm hệ thống của VPBank và thuê ngoài), Học Tập trung và Học Tập trung Online. Số hóa đã là một động lực chuyển đổi chính nhằm tăng cường sự hợp tác, đổi mới và học hỏi trên toàn ngân hàng khi 1.170 khóa học với đa dạng chủ đề đã được cung cấp trong năm và có tới 205.401 lượt học viên tham dự.

ĐÀO TẠO NHÂN VIÊN VỀ CÁC CHÍNH SÁCH VÀ QUY TRÌNH VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

Các chính sách con người hoặc các quy trình về các lĩnh vực quyền con người liên quan đến các hoạt động được thực hiện thông qua 2 nội dung khóa học Quy tắc ứng xử và Đạo đức nghề nghiệp (thuộc chương trình Định hướng) và Nhân quyền (thuộc chương trình Đào tạo bắt buộc). Các chủ đề đào tạo về An toàn, an ninh và sự riêng tư nơi làm việc, Rủi ro doanh nghiệp và Đạo luật về sức khỏe và an toàn lao động, Bảo Vệ Nhân Quyền, Ngăn Chặn Quấy Rối và Thúc Đẩy Sự Tôn Trọng được VPBank tiếp tục duy trì, đồng thời bổ sung các chủ đề mới vào danh mục đào tạo bao gồm: Giải Pháp Bộ Quy Tắc Ứng Xử Toàn Cầu, Bố Trí Điều Chỉnh Cho Người Khuyết Tật, Ngăn Chặn Quấy Rối tại Nơi Làm Việc trên Toàn Cầu, Privacy Concerns (UK). Theo kết quả thực hiện, 100% CBNV của VPBank (bao gồm cả các nhân viên an ninh) tham gia đầy đủ các khóa học nêu trên.

Số giờ đào tạo bình quân
tháng trung bình 2021
phân theo giới tính (giờ/
nhân viên/năm)



NAM: 38,42
NỮ: 40,88

Số giờ đào tạo bình quân
tháng trung bình 2021
phân theo nhóm công việc
(giờ/nhân viên/năm)



QUẢN LÝ: 29,70
PHI QUẢN LÝ: 41,20

Tổng số giờ đã đào tạo



43.974,09 GIỜ

An toàn lao động

CAM KẾT	MỤC TIÊU	CHÍNH SÁCH
Toàn thể CBNV là yếu tố quan trọng tạo nên thành công của VPBank. Cung cấp một môi trường làm việc lành mạnh và an toàn là cam kết chính của ngân hàng.	Không để xảy ra tai nạn lao động. Không để xảy ra các sự cố cháy nổ và mất an toàn lao động.	Quy định, hướng dẫn về bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động được VPBank ban hành đồng thời với Nội quy lao động của ngân hàng.

HÀNH ĐỘNG

- Thiết lập khu vực chăm sóc sức khỏe cho CBNV tại nơi làm việc
- Mua bảo hiểm Y tế, bảo hiểm Tai nạn và Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho CBNV, hỗ trợ chi phí điều trị bệnh cho CBNV khi ốm đau, khi bị tai nạn trên đường đi công tác.
- Tổ chức khám sức khỏe hàng năm cho CBNV tại các bệnh viện/cơ sở y tế lớn và có uy tín, tổ chức khám phát hiện bệnh nghề nghiệp tại các vị trí công việc đặc thù theo quy định pháp luật.
- Lập kế hoạch, biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động, chăm lo cải thiện điều kiện lao động, trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân, thực hiện các chế độ khác về an toàn, vệ sinh, bảo vệ môi trường
- Thường xuyên tổ chức kiểm tra an toàn vệ sinh lao động tại các vị trí làm việc
- Ghi chép và lưu trữ dữ liệu về an toàn, sức khỏe của CBNV trong Phần mềm quản lý thông tin nhân sự toàn hệ thống
- Thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật

KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

0%

Loại thương tích, tỷ lệ thương tích (IR), tỷ lệ bệnh nghề nghiệp (ODR)

2,65%

Tỷ lệ LDR (ngày nghỉ không lương/ tổng số ngày công) toàn ngân hàng

4,95%

Tỷ lệ AR (vắng mặt)

Thông tin về nhân sự và người lao động khác

Tổng số nhân viên theo loại hợp đồng và theo vùng

	BẮC BỘ	TRUNG BỘ	NAM BỘ
Thủ việc	406	52	250
HĐLĐ xác định thời hạn	2.649	429	1.336
HĐLĐ không xác định thời hạn	2.944	516	1.354

Tổng số nhân viên theo loại hợp đồng và theo giới tính

	THỦ VIỆC	HĐLĐ XÁC ĐỊNH THỜI HẠN	HĐLĐ KHÔNG XÁC ĐỊNH THỜI HẠN
Nam	268	1.967	1.761
Nữ	440	2.447	3.053

Thành phần của cấp quản lý cao nhất theo giới tính (Ban điều hành)

	TỶ LỆ
Nam	59%
Nữ	41%

Tỷ lệ phần trăm cấp quản lý phân loại theo nhóm tuổi

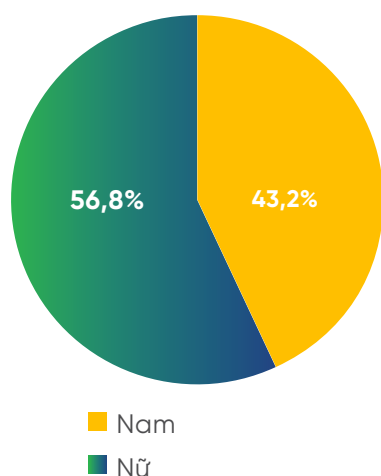
	DƯỚI 30 TUỔI	30-50 TUỔI	TRÊN 50 TUỔI
Nam	7,7%	88,4%	3,9%
Nữ	7,4%	90,1%	2,5%

Tỷ lệ phần trăm nhân viên phân loại theo nhóm tuổi

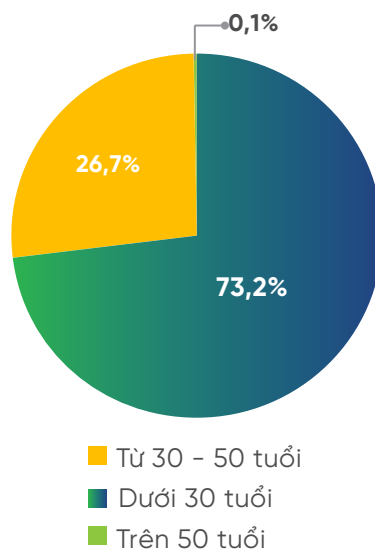
	DƯỚI 30 TUỔI	30-50 TUỔI	TRÊN 50 TUỔI
Nam	49,1%	50,1%	0,8%
Nữ	54,0%	45,7%	0,3%

Tỷ lệ cơ cấu tuyển dụng, theo nhóm tuổi, theo giới tính và khu vực

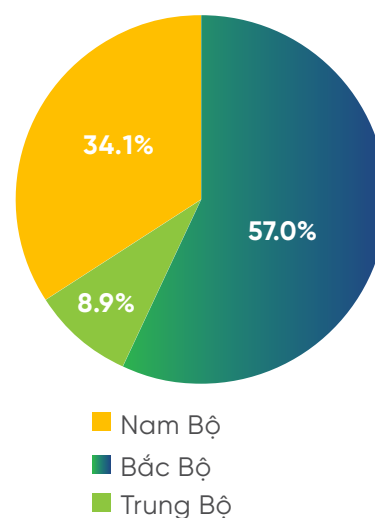
THEO GIỚI TÍNH



THEO NHÓM TUỔI



THEO KHU VỰC



ĐẠO ĐỨC VÀ TRÁCH NHIỆM

Chuẩn mực của hành vi và văn hóa doanh nghiệp

VPBank đã xây dựng Bộ quy tắc ứng xử và đạo đức nghề nghiệp dựa trên 6 giá trị cốt lõi nhằm giúp CBNV luôn ứng xử phù hợp và định hướng cho các quyết định của mỗi CBNV VPBank. Việc tuân thủ các chuẩn mực quy định trong Bộ quy tắc này là trách nhiệm của mỗi CBNV VPBank, nhằm góp phần bảo vệ danh tiếng và uy tín của Ngân hàng. Bộ quy tắc ứng xử và

đạo đức nghề nghiệp của VPBank gồm 20 quy tắc quy định rõ các Trách nhiệm với VPBank, Trách nhiệm với đồng nghiệp, Trách nhiệm đối với khách hàng, đối tác, nhà cung cấp, và các bên liên quan khác, Trách nhiệm đối với cơ quan quản lý nhà nước và pháp luật và Trách nhiệm với Cộng đồng. Nguyên tắc cơ bản về các hành vi ứng xử và đạo đức nghề

nghiệp mà mọi CBNV VPBank phải tuân thủ là: **Không một cán bộ, nhân viên nào tại VPBank sẽ đánh đổi danh tiếng và uy tín của VPBank để nhận lấy một quyền lợi cá nhân hay một lợi ích nào khác ngay cả đối với chính Ngân hàng.** VPBank xử lý nghiêm khắc bất cứ hành vi nào đi ngược lại với những chuẩn mực quy định trong Bộ quy tắc này.



KHÁCH HÀNG LÀ TRỌNG TÂM



HIỆU QUẢ



THAM VỌNG



PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI



TIN CẬY



TẠO SỰ KHÁC BIỆT

Phòng chống tham nhũng

VPBank thiết lập đầy đủ các phòng, ban chuyên môn theo dõi, tổng hợp và thực hiện đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng đối với tất cả các hoạt động của Ngân hàng. VPBank đã ban hành chính sách phòng, chống tham nhũng, thực hiện tuyên truyền, phổ biến đầy đủ rõ ràng cho tất cả các cấp quản lý và CBNV, khách hàng và đối tác, ban hành

biểu mẫu và yêu cầu tất cả khách hàng, đối tác ký Cam kết minh bạch, Cam kết tuân thủ quy định về phòng, chống tham nhũng khi thiết lập quan hệ, giao dịch với VPBank. Hoạt động đào tạo, truyền thông nội bộ về phòng chống tham nhũng được VPBank tổ chức thường xuyên cho các cấp quản lý, CBNV đang làm việc và nhân viên tân tuyển. Trong năm

2021, 100% hoạt động của ngân hàng đã được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng, trong đó tập trung vào các hoạt động có nguy cơ cao phát sinh tham nhũng bao gồm xây dựng cơ bản, mua sắm hàng hóa, dịch vụ, hoạt động cấp tín dụng, đầu tư, rủi ro có thể phát sinh khi đối tác, khách hàng trong quá trình giao dịch, thiết lập giao dịch.

Phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố

Từ cuối 2018, VPBank bắt đầu triển khai hệ thống phần mềm toàn diện phục vụ cho công tác Phòng, chống rửa tiền và Tài trợ khủng bố – Hệ thống OFSAA. Đây là hệ thống phần mềm hiệu quả, đáng tin cậy hàng đầu thế giới được phát triển bởi Oracle.

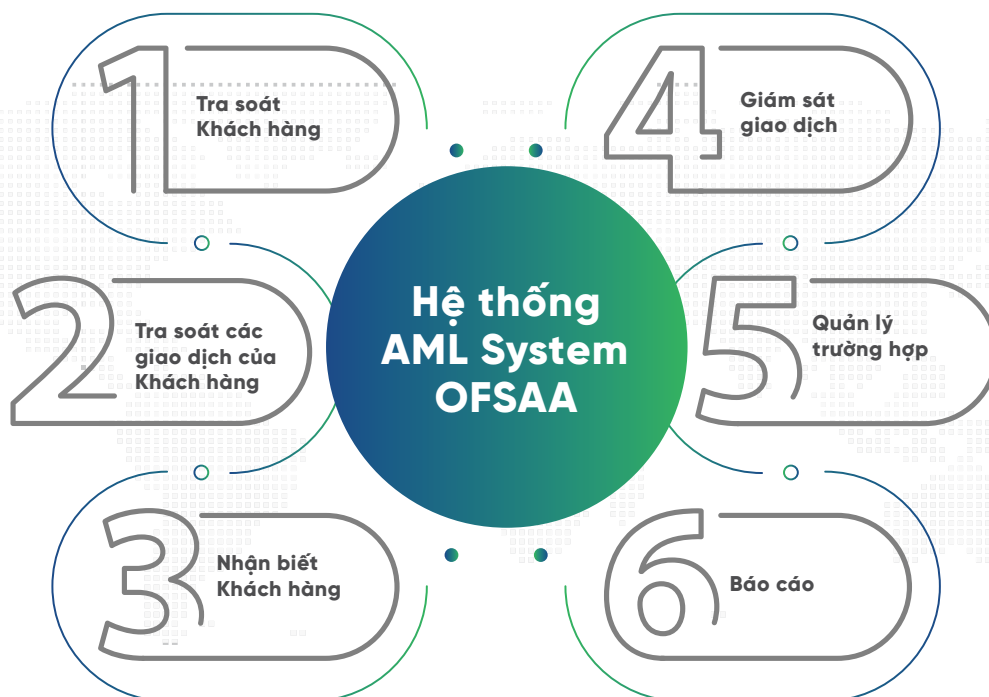
Năm 2021, VPBank đã hoàn thiện việc khai thác sử dụng tất cả các cấu phần của hệ thống, bao gồm: Customer Screening (hỗ trợ tra soát thông tin Khách hàng vắng lai thực hiện giao dịch), Transaction Filtering (hỗ trợ

tra soát thông tin các giao dịch thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại), KYC (hỗ trợ công tác định danh Khách hàng), AML (hỗ trợ giám sát giao dịch của Khách hàng theo các kịch bản về dấu hiệu đáng ngờ).

Thông qua sự hỗ trợ của công cụ tự động hóa, đồng thời áp dụng tư vấn sâu từ các chuyên gia đầu ngành và kinh nghiệm thực tiễn, 100% các giao dịch tại VPBank được kiểm soát dấu hiệu đáng ngờ nhằm đảm bảo không bỏ sót các đối tượng thực hiện hành

vi tránh né và/hoặc vi phạm các quy định của pháp luật và các thông lệ quốc tế về Phòng chống rửa tiền và Tài trợ khủng bố.

Với việc triển khai, áp dụng hiệu quả hệ thống công nghệ thông tin vào công tác Phòng chống rửa tiền, VPBank vinh dự là Ngân hàng thương mại đầu tiên tại Việt Nam được CELENT – thành viên của Oliver Wyman – một tổ chức tư vấn uy tín hàng đầu thế giới trao giải thưởng Model Risk Manager 2022.





04

.....

QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG



Thành viên Hội đồng Quản trị



Ông Nguyễn Đức Vinh
THÀNH VIÊN HĐQT

Ông Bùi Hải Quân
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT



Ông Ngô Chí Dũng
CHỦ TỊCH HĐQT

Ông Lô Bằng Giang
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

Ông Nguyễn Văn Phúc
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Thành viên Ban Kiểm soát



Bà Nguyễn Thị Mai Trinh
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT CHUYÊN TRÁCH



Bà Trịnh Thị Thanh Hằng
THÀNH VIÊN CHUYÊN TRÁCH



Bà Kim Ly Huyền
THÀNH VIÊN
GIÁM ĐỐC KHỐI KIỂM TOÁN NỘI BỘ



Ông Vũ Hồng Cao
THÀNH VIÊN

Thành viên Ban Điều hành



Ông Nguyễn Đức Vinh
TỔNG GIÁM ĐỐC



Bà Lưu Thị Thảo
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC



Ông Phan Ngọc Hòa
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG VPĐD PHÍA NAM



Ông Phùng Duy Khương
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC KHỐI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Thành viên Ban Điều hành



Ông Nguyễn Thanh Bình
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC KHỐI TÍN DỤNG



Ông Nguyễn Thành Long
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC KHỐI PHÁP CHẾ VÀ KIỂM SOÁT TUÂN THỦ



Bà Dương Thị Thu Thủy
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC KHỐI KHÁCH HÀNG DOANH
NGHIỆP LỚN VÀ ĐẦU TƯ



Ông Đinh Văn Nho
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC KHỐI KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

Thành viên Ban Điều hành



Ông Phạm Phú Khôi
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC KHỐI THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH



Bà Phạm Thị Nhung
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM QUẢN LÝ ĐỐI TÁC VPBANK



Ông Nguyễn Huy Phách
GIÁM ĐỐC KHỐI KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP
VỪA VÀ NHỎ



Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt
GIÁM ĐỐC KHỐI VẬN HÀNH

Thành viên Ban Điều hành



Bà Lê Hoàng Khánh An
GIÁM ĐỐC KHỐI TÀI CHÍNH



Bà Trần Thị Diệp Anh
GIÁM ĐỐC KHỐI QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC



Ông Wong Kok Seng Augustine
GIÁM ĐỐC KHỐI CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



Bà Võ Hằng Phương
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH
VÀ NGÂN HÀNG GIAO DỊCH

Thành viên Ban Điều hành



Ông Dmytro Kolehko
GIÁM ĐỐC KHỐI QUẢN TRỊ RỦI RO



Ông Lim Ann Ken
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHÂN TÍCH KINH DOANH



Ông Hoàng Anh Tuấn
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM XỬ LÝ NỢ PHÁP LÝ



Bà Nguyễn Thùy Dương
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM TRUYỀN THÔNG
VÀ TIẾP THỊ



CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA VPBANK

Cơ cấu tổ chức quản lý của ngân hàng VPBank bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, và Tổng giám đốc theo như quy định tại Điều 32 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của ngân hàng. Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm xây dựng chiến lược, định hướng hoạt động của ngân hàng; triển khai các công tác quản trị, đưa ra quyết định thực hiện quyền và nghĩa vụ của ngân hàng ngoại trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng Quản trị có hai ủy ban trực thuộc giúp việc là Ủy ban Nhân sự và Ủy ban Quản lý Rủi ro.

Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị. Các thành viên còn lại của Ban Điều hành gồm Phó Tổng giám đốc thường trực, các Phó Tổng giám đốc và Giám đốc các khối, trung tâm... có nhiệm vụ giúp việc và hỗ trợ. Tổng Giám đốc thực thi các định hướng, chính sách do Hội đồng Quản trị phê duyệt trong quá trình tiến hành các hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Ngân hàng thiết lập thành 18 khối và trung tâm chính, triển khai các hoạt động kinh doanh và vận hành – hỗ trợ theo chức năng nhiệm vụ cụ thể, do các thành viên Ban Điều hành được phân công trực tiếp quản lý.

Tổng Giám đốc cũng tổ chức, thành lập các Hội đồng chuyên môn trong các lĩnh vực quản lý rủi ro (Hội đồng Quản lý Rủi ro hoạt động, Hội đồng Quản lý Rủi ro tín dụng và Thu hồi nợ, Hội đồng Quản lý Rủi ro thị trường); quản lý tài sản (Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ – Tài sản Có, Hội đồng Quản lý vốn), quản lý/phê duyệt tín dụng, phát triển sản phẩm... nhằm tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý và ra quyết định cho các hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ

Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

Năm 2021, Đại hội đồng cổ đông VPBank (ĐHĐCĐ) đã thực hiện việc cho ý kiến bằng văn bản và thông qua các nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của VPBank diễn ra vào ngày 29/04/2021. Theo đó, HĐQT đã nhận các tài liệu/ báo cáo, đề xuất từ Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành VPBank;

ĐHĐCĐ đã thông qua các Nghị quyết, cơ bản như sau:

- Thông qua Báo cáo tài chính, Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị VPBank, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành VPBank về kết quả 2020 và kế hoạch hoạt động 2021.
- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020.
- Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn dành cho cán bộ nhân viên VPBank năm 2021.
- Thông qua/phê duyệt Phương án chuyển nhượng phần vốn góp của VPBank tại Công ty con của VPBank là Công Ty Tài Chính TNHH MTV Ngân Hàng Việt Nam Thịnh Vượng (sau đây gọi là "VPB FC").
- Thống nhất các nội dung liên quan đến tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài.
- Thống nhất về mặt chủ trương và thông qua các phương án/giao dịch VPBank sẽ thực hiện góp vốn/mua cổ phần, liên kết, hợp tác hoặc các hình thức khác với các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác...có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng.
- Thông qua việc xin cấp phép bổ sung một số ngành nghề kinh doanh mới của VPBank.
- Thông qua bản Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.
- Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát; Quy chế quản trị nội bộ mới.

Đại hội đồng cổ đông cũng thông qua Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ngày 28/07/2021 về việc Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ năm 2021 của VPBank.

Hội đồng quản trị

Thông tin về Hội đồng Quản trị và các cuộc họp Hội đồng Quản trị năm 2021:

Năm 2021 là một năm vô cùng khó khăn do dịch bệnh bùng phát mạnh tại rất nhiều tỉnh thành phố, ảnh hưởng nghiêm trọng tới tình hình kinh tế - xã hội của Việt Nam nói chung và của VPBank nói riêng. Với các kinh nghiệm trong năm 2020, Hội đồng Quản trị VPBank đã liên tục theo dõi sát sao tình hình, cũng như xem xét các đề xuất, tham mưu của các Ủy ban chuyên môn liên quan và Ban Điều hành, từ đó đã đưa ra các định hướng quản trị ngân hàng linh hoạt, điều chỉnh các chính sách kinh doanh phù hợp với định hướng của Chính phủ/Ngân hàng Nhà nước và thực trạng khách hàng, ngân hàng.

Trong năm vừa qua, VPBank cũng đã đóng góp và chung tay cùng Chính phủ và các địa phương trong các hoạt động chống dịch và nhiều chương trình an sinh xã hội ý nghĩa. Hội đồng Quản trị VPBank đã và đang định hướng ngân hàng tiếp tục cố gắng, nỗ lực thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh doanh bền vững, đồng thời góp phần mang lại sự thịnh vượng toàn diện cho người Việt.

Năm 2021, HĐQT VPBank cũng đã tổ chức 4 phiên họp định kỳ hàng quý và tổ chức cho ý kiến bằng văn bản cho các hoạt động khác thuộc thẩm quyền.



STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ
1	Ngô Chí Dũng	CHỦ TỊCH HĐQT
2	Bùi Hải Quân	PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT
3	Lô Bằng Giang	PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT
4	Nguyễn Đức Vinh	THÀNH VIÊN HĐQT
5	Nguyễn Văn Phúc	THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Các hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2021

- Hội đồng Quản trị đã tổ chức thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và thông qua các chủ trương là cơ sở cho Ban Điều hành tổ chức triển khai các kế hoạch kinh doanh cụ thể.
- Thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ về việc chốt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại VPBank là 15%;
- Tổ chức thực hiện việc bán cổ phiếu quỹ cho chương trình bán cổ phiếu ưu đãi dành cho cán bộ nhân viên.
- Tổ chức triển khai thành công việc bán 50% phần vốn góp của VPBank tại VPB FC cho các đối tác.
- Thực hiện việc sửa đổi và Ban hành/đăng ký Điều lệ mới; Quy chế tổ chức hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Quy chế quản trị nội bộ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Thông qua kế hoạch kinh doanh quý và cả năm 2021 theo các kịch bản liên quan đến dịch bệnh.
- Thông nhất danh mục các dự án trọng điểm, có ý nghĩa quan trọng trong việc củng cố nền tảng và phát triển kinh doanh năm 2021.
- Thông nhất các chiến lược phát triển cho nhóm khách hàng ưu tiên – phân khúc quan trọng của Khối Khách hàng cá nhân.
- Thông nhất việc điều chỉnh một số nội dung của chiến lược công nghệ thông tin.
- Thực hiện việc tăng vốn điều lệ cho công ty con VPB FC từ chính lợi nhuận chuyển về của VPB FC.
- Thông nhất các chủ trương, định hướng về quản trị rủi ro điều hành hoạt động kinh doanh, cũng như các điều chỉnh chính sách rủi ro cho phù hợp với định hướng/chỉ đạo của Chính phủ, của Ngân hàng Nhà nước.
- Thông nhất các đề xuất về mua/bán tài sản, các đề xuất phê duyệt tín dụng, đầu tư, cấp ngân sách hoạt động cho các dự án/đơn vị... vượt hạn mức của các Hội đồng, ủy ban chuyên môn của ngân hàng.
- Sửa đổi/ban hành mới các quy định/chính sách về hoạt động kinh doanh, quản lý rủi ro, quản lý vận hành như: Quyết định sửa đổi, bổ sung Quy định phê duyệt xử lý nợ có vấn đề; Phương pháp luận vốn kinh tế cho rủi ro tập trung; Chính sách quản lý rủi ro thị trường; Sửa đổi, bổ sung chính sách tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp; Quy định mua sắm hàng hóa; Ban hành tỷ lệ nợ xấu mục tiêu, tỷ lệ cấp tín dụng xấu mục tiêu theo ngành, lĩnh vực kinh tế giai đoạn 2021-2023; Sửa đổi, bổ sung quy định phê duyệt tín dụng, hạn mức rủi ro trước thanh toán, hạn mức rủi ro gián tiếp tại VPBank; Chính sách khung quản lý rủi ro; Chính sách tín dụng bán lẻ; Chính sách quản trị rủi ro thanh khoản.....
- Thông qua các quyết định về thay đổi cơ cấu tổ chức của các Khối Tài chính, Khối Khách hàng doanh nghiệp, Khối CNTT, Khối Quản trị rủi ro, Trung tâm quản lý tài sản nợ – có; Khối KHCN; Khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ... theo tư vấn của Ủy ban Nhân sự.
- Thực hiện việc tăng vốn điều lệ từ việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu lên 45.057 tỷ đồng.
- Thông nhất định hướng lớn và kế hoạch kinh doanh, ngân sách của ngân hàng năm 2022.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành

- Tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng của Ban Điều hành (12 cuộc họp hàng tháng)
- Giám sát hoạt động của ngân hàng qua các báo cáo hoạt động kinh doanh hàng ngày, tuần, tháng, quý và các báo cáo/đề xuất phát sinh khác từ Ban Điều hành.
- Giám sát thông qua việc xem xét và xử lý các thông tin từ các báo cáo của Ban Kiểm soát và Kiểm toán Nội bộ đối với các đơn vị của ngân hàng.
- Giám sát thông qua việc tham gia các phiên họp/báo cáo của Ủy ban quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự...

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

ỦY BAN NHÂN SỰ (UBNS)

Ủy ban Nhân sự là một ủy ban chuyên môn, giúp việc cho Hội đồng Quản trị trong việc đưa ra các quyết sách liên quan đến cơ cấu tổ chức, các chính sách quản trị nhân sự, các danh sách đề cử ứng cử vào các Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, các Hội đồng ủy ban khác của Ngân hàng (nếu có).

Thành phần của Ủy ban Nhân sự bao gồm:

ÔNG NGÔ CHÍ DŨNG	CHỦ TỊCH HĐQT	CHỦ TỊCH UBNS
ÔNG BÙI HẢI QUÂN	PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT	THÀNH VIÊN UBNS
ÔNG LÔ BẰNG GIANG	PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT	THÀNH VIÊN UBNS

Ủy ban Nhân sự tổ chức họp 12 phiên họp định kỳ hàng tháng, thảo luận và triển khai các nội dung sau:

- Xem xét và có các chỉ đạo kịp thời hàng tháng về các chỉ số nhân sự và hoạt động hàng tháng của Khối QTNNL và các công ty thành viên
- Xem xét phê duyệt hơn 200 đề xuất liên quan đến việc tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều chỉnh lương cho các vị trí quản lý
- Tư vấn cho HĐQT các hoạt động định kỳ như: Phương án chia thưởng hiệu quả làm việc năm 2020, Phê duyệt định biên nhân sự năm 2021, Phê duyệt ngân sách hoạt động nhân sự, các phân khúc nhân sự tại VPBank và các chế độ đãi ngộ với các phân khúc chính
- Xem xét và xử lý các hành vi vi phạm các quy định nội bộ
- Tư vấn cho HĐQT về phương án thành lập TT Quản lý tài sản Nợ & Có; cập nhật rà soát mô hình hoạt động của các đơn vị chuyên môn tại Khối Vận hành, Khối Quản trị Rủi ro, Khối Tài chính; Đánh giá hiện trạng và phê duyệt chính thức mô hình Farming tại Khối Khách hàng cá nhân; Tư vấn cho HĐQT về việc điều chỉnh mô hình tổ chức và Quy chế hoạt động của Trung tâm Định chế tài chính & Ngân hàng giao dịch, Khối Vận hành, Khối Tài chính, Khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ.
- Chỉ đạo các phương án phòng chống dịch COVID-19 để đảm bảo hoạt động kinh doanh.
- Phê duyệt ngân sách và các chính sách hỗ trợ CBNV không may nhiễm COVID-19, chính sách hỗ trợ khi CBNV không may tử vong.
- Phê duyệt đề xuất của Khối QTNNL về việc điều chỉnh mô hình đánh giá hiệu quả làm việc, Quy định về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, điều chỉnh một số chính sách về quyền lợi của CBNV
- Tư vấn cho HĐQT về việc xây dựng kế hoạch định biên và ngân sách nhân sự cho năm 2022

ỦY BAN QUẢN LÝ RỦI RO (UBQLRR)

Thành phần của UBQLRR bao gồm:

1	ÔNG BÙI HẢI QUÂN	PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT	CHỦ TỊCH ỦY BAN
2	ÔNG NGÔ CHÍ DŨNG	CHỦ TỊCH HĐQT	THÀNH VIÊN
3	ÔNG LÔ BẰNG GIANG	PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT	THÀNH VIÊN
4	ÔNG NGUYỄN VĂN PHÚC	THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT	THÀNH VIÊN
5	ÔNG NGUYỄN ĐỨC VINH	TỔNG GIÁM ĐỐC - THÀNH VIÊN HĐQT	THÀNH VIÊN
6	BÀ LƯU THỊ THẢO	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC	THÀNH VIÊN
7	ÔNG DMYTRO KOLECHKO	GIÁM ĐỐC KHỐI QUẢN TRỊ RỦI RO	THÀNH VIÊN

Trong bối cảnh dịch bệnh ngày càng có những diễn biến phức tạp và khó lường, gây tác động sâu rộng tới nền kinh tế nói chung và ngành ngân hàng nói riêng. Dựa trên những kinh nghiệm thu được trong năm 2020, việc chỉ đạo và giám sát của UBQLRR đối với các đơn vị liên quan ngày càng linh hoạt, ứng phó kịp thời, đảm bảo duy trì chiến lược kinh doanh liên tục cho ngân hàng trước những diễn biến bất ngờ về dịch bệnh và nền kinh tế, năm 2021 UBQLRR đã triển khai các nội dung sau:

- Đánh giá, xem xét các báo cáo tình hình rủi ro thanh khoản, tình hình danh mục đệm thanh khoản. Các chỉ tiêu quản trị rủi ro thanh khoản theo Basel III, bao gồm Tỷ lệ đảm bảo khả năng thanh khoản (Liquidity coverage ratio) và Tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng (Net stable funding ratio) tiếp tục được báo cáo tới UBQLRR.
- Đánh giá, thẩm định các báo cáo về tổng quan tình hình danh mục toàn hàng: Mặc dù dịch COVID-19 diễn biến phức tạp vào nửa đầu năm 2021, dư nợ xấu và tỷ lệ nợ xấu vẫn được kiểm soát nhờ các biện pháp thực hiện nhằm giảm thiểu rủi ro và write-off. Các biện pháp bao gồm chiến lược thu hồi nợ riêng biệt, đẩy mạnh cơ cấu nợ, sử dụng các nguồn dữ liệu và mô hình mới nhằm cải thiện chất lượng danh mục.
- Đánh giá, thẩm định các báo cáo về tình hình quản trị rủi ro hoạt động; các báo cáo kết quả sơ bộ về đánh giá quản trị rủi ro ESG (Phát triển bền vững) tại VPBank...
- Tổ chức thực hiện các bài kiểm tra sức chịu đựng về vốn (ICAAP) và thanh khoản (ILAAP) nhằm cập nhật kịp thời những biến động từ nền kinh tế vĩ mô trước tác động của dịch bệnh, đồng thời tính đến những điều chỉnh trong chiến lược kinh doanh của ngân hàng, cũng như cung cấp thông tin quan trọng trong việc xây dựng các kế hoạch dự phòng. Năm 2021, lần đầu tiên kiểm tra sức chịu đựng về vốn được triển khai cả trên cơ sở hợp nhất và riêng lẻ, hướng tới xây dựng một kế hoạch vốn toàn diện hơn cho cả VPBank và các công ty con.
- Ủy ban đã tham mưu HĐQT trong việc sửa đổi chính sách khung về quản lý rủi ro của ngân hàng nhằm đảm bảo phù hợp với thực tiễn quản trị rủi ro tại VPBank, sửa đổi các phương pháp luận tính toán vốn kinh tế và vốn kinh tế cho rủi ro tập trung đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN.
- UBQLRR cũng đóng vai trò tham mưu lộ trình triển khai Basel - Phương Pháp Tiếp Cận Dựa Trên Mô Hình Nội Bộ Nâng cao (A-IRB của Basel II, Basel III và Basel IV), thúc đẩy hướng tới áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế, củng cố niềm tin của nhà đầu tư và đối tác.
- Theo dõi sát sao các chỉ tiêu rủi ro phù hợp với Tuyên bố khẩu vị rủi ro giai đoạn 2021-2023 và Bộ chỉ tiêu chiến lược về quản lý rủi ro từ trên xuống năm 2021, để chuẩn bị sẵn sàng các kế hoạch hành động. Nhờ đó, trong bối cảnh nền kinh tế tiềm ẩn nhiều bất ổn, hồ sơ rủi ro của ngân hàng luôn được duy trì trong ngưỡng an toàn mà vẫn đảm bảo thống nhất với mục tiêu chiến lược kinh doanh của VPBank.
- UBQLRR tiếp tục là cánh tay hỗ trợ đắc lực cho HĐQT trong việc tham mưu và giám sát việc thực hiện Chiến lược quản trị kinh doanh liên tục cho toàn ngân hàng nhằm phòng trừ và khắc phục những khó khăn gây ra bởi dịch bệnh COVID-19.
- UBQLRR đã thông qua và báo cáo Hội đồng Quản trị phê duyệt bản sửa đổi Tuyên bố khẩu vị rủi ro 2021; Danh sách các chỉ tiêu chiến lược Top-down 2021; Danh sách hoạt động trọng yếu và rủi ro trọng yếu 2022; Tuyên bố Khẩu vị rủi ro 2022-2024; Phê duyệt Chi phí vốn 2022...là những văn kiện lớn, cơ sở của các hoạt động quản trị rủi ro của ngân hàng trong thời gian tới.

Ban kiểm soát (BKS)

Thành phần Ban Kiểm soát

1	BÀ NGUYỄN THỊ MAI TRINH	TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT CHUYÊN TRÁCH
2	BÀ TRỊNH THỊ THANH HẰNG	THÀNH VIÊN CHUYÊN TRÁCH
3	BÀ KIM LY HUYỀN	THÀNH VIÊN
4	ÔNG VŨ HỒNG CAO	THÀNH VIÊN

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2021, BKS đã tổ chức 07 cuộc họp để triển khai các công việc theo chức năng, nhiệm vụ của BKS. Tại các cuộc họp, BKS đã trao đổi về việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm hàng Quý và có các định hướng cho bộ phận Kiểm toán Nội bộ ("KTNB") các công tác liên quan, cụ thể:

Ngày 22/01/2021

Họp Quý I/2021 BKS: (i) Tổng kết hoạt động BKS năm 2020; (ii) Kế hoạch trọng tâm Quý I/2021;

Ngày 25/03/2021

Họp BKS thông qua kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020;

Ngày 05/04/2021

Họp Quý II/2021- BKS: (i) Tổng kết hoạt động của BKS Quý I năm 2021; (ii) Thông qua Báo cáo hoạt động BKS năm 2020 và dự thảo quy chế Tổ chức hoạt động của BKS để trình ĐHĐCĐ và (iii) Kế hoạch trọng tâm Quý II/2021;

Ngày 05/07/2021

Họp Quý III/2021- BKS: (i) Tổng kết hoạt động của BKS Quý II năm 2021; (ii) Thông qua điều chỉnh kế hoạch kiểm toán năm 2021 (iii) Kế hoạch trọng tâm Quý III/2021;

Ngày 16/08/2021

Họp BKS thông qua kết quả thẩm định Báo cáo tài chính bán niên 2021;

Ngày 18/10/2021

Họp Quý IV/2021- BKS: (i) Tổng kết hoạt động của BKS Quý III năm 2021; (ii) Thông qua nguyên tắc lập kế hoạch kiểm toán năm 2022 (iii) Kế hoạch trọng tâm Quý IV/2021;

Ngày 10/12/2021

Họp BKS thông qua kết quả Kế hoạch kiểm toán năm 2022.

Hoạt động giám sát của BKS đối với Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Giám đốc điều hành ("BGĐH") và cổ đông

Hoạt động giám sát của BKS đã chú trọng chủ yếu vào: (i) Công tác quản trị điều hành của VPBank; (ii) Việc thực hiện của HĐQT, BGĐH đối với các định hướng, mục tiêu và chỉ tiêu kinh doanh của VPBank đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Thông qua kết quả giám sát ở các cấp độ và kết quả KTNB, BKS đã kịp thời đưa ra những kiến nghị/khuyến nghị với HĐQT, BGĐH các biện pháp tăng cường kiểm soát, hoàn thiện quy định nội bộ, tăng cường văn hóa tuân thủ ở một số đơn vị nhằm hạn chế và giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

HĐQT, BGĐH, BKS đã có cơ chế phối hợp phù hợp trong các hoạt động giám sát, kiểm tra, kiểm soát đảm bảo BKS triển khai và hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ, và quy chế tổ chức hoạt động của BKS. Các ý kiến, kiến nghị của BKS/KTNB đã được BGĐH ghi nhận và bổ sung, chỉnh sửa phù hợp.

Hoạt động khác của BKS trong năm 2021

Quản lý cấp cao đối với Kiểm toán nội bộ:

BKS có các định hướng và chỉ đạo KTNB triển khai kế hoạch kiểm toán hàng năm trên nguyên tắc đánh giá rủi ro, xem xét nhiều khía cạnh để đảm bảo bao quát được các rủi ro chính trong các hoạt động, bộ phận và quy trình trọng yếu của Ngân hàng.

Trong năm 2021, dịch COVID-19 diễn biến phức tạp nên cũng ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của KTNB trong việc giải quyết khối lượng công việc chung cũng như hạn chế trong việc thực địa khách hàng. Tuy nhiên, KTNB cũng đã nỗ lực để hoàn thành công việc theo kế hoạch, tính đến 31/12/2021, KTNB đã hoàn thành thực địa tất cả 40/40 cuộc kiểm toán theo kế hoạch được BKS phê duyệt.

Bên cạnh đó, BKS chỉ đạo KTNB theo dõi và đôn đốc việc thực hiện khắc phục các kiến nghị kiểm toán bảo đảm đầy đủ, đúng thời hạn.

Công tác thẩm định báo cáo tài chính: Theo

quy định của Luật các TCTD, năm 2021, BKS đã chỉ đạo KTNB hoàn thành việc thẩm định báo cáo tài chính năm 2020 và giữa niên độ 2021, hiện đang thực hiện thẩm định báo cáo tài chính năm 2021 của VPBank nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu báo cáo tài chính trình ĐHĐCĐ thường niên theo đúng quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VPBank.

Công tác báo cáo NHNN: Đối với công tác báo cáo NHNN, Ngân hàng luôn tuân thủ và kịp thời báo cáo NHNN các nội dung theo yêu cầu định kỳ và đột xuất.

Công tác Đào tạo, tuyển dụng, quản trị nhân sự: Không ngừng nâng cao chất lượng nhân sự cũng như giữ chân các nhân sự quan trọng của KTNB thông qua việc phát triển, đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng mềm và thường xuyên cập nhật kiến thức mới về kiểm toán, quản trị rủi ro, công tác số hóa

Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát

Nguyên tắc xác định thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS đã được HĐQT xem xét và cùng thông qua đối với từng thành viên, chi trả theo tháng: bao gồm thù lao cố định đối với từng chức danh và thù lao nhiệm vụ khi các thành viên tham gia vào các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc HĐQT và mức thù lao/lương thưởng của các thành viên BKS. Các thành viên HĐQT không nhận mức thưởng thành tích hay các mức thưởng, thu nhập khác.

Năm 2021, tổng chi phí thực của ngân hàng cho việc chi thù lao, lương, thưởng và hoạt động của các thành viên HĐQT, BKS là vào

khoảng 24,7 tỷ đồng. Trong đó, chi phí thù lao, lương là gần 18 tỷ đồng; các chi phí khác phục vụ cho hoạt động của HĐQT, BKS như các chi phí đi công tác, chi phí tiếp khách, hội thảo hội nghị, đào tạo, cấp phương tiện đi lại, bảo hiểm y tế, chế độ khám sức khỏe định kỳ... được thực hiện theo quy nội bộ của VPBank về chi phí trong từng thời kỳ, tương đương trên 6 tỷ đồng. Các khoản chi này được trình bày tại một mục riêng trong báo cáo tài chính kiểm toán năm của ngân hàng.

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của VPBank 2021

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2021 (TỶ ĐỒNG)	KẾ HOẠCH NĂM 2021 (TỶ ĐỒNG)	% HOÀN THÀNH SO VỚI KẾ HOẠCH 2021	% TĂNG TRƯỞNG VỚI 2020
1	Tổng tài sản	547.409	492.409	111,2%	30,6%
2	Huy động khách hàng và Phát hành giấy tờ có giá	323.133	353.280	91,5%	9,1%
3	Dư nợ cấp tín dụng	384.030	376.340	102,0%	18,9%
4	Tỷ lệ nợ xấu ngân hàng riêng lẻ	1,51%	<3%	Hoàn thành	
5	Lợi nhuận trước thuế	14.364	16.654	86,2%	10,3%

Năm 2021 tiếp tục là một năm nhiều khó khăn của nền kinh tế Việt Nam, khi dịch bệnh COVID-19 có những diễn biến phức tạp với số ca mắc bùng nổ trong nửa cuối của năm. Các chính sách giãn cách xã hội nghiêm ngặt đã được áp dụng để đảm bảo sức khỏe cho người dân, đồng thời cũng đã gây các tác động tới nhiều mặt của kinh tế xã hội. Trong bối cảnh đó, toàn hệ thống VPBank đã nỗ lực vượt bậc, đoàn kết đồng lòng cùng vượt qua khó khăn để đảm bảo hoạt động liên tục của ngân hàng. HĐQT đánh giá cao sự chủ động, linh hoạt của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên trong việc đã thích ứng nhanh chóng với môi trường kinh doanh nhiều thách thức và hoàn thành mục tiêu duy trì đà tăng trưởng tích cực cho ngân hàng trong bối cảnh đại dịch có nhiều diễn biến phức tạp.

Cụ thể, kết quả thực hiện một số chỉ tiêu ĐHĐCĐ giao năm 2021 như sau:

- Hoàn tất thương vụ chuyển nhượng 50% cổ phần tại FE Credit, nâng vốn điều lệ lên hơn 86 nghìn tỷ và hoàn thành việc chia cổ tức bằng cổ phiếu, đưa vốn điều lệ lên mức trên 45 nghìn tỷ đồng, đứng thứ 2 toàn ngành.
- Nhờ việc kiểm soát tối đa chi phí kết hợp với áp dụng số hóa, tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) hợp nhất giảm xuống còn 24,2% tiếp tục duy trì vị thế thấp nhất thị trường.
- Lợi nhuận trước thuế đạt trên 14 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng hơn 10% so với năm trước. Đây là kết quả tích cực trong bối cảnh nền kinh tế chịu tác động nặng nề từ đại dịch, thể hiện sự nỗ lực của Ban lãnh đạo cũng như toàn thể cán bộ nhân viên của ngân hàng.
- Dư nợ cấp tín dụng tăng trưởng 18,9%, hoàn thành 102% kế hoạch đề ra.
- Chất lượng tài sản của ngân hàng riêng lẻ tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ ở mức 1,51%, hoàn thành mục tiêu giữ tỷ lệ nợ xấu dưới 3%.
- Huy động khách hàng đạt 91,5% kế hoạch, tăng trưởng 9,1% so với năm 2020. Linh hoạt trong việc điều tiết bảng cân đối cùng với việc tận dụng thanh khoản dồi dào tại thị trường liên ngân hàng đã giúp VPBank duy trì xu hướng giảm chi phí vốn và đưa tỷ lệ CASA lên một mức cao mới.

Không chỉ tiếp tục giữ vững đà tăng trưởng, trong năm qua, VPBank và CBNV cũng đã thể hiện

trách nhiệm xã hội, cộng đồng với nhiều chương trình đồng hành cùng Chính phủ, chính quyền các địa phương bị ảnh hưởng bởi thiên tai và dịch bệnh. Hàng loạt các hành động, chính sách hỗ trợ khách hàng được triển khai kịp thời. Các hoạt động an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng được đẩy mạnh, góp phần chia sẻ khó khăn và lan tỏa tinh thần lạc quan trong cộng đồng.

Với những thành quả giữ vững đà tăng trưởng

trong năm 2021 trong bối cảnh đại dịch cùng với việc quy mô vốn của ngân hàng đã được đưa lên tầm cao mới, HĐQT luôn tự hào VPBank là một trong những ngân hàng cổ phần hàng đầu Việt Nam và tin tưởng vào năng lực lãnh đạo, quản lý, khả năng ứng phó, vượt qua thách thức trong các hoàn cảnh khó khăn nhằm hiện thực hóa những mục tiêu thách thức của HĐQT và ĐHĐCĐ để ra.

Quản trị doanh nghiệp và hoạt động quan hệ nhà đầu tư

VPBank luôn chú trọng xây dựng, tăng cường, củng cố hoạt động quản trị công ty để đảm bảo quyền lợi của khách hàng, cán bộ nhân viên, cổ đông và nhà đầu tư, từ đó đảm bảo những giá trị tăng trưởng, phát triển bền vững, lâu dài.

HĐQT VPBank luôn tuân thủ các nguyên tắc quản trị tốt nhất, khẳng định chấp hành nghiêm túc và đầy đủ các quy tắc quản trị công ty theo quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan nhà nước. Bên cạnh đó, các thành viên Hội đồng Quản trị VPBank và các cá nhân, đơn vị có liên quan trực tiếp đến các hoạt động quản trị của Ngân hàng như Thư ký công ty; Bộ phận quan hệ nhà đầu tư, Thành viên Ban Kiểm soát/Kiểm toán Nội bộ cũng liên tục cập nhật các quy định mới của pháp luật và thông lệ tốt về quản trị công ty được các đơn vị tư vấn cung cấp. Trong bối cảnh đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư (IR) của VPBank tiếp tục được đẩy mạnh và được coi là một hoạt động trọng điểm trong nỗ lực nâng cao chất lượng của công tác quản trị và minh bạch thông tin.

Kể từ khi thành lập, VPBank luôn được đánh giá cao trong hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư và liên tục nhận được các giải thưởng uy tín trong nước như: Top 20 doanh nghiệp của HoSE có chỉ số phát triển bền vững (VNSI)

cao nhất 3 năm liên tiếp; Top 15 Doanh nghiệp niêm yết có hoạt động IR tốt nhất do báo điện tử Vietstock bình chọn. Cũng trong năm 2021, VPBank đã tự hào trở thành tổ chức tài chính duy nhất của Việt Nam được tạp chí Global Banking & Finance Review (GBAF) vinh danh là "Ngân hàng Việt Nam có hoạt động quan hệ nhà đầu tư tốt nhất 2021" (Best Investor Relations Bank Vietnam 2021). Năm 2021, VPBank tiếp tục vai trò là thành viên bạch kim, đồng hành cùng Viện Thành viên HĐQT Việt Nam ("VIOD") và các công ty hàng đầu Việt Nam trong hành trình Quản trị Công ty, chú trọng vai trò nâng cao tính chuyên nghiệp, gia tăng tính minh bạch, xây dựng một mạng lưới kết nối các lãnh đạo doanh nghiệp... nhằm mục tiêu giữ vững niềm tin của nhà đầu tư và bảo đảm tính bền vững vào chương trình hành động của HĐQT VPBank.

VPBank là ngân hàng tiên phong tổ chức các buổi công bố kết quả kinh doanh (Earning calls) định kỳ hàng quý để Ban lãnh đạo Ngân hàng trao đổi hai chiều về kết quả hoạt động và triển vọng kinh doanh với các nhà đầu tư, chuyên gia phân tích trong và ngoài nước. Những nội dung thảo luận này sau đó đều được cập nhật tới các nhà đầu tư thông qua Bản tin IR News.

Trong giai đoạn chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID-19, VPBank vẫn chủ động cập nhật và trao đổi thông tin thường xuyên với các nhà đầu tư, đã có hơn 100 cuộc tiếp xúc riêng được tổ chức trong năm 2020. Năm 2021, khi tình hình dịch trở nên phức tạp hơn, ngân hàng vẫn nỗ lực tổ chức 02 sự kiện Broker meeting được giới chuyên môn đánh giá cao. Ngoài ra, đội ngũ IR VPBank còn tích cực tham gia 8 hội thảo đầu tư uy tín như hội thảo của Quỹ Dragon Capital, SSI, HSC, VCSC, EFG Hermes, Maybank KimEng.... và gặp gỡ với hơn 400 nhà đầu tư.

Bên cạnh kênh website chung của ngân hàng, bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư (IR) đã xây dựng và vận hành một website chuyên biệt dành cho nhà đầu tư (<https://irevents.vpbank.com.vn/login>) để có thể đăng tải lịch tổ chức sự kiện, video các buổi trao đổi và tài liệu kết quả kinh doanh hàng quý của VPBank. Tất cả tài liệu dành cho nhà đầu tư luôn được cập nhật song ngữ trên trang website của Ngân hàng để các nhà đầu tư

trong và ngoài nước có thể tiếp cận thông tin kịp thời và nhất quán.

Thông qua các hoạt động này, bộ phận IR của VPBank đã gây dựng và duy trì mối quan hệ tốt đẹp với một số lượng lớn các nhà đầu tư, tổ chức chuyên nghiệp trong và ngoài nước, truyền tải các thông tin minh bạch về hoạt động của VPBank đến các đối tác, tổ chức trong và ngoài nước. Cũng theo đánh giá từ các công ty chứng khoán hàng đầu, VPBank là một trong số ít ngân hàng có bộ phận IR chuyên nghiệp, thực hiện công tác IR bài bản và được cộng đồng nhà đầu tư đánh giá cao.



Được vinh danh

**NGÂN HÀNG CÓ HOẠT ĐỘNG
QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ TỐT NHẤT 2021**

DO TẠP CHÍ GLOBAL BANKING & FINANCE REVIEW BÌNH CHỌN



GLOBAL BANKING &
Finance
review



ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Bước sang năm 2022, VPBank đặt mục tiêu hồi phục và tăng trưởng bút phá để tương xứng với tiềm năng vốn, bên cạnh việc duy trì các chỉ tiêu về chất lượng tài sản cũng như các chỉ số về hiệu quả kinh doanh.

Theo đó, HĐQT VPBank đã đặt ra các định hướng hoạt động năm 2022 cho Ban Điều hành với các mục tiêu cơ bản là:



Tối ưu nguồn lực, củng cố các biện pháp tăng năng suất, ưu tiên tăng trưởng quy mô hoạt động đi kèm với tăng trưởng có chất lượng để phù hợp với quy mô gia tăng vốn chủ sở hữu lớn của ngân hàng, bút phá tại các phân khúc chiến lược với vị thế dẫn đầu.



Tập trung phát triển cơ sở khách hàng tại các phân khúc chiến lược thông qua nền tảng số & khai thác hệ sinh thái cùng các nỗ lực khai thác sâu danh mục khách hàng hiện hữu.



Đa dạng hóa nguồn vốn huy động, duy trì hiệu quả bảng cân đối ngân hàng qua thúc đẩy tăng trưởng tỷ lệ CASA, giữ chi phí vốn hợp lý, đẩy mạnh khả năng thâm nhập sâu vào các ngành và lĩnh vực kinh doanh mới, đảm bảo hiệu quả tài chính.



Không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động thông qua quá trình đẩy mạnh số hóa, khuyến khích các sáng kiến đổi mới sáng tạo, tối ưu hóa hệ thống quy trình, đẩy nhanh tiến độ giới thiệu các sản phẩm, tăng trải nghiệm gắn kết khách hàng với các hoạt động của ngân hàng.

Định hướng hoạt động quản trị và quan hệ nhà đầu tư

Năm 2022, VPBank sẽ luôn nỗ lực, sẵn sàng và chủ động tiếp cận các chuẩn mực quản trị công ty theo thông lệ quốc tế tốt nhất. Qua đó, nâng cao hiệu quả hệ thống quản trị công ty, đem lại nền tảng vững chắc cho sự phát triển của ngân hàng.

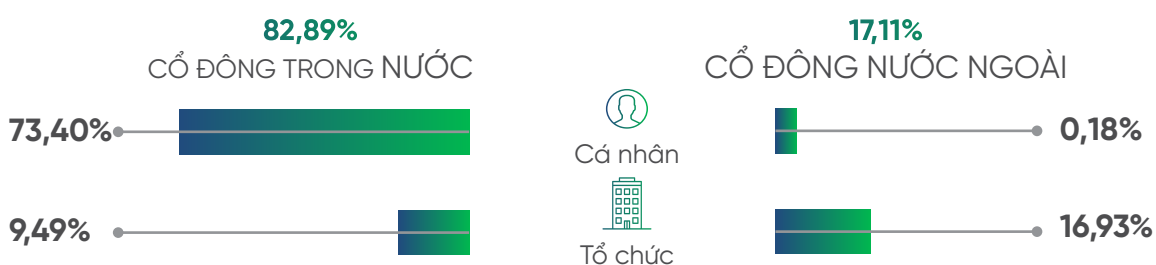
Đối với hoạt động quan hệ nhà đầu tư, VPBank sẽ đẩy mạnh hơn nữa các kênh thông tin chia sẻ, nâng cao tính chuyên nghiệp và tăng mức độ tin nhiệm trên thị trường chứng khoán, nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và tạo ra những giá trị dài hạn cho cổ đông.



CƠ CẤU CỔ PHẦN TẠI 31/12/2021



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI 31/12/2021



VPBank không có cổ đông lớn (sở hữu từ 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết). Cổ đông là người nội bộ của ngân hàng gồm các thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát, ban điều hành của ngân hàng đang sở hữu tương ứng là 9,11% tổng số cổ phần.

Tại ngày 31/12/2021, tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông nội bộ như sau:

STT		CHỨC VỤ CÔNG TÁC TẠI CÔNG TY (NẾU CÓ)	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CUỐI KỲ BÁO CÁO
1	Ngô Chí Dũng	CHỦ TỊCH HĐQT	219.035.933	4,861%
2	Bùi Hải Quân	PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT	104.219.468	2,313%
3	Lô Bằng Giang	PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT	5.499.544	0,122%
4	Nguyễn Văn Phúc	THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT	-	0,000%
5	Nguyễn Đức Vinh	THÀNH VIÊN HĐQT KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC	68.936.680	1,530%
6	Nguyễn Thị Mai Trinh	TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT CHUYÊN TRÁCH	116.821	0,003%
7	Trịnh Thị Thanh Hằng	THÀNH VIÊN CHUYÊN TRÁCH BAN KIỂM SOÁT	96.370	0,002%
8	Kim Ly Huyền	THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	179.998	0,004%
9	Vũ Hồng Cao	THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	252.570	0,006%
10	Lưu Thị Thảo	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC	6.539.146	0,145%
11	Phan Ngọc Hòa	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	693.712	0,015%
12	Dương Thị Thu Thủy	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	1.328.785	0,029%
13	Nguyễn Thành Long	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	239.361	0,005%
14	Phạm Phú Khôi	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	360.967	0,008%
15	Nguyễn Thanh Bình	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	381.576	0,008%
16	Đinh Văn Nho	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	1.023.738	0,023%
17	Phùng Duy Khương	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	764.991	0,017%
18	Phạm Thị Nhung	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	638.997	0,014%
19	Lê Hoàng Khánh An	GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH	219.128	0,005%
20	Nguyễn Thị Thu Hằng	KẾ TOÁN TRƯỞNG	251.060	0,006%
21	Lê Lan Kim	NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY/THƯ KÝ CÔNG TY	406.795	0,009%

Thay đổi vốn chủ sở hữu

VỐN CHỦ SỞ HỮU	RIÊNG LẺ (TRIỆU ĐỒNG)		HỢP NHẤT (TRIỆU ĐỒNG)	
	31/12/2020	31/12/2021	31/12/2020	31/12/2021
Vốn điều lệ	25.299.680	45.056.930	25.299.680	45.056.930
Thặng dư vốn cổ phần	365.727	77.202	365.727	77.202
Các quỹ dự trữ	4.738.580	8.053.768	11.911.768	12.558.832
Lợi nhuận chưa phân phối	16.596.422	24.611.567	17.415.364	22.439.214
Cổ phiếu Quỹ (*)	(2.199.037)	(1.760.512)	(2.199.037)	(1.760.512)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	7.906.481
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	44.801.372	76.038.955	52.793.502	86.278.147

(*) Ngân hàng phát hành 15 triệu cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ nhân viên (ESOP) với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 145/2021/NQ-HĐQT ngày 02 tháng 07 năm 2021 và Công văn số 4833/UBCK-QLCB ngày 24 tháng 08 năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

GIAO DỊCH	SỐ LƯỢT	KHỐI LƯỢNG CỔ PHIẾU GIAO DỊCH
Mua	33	8.574.200
Bán	21	513.400
Tổng	54	9.087.600

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông của người có liên quan của cổ đông nội bộ

GIAO DỊCH	SỐ LƯỢT	KHỐI LƯỢNG CỔ PHIẾU GIAO DỊCH
Mua	9	1.248.594
Bán	17	4.906.058
Tổng	26	6.154.652





BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31/12/2021

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG SỐ	0042/NH-GP	NGÀY 12 THÁNG 8 NĂM 1993
-------------------------------	-------------------	---------------------------------

Giấy phép Hoạt động được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có giá trị trong 99 năm kể từ ngày cấp.

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH SỐ	0100233583	NGÀY 8 THÁNG 9 NĂM 1993
--	-------------------	--------------------------------

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Ngân hàng đã được sửa đổi nhiều lần, và lần sửa đổi gần đây nhất vào ngày 10 tháng 12 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Ngô Chí Dũng	Chủ tịch
Ông Bùi Hải Quân	Phó Chủ tịch
Ông Lô Bằng Giang	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Phúc	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Đức Vinh	Thành viên

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Bà Nguyễn Thị Mai Trinh	Trưởng ban kiểm soát chuyên trách
Bà Trịnh Thị Thanh Hằng	Thành viên chuyên trách
Bà Kim Ly Huyền	Thành viên
Ông Vũ Hồng Cao	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Đức Vinh	Tổng Giám đốc
Bà Lưu Thị Thảo	Phó Tổng giám đốc thường trực
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng giám đốc
Ông Phan Ngọc Hòa	Phó Tổng giám đốc
Bà Dương Thị Thu Thủy	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Thành Long	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Phú Khôi	Phó Tổng giám đốc
Ông Đinh Văn Nho	Phó Tổng giám đốc
Ông Phùng Duy Khương	Phó Tổng giám đốc
Bà Phạm Thị Nhung	Phó Tổng giám đốc

(từ ngày 27 tháng 4 năm 2021)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Ông Ngô Chí Dũng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
------------------	----------------------------

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN KÝ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ông Nguyễn Đức Vinh	Tổng Giám đốc
---------------------	---------------

(theo Văn bản Ủy quyền số 09/2012/UQ-CT ngày 5 tháng 7 năm 2012)

TRỤ SỞ ĐĂNG KÝ

Số 89 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

CÔNG TY KIỂM TOÁN

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

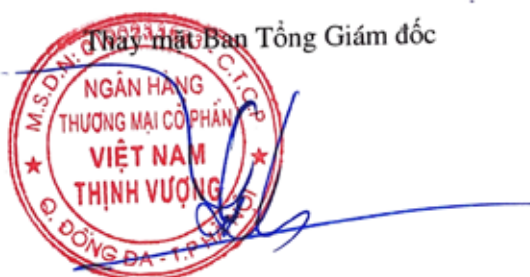
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con (gọi chung là “VPB”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm kết thúc cùng ngày.

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng:

- a. báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- b. tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cho rằng Ngân hàng và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 18-03-2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng ("Ngân hàng") và các công ty con (gọi chung là "VPB"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 18/03/2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 87.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của VPB liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của VPB. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-02-00231-22-2




Đam Xuân Lâm

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0861-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 18-03-2022

Trần Đình Vinh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0339-2018-007-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B02/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN

ngày 31 tháng 12 năm 2014
của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

		Thuyết minh	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
A	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt và vàng	5	2.345.733	3.282.556
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN")	6	10.860.730	5.779.610
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác	7	57.104.628	19.554.808
1	Tiền gửi tại các TCTD khác		40.329.730	13.829.025
2	Cho vay các TCTD khác		16.858.044	5.725.783
3	Dự phòng cho vay các tổ chức tín dụng khác		(83.146)	-
IV	Chứng khoán kinh doanh	8	6.970.941	493.214
1	Chứng khoán kinh doanh		7.005.061	493.214
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(34.120)	-
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	9	103.299	-
VI	Cho vay khách hàng		345.390.282	286.319.402
1	Cho vay khách hàng	10	355.281.219	290.816.086
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	11	(9.890.937)	(4.496.684)
VII	Hoạt động mua nợ	12	958.690	258.280
1	Mua nợ		965.935	260.232
2	Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(7.245)	(1.952)
VIII	Chứng khoán đầu tư		75.798.431	76.485.435
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	13	75.313.521	75.959.904
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	13	722.934	854.344
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	14	(238.024)	(328.813)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn	15	249.710	238.581
4	Đầu tư dài hạn khác		249.731	238.602
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(21)	(21)
X	Tài sản cố định		1.872.973	1.862.830
1	Tài sản cố định hữu hình	16	1.216.957	1.212.163
a	Nguyên giá		2.559.025	2.398.141
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.342.068)	(1.185.978)
3	Tài sản cố định vô hình	17	656.016	650.667
a	Nguyên giá		1.552.403	1.351.718
b	Giá trị hao mòn lũy kế		(896.387)	(701.051)
XII	Tài sản Có khác	18	45.754.022	24.751.811
1	Các khoản phải thu		39.015.325	17.409.351
2	Các khoản lãi, phí phải thu		4.897.204	5.036.836
4	Tài sản Có khác		1.893.820	2.345.902
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(52.327)	(40.278)
	TỔNG TÀI SẢN		547.409.439	419.026.527

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

		Thuyết minh	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
	NỢ PHẢI TRẢ			
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	19	8.454.375	14.220
II	Tiền gửi và vay các TCTD, tổ chức tài chính ("TCTC") khác	20	114.619.106	56.511.282
1	Tiền gửi của các TCTD khác		47.106.801	9.371.444
2	Vay các TCTD, TCTC khác		67.512.305	47.139.838
III	Tiền gửi của khách hàng	21	241.837.028	233.427.953
IV	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	9	-	139.825
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	22	103.930	187.156
VI	Phát hành giấy tờ có giá	23	81.295.633	62.845.488
VII	Các khoản nợ khác	24	14.821.220	13.107.101
1	Các khoản lãi, phí phải trả		5.557.507	6.452.780
3	Các khoản phải trả và công nợ khác		9.263.713	6.654.321
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		461.131.292	366.233.025
	VỐN CHỦ SỞ HỮU			
VIII	Vốn và các quỹ	27	86.278.147	52.793.502
1	Vốn		43.373.620	23.466.370
a	Vốn điều lệ	28	45.056.930	25.299.680
c	Thặng dư vốn cổ phần		77.202	365.727
d	Cổ phiếu quỹ		(1.760.512)	(2.199.037)
2	Các quỹ của tổ chức tín dụng		12.558.832	11.911.768
5	Lợi nhuận chưa phân phối		22.439.214	17.415.364
6	Lợi ích của cổ đông thiểu số		7.906.481	-
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		86.278.147	52.793.502
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		547.409.439	419.026.527

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B02/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số

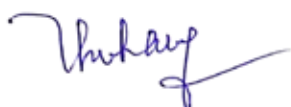
49/2014/TT-NHNN

ngày 31 tháng 12 năm 2014

của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

		Thuyết minh	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
	CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
I	NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN	42		
1	Bảo lãnh vay vốn		28.721	33.721
2	Cam kết giao dịch hối đoái		116.395.985	122.301.777
	Cam kết mua ngoại tệ		520.241	2.243.568
	Cam kết bán ngoại tệ		155.144	6.932.263
	Cam kết giao dịch hoán đổi		115.720.600	113.125.946
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C		49.784.582	21.895.226
5	Bảo lãnh khác		16.818.493	16.884.961
6	Các cam kết khác		266.901.038	263.281.970

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

Người kiểm soát:

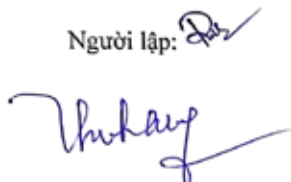


Lê Hoàng Khánh An
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

		Thuyết minh	2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	29	50.827.098	52.361.767
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	30	(16.478.269)	(20.015.944)
I	Thu nhập lãi thuần		34.348.829	32.345.823
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		6.884.061	6.166.753
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		(2.825.030)	(2.810.626)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	31	4.059.031	3.356.127
III	Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	32	(76.394)	(307.207)
IV	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	33	8.879	226.466
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	34	3.150.866	1.170.731
5	Thu nhập từ hoạt động khác		5.468.704	3.441.951
6	Chi phí hoạt động khác		(2.660.916)	(1.205.790)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	35	2.807.788	2.236.161
VII	Thu nhập từ góp vốn mua cổ phần	36	2.476	5.013
VIII	Chi phí hoạt động	37	(10.718.937)	(11.392.021)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		33.582.538	27.641.093
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	38	(19.218.768)	(14.621.638)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		14.363.770	13.019.455
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	(2.886.600)	(2.605.695)
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	25	(2.886.600)	(2.605.695)
XIII	Lợi nhuận sau thuế		11.477.170	10.413.760
XIV	Lợi ích của cổ đông thiểu số		(244.038)	-
XVI	Lợi nhuận thuần của cổ đông Ngân hàng		11.721.208	-
			2021	2020 (điều chỉnh lại)
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	40	2.647	2.373

Người lập: 
Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

Người kiểm soát: 
Lê Hoàng Khánh An
Giám đốc Tài chính


Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (phương pháp trực tiếp)

		2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	51.437.624	53.402.880
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(17.391.684)	(21.506.426)
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	3.802.612	3.317.656
04	Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và chứng khoán	2.830.349	1.286.723
05	(Chi phí)/thu nhập khác đã trả/nhận được	(481.781)	90.068
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý, bù đắp bằng nguồn rủi ro	3.287.966	2.128.240
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(10.638.062)	(10.862.595)
08	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	(3.581.137)	(1.923.141)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động	29.265.887	25.933.405
	Những thay đổi về tài sản hoạt động		
09	Tăng các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác	(11.132.261)	(1.111.216)
10	Tăng các khoản về chứng khoán kinh doanh	(5.492.319)	(6.855.085)
11	Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(103.299)	-
12	Tăng các khoản cho vay khách hàng	(65.208.817)	(33.892.359)
13	Sử dụng dự phòng để bù đắp tổn thất	(13.698.651)	(14.206.788)
14	Tăng khác về tài sản hoạt động	(21.505.382)	(351.707)
	Những thay đổi về nợ hoạt động		
15	Tăng/(giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	8.440.155	(5.272)
16	Tăng tiền gửi, tiền vay các TCTD, TCTC khác	58.107.824	5.643.293
17	Tăng tiền gửi của khách hàng	8.409.075	19.478.385
18	Tăng phát hành giấy tờ có giá	18.712.105	5.245.765
19	Giảm vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro	(83.226)	(104.667)
20	(Giảm)/tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(139.825)	94.155
21	(Giảm)/tăng khác về nợ hoạt động	(455.476)	1.451.644
I	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5.115.790	1.319.553

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

		2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01	Mua sắm tài sản cố định	(39.377)	(25.534)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.103	25.714
07	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(16.500)	-
08	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	25.933.714	-
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	1.967	5.013
II	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	25.882.907	5.193
	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
03	Tiền chi cho thanh toán giấy tờ có giá dài hạn và có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác	(261.960)	-
06	Tiền thu do bán cổ phiếu quỹ	150.000	170.000
III	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	(111.960)	170.000
IV	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	30.886.737	1.494.746
V	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	22.891.191	21.396.445
VII	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (THUYẾT MINH 39)	53.777.928	22.891.191

Người lập: 
Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

Người kiểm soát: 
Lê Hoàng Khánh An
Giám đốc Tài chính


Người duyệt: 
Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(A) Thành lập và hoạt động

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng ("Ngân hàng") là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại Việt Nam. Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động số 0042/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") cấp ngày 12 tháng 8 năm 1993 và có thời hạn 99 năm kể từ ngày cấp giấy phép.

Hiện nay, Ngân hàng đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100233583 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 8 tháng 9 năm 1993, được sửa đổi lần gần đây nhất vào ngày 10 tháng 12 năm 2021.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cung cấp tín dụng ngắn, trung và dài hạn dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; đầu tư chứng khoán, trái phiếu; cung cấp dịch vụ thanh toán, vi điện tử; đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ; dịch vụ quản lý tài sản; cấp tín dụng dưới hình thức tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép.

(B) Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 45.056.930 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 25.299.680 triệu đồng).

(C) Địa điểm và mạng lưới hoạt động

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, sáu mươi sáu (66) chi nhánh, một trăm sáu mươi tám (168) phòng giao dịch trên cả nước và hai (2) công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1 Hội sở chính, 62 chi nhánh, 167 phòng giao dịch và 2 công ty con). Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

(D) Công ty con

Tại 31 tháng 12 năm 2021, Ngân hàng có hai (2) công ty con (31 tháng 12 năm 2020: hai (2) công ty con) như sau:

TÊN CÔNG TY	GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG	VỐN ĐIỀU LỆ	TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA NGÂN HÀNG
Công ty TNHH Quản lý tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng ("VPB AMC")	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0105837483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp, lần thay đổi lần gần nhất là ngày 28 tháng 12 năm 2016	Quản lý nợ và khai thác tài sản	115 tỷ VND	100%
Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC ("VPB SMBC FC")	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102180545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp, lần thay đổi gần nhất là ngày 10 tháng 11 năm 2021	Hoạt động dịch vụ tài chính khác	10.928 tỷ VND	50%

(e) Tổng số nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, VPB có 25.623 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 20.991 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(A) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do NHNNVN ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chuẩn mực và quy định pháp lý này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và các chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của VPB theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng.

(B) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

(C) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của VPB là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(D) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của VPB là Đồng Việt Nam ("VND"). Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), và được làm tròn đến hàng triệu đồng gần nhất ("triệu VND").

3. THAY ĐỔI CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, NHNNVN đã ban hành Thông tư số 11/2021/TT-NHNN quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 11"). Thông tư 11 thay thế Thông tư số 02/2013/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 21 tháng 1 năm 2013 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 02") và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 18 tháng 3 năm 2014 về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02 ("Thông tư 09"). Thông tư 11 có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 10 năm 2021.

Kể từ ngày 1 tháng 10 năm 2021, VPB đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 11. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của VPB và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất, nếu có, được trình bày tại Thuyết minh 4(j).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được VPB áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(A) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của VPB. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ VPB và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được điều chỉnh khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được VPB áp dụng.

(B) Ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán. Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch.

Các giao dịch liên quan đến thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ được quy đổi sang VND trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay tại ngày giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(C) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, vàng, tiền gửi tại NHNNVN, tiền gửi thanh toán, tiền gửi các tổ chức tín dụng khác đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi, các khoản đầu tư chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền nhất định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị, và được nắm giữ với mục đích đáp ứng các cam kết thanh toán ngắn hạn hơn là để đầu tư hay cho các mục đích khác.

(D) Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác, trừ tiền gửi thanh toán, là tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có kỳ hạn gốc không quá ba tháng. Cho vay các tổ chức tín dụng khác có kỳ hạn gốc không quá mười hai tháng.

Tiền gửi thanh toán tại tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo số dư nợ gốc.

Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác được phản ánh theo số dư gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư 11. Theo đó, VPB trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp nêu tại Thuyết minh 4(j).

Theo Thông tư 11, VPB không phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

(E) Chứng khoán kinh doanh

(i) Phân loại và ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn hoặc có bằng chứng về việc kinh doanh các chứng khoán đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.

VPB ghi nhận chứng khoán kinh doanh vào ngày VPB trở thành một bên đối tác của hợp đồng cung cấp các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

(ii) Đo lường

Đối với chứng khoán nợ là chứng khoán kinh doanh, VPB ghi nhận theo giá gốc trừ đi chi phí dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh, bao gồm dự phòng giảm giá chứng khoán và dự phòng rủi ro tín dụng trái phiếu chưa niêm yết (nếu có).

Dự phòng giảm giá chứng khoán được xác định dựa trên giá chứng khoán thực tế trên thị trường. Đối với trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm thì VPB không thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này.

Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh sẽ được hoàn nhập khi giá chứng khoán hoặc giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

(iii) Dừng ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc VPB đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

(F) Chứng khoán đầu tư

(i) Phân loại và ghi nhận

Chứng khoán đầu tư bao gồm các chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Chứng khoán sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, mà VPB có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

VPB phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, VPB được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

VPB ghi nhận chứng khoán đầu tư vào ngày VPB trở thành một bên đối tác của hợp đồng cung cấp các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

(ii) Đo lường

Chứng khoán vốn

Đối với chứng khoán đầu tư là chứng khoán vốn, VPB ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, phí ngân hàng (nếu có). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá đang ghi nhận trên sổ sách và giá chứng khoán thực tế trên thị trường với số lỗ giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đối với các loại chứng khoán vốn đã niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chứng khoán nợ

Đối với chứng khoán nợ là chứng khoán đầu tư, VPB ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Sau đó, chứng khoán nợ được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội) trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng giảm giá chứng khoán. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được xác định dựa trên giá chứng khoán thực tế trên thị trường. Đối với trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương chứng khoán nợ do tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm thì VPB không thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết thì VPB tiến hành trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo Thông tư 11 như được trình bày tại Thuyết minh 4(j).

Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẽ được hoàn nhập khi giá chứng khoán hoặc giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này trong trường hợp không phải lập dự phòng.

Thu nhập từ lãi của chứng khoán nợ và chứng khoán vốn sau ngày mua được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi nhận được. Khoản tiền lãi dồn tích trước khi VPB mua chứng khoán nợ sẽ được ghi giảm giá trị của chính chứng khoán đó, đối ứng với tài khoản lãi phải thu.

(iii) Dừng ghi nhận

Chứng khoán đầu tư được dừng ghi nhận khi các quyền nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc VPB đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

(G) Các hợp đồng mua lại và bán lại

Các chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh hợp nhất theo lãi suất hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Các chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản cho vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh hợp nhất theo lãi suất hợp đồng.

(H) Góp vốn, đầu tư dài hạn

(i) Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty khác và VPB không nắm quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại thời điểm đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(ii) Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, nếu các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư, VPB thực hiện trích lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính riêng của tổ chức kinh tế nhận vốn góp lập cùng thời điểm báo cáo tài chính của VPB. Dự phòng cho từng khoản đầu tư được tính theo công thức sau:

$$\text{Mức trích dự phòng cho mỗi khoản đầu tư} = \text{Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (\%) của VPB tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng} \times \left\{ \begin{array}{l} \text{Vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng} \\ - \text{Vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng} \end{array} \right\}$$

Trong trường hợp tổ chức kinh tế nhận vốn góp không lập báo cáo tài chính cùng thời điểm VPB trích lập dự phòng thì VPB không thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này.

Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư đó tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định trong trường hợp không phải lập dự phòng.

(i) Cho vay khách hàng

Cho vay khách hàng được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo số dư nợ gốc tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dự phòng rủi ro tín dụng cho vay khách hàng được hạch toán và trình bày một dòng riêng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể và dự phòng rủi ro tín dụng chung.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay đến 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ trên 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Các khoản vay được dùng ghi nhận khi quyền lợi theo hợp đồng của VPB đối với các dòng tiền phát sinh từ các khoản vay này chấm dứt, hay khi VPB chuyển giao các khoản vay này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với khoản vay được chuyển giao cho bên khác.

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 11 như trình bày tại Thuyết minh 4(j).

(J) Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

(i) Phân loại nợ và dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể

Trước ngày 1 tháng 10 năm 2021

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác (trừ tiền gửi thanh toán), mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng (gọi chung là "các khoản nợ") và các khoản nợ đã bán nhưng chưa thu được tiền được thực hiện theo phương pháp định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 02. VPB thực hiện trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể dựa trên tỷ lệ dự phòng tương ứng với kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm. Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 được tính dựa trên kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 11

Từ ngày 1 tháng 10 năm 2021

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác (trừ tiền gửi thanh toán), mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng; ủy thác cấp tín dụng; mua, bán nợ; mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán; mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành (gọi chung là "các khoản nợ") và các khoản nợ đã bán nhưng chưa thu được tiền được thực hiện theo phương pháp định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 11.

Theo quy định của Thông tư 11, VPB thực hiện trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể dựa trên tỷ lệ dự phòng tương ứng với kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm. Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 được tính dựa trên kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12. Tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

NHÓM		TÌNH TRẠNG QUÁ HẠN	TỶ LỆ DỰ PHÒNG
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	(a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.	0%
2	Nợ cần chú ý	(a) Nợ quá hạn đến 90 ngày trừ khoản nợ được quy định tại điểm (b) của Nợ đủ tiêu chuẩn; hoặc (b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu còn trong hạn.	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	(a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu còn trong hạn; hoặc (c) Nợ được miễn, giảm lãi do khách hàng không có khả năng trả lãi đầy đủ theo thỏa thuận; hoặc (d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: ▶ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc ▶ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc ▶ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng. (e) Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra; hoặc (f) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn do khách hàng vi phạm thỏa thuận chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi.	20%
4	Nợ nghi ngờ	(a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn đến 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai còn trong hạn; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (f) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn do khách hàng vi phạm thỏa thuận chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi.	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	(a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 91 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc (d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên; hoặc (e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (g) Khoản nợ phải thu hồi theo quy định thu hồi nợ trước hạn do khách hàng vi phạm thỏa thuận chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (h) Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng đang được kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang bị phong tỏa vốn và tài sản.	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Đối với các khoản trả thay cam kết ngoại bảng, VPB phân loại nợ dựa trên số ngày quá hạn tính từ ngày VPB thực hiện nghĩa vụ theo cam kết:

- ▶ Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn: nếu quá hạn dưới 30 ngày;
- ▶ Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ: nếu quá hạn từ 30 ngày đến dưới 90 ngày;
- ▶ Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn: nếu quá hạn 90 ngày trở lên.

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với VPB mà có bất kỳ khoản nợ bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì VPB buộc phải phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Khi VPB tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, VPB thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và của VPB.

VPB cũng thu thập kết quả phân loại nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng thuộc NHNNVN ("CIC") cung cấp tại thời điểm phân loại nợ để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ. Trường hợp nợ và cam kết ngoại bảng của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, VPB điều chỉnh kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Trước ngày 17 tháng 5 năm 2021

Ngân hàng áp dụng Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 ("Thông tư 01") do NHNNVN ban hành quy định về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19. Theo đó, đối với các khách hàng có các khoản nợ phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày 23 tháng 1 năm 2020 đến ngày liền kề sau 3 tháng kể từ ngày Thủ tướng chính phủ công bố hết dịch Covid-19, và các khách hàng này không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid-19, Ngân hàng được phép cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí cho các khoản nợ này mà vẫn giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 23 tháng 1 năm 2020.

Từ ngày 17 tháng 5 năm 2021 đến ngày 7 tháng 9 năm 2021

Ngân hàng áp dụng Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 2 tháng 4 năm 2021 ("Thông tư 03") của NHNNVN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01. Theo đó, đối với khách hàng có các khoản nợ phát sinh trước ngày 10 tháng 6 năm 2020 và phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong thời gian từ ngày 23 tháng 1 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, và các khách hàng này không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid-19, thì VPB được phép cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí và và giữ nguyên nhóm nợ như sau:

THỜI ĐIỂM PHÁT SINH KHOẢN NỢ	KHOẢNG THỜI GIAN PHÁT SINH NGHĨA VỤ TRẢ NỢ	TÌNH TRẠNG QUÁ HẠN	KHOẢNG THỜI GIAN PHÁT SINH QUÁ HẠN	ÁP DỤNG PHÂN LOẠI NỢ
Trước 23/1/2020		Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 29/3/2020 đến trước 31/12/2021	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 23/1/2020.
		Quá hạn	Từ 23/1/2020 đến 28/3/2020	
Từ 23/1/2020 đến trước 10/6/2020	Từ 23/1/2020 đến 31/12/2021	Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 17/5/2021 đến trước 31/12/2021	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu.
		Quá hạn	Từ 23/1/2020 đến trước 17/5/2021	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày khoản nợ bị chuyển quá hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Từ ngày 7 tháng 9 năm 2021

VPB áp dụng Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 7 tháng 9 năm 2021 ("Thông tư 14") của NHNNVN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01. Theo đó, đối với khách hàng có các khoản nợ phát sinh trước ngày 1 tháng 8 năm 2021 và phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong thời gian từ ngày 23 tháng 1 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, và các khách hàng này không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid-19, thì VPB được phép cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí và giữ nguyên nhóm nợ như sau:

THỜI ĐIỂM PHÁT SINH KHOẢN NỢ	KHOẢNG THỜI GIAN PHÁT SINH NGHĨA VỤ TRẢ NỢ	TÌNH TRẠNG QUÁ HẠN	KHOẢNG THỜI GIAN PHÁT SINH QUÁ HẠN	ÁP DỤNG PHÂN LOẠI NỢ
Trước 23/1/2020		Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 30/3/2020 đến 30/6/2022	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 23/01/2020.
Từ 23/1/2020 đến trước 1/8/2021		Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 17/05/2021 đến trước 17/7/2021 hoặc từ 7/9/2021 đến 30/6/2022	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu.
Trước 23/1/2020	Từ 23/1/2020 đến 30/6/2022	Quá hạn	Từ 23/1/2020 đến 29/3/2020	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 23/1/2020.
Từ 23/1/2020 đến trước 10/6/2020		Quá hạn	Từ 23/1/2020 đến trước 17/5/2021	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày khoản nợ bị chuyển quá hạn.
Từ 10/6/2020 đến trước 1/8/2021		Quá hạn	Từ 17/7/2021 đến trước 7/9/2021	

Ngoài ra, VPB xác định và ghi nhận số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng, bao gồm cả số dư nợ được cơ cấu thời hạn, miễn, giảm lãi theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 11 (nếu không áp dụng quy định giữ nguyên nhóm nợ theo quy định của Thông tư 01, Thông tư 03 và Thông tư 14) như sau:

DỰ PHÒNG BỔ SUNG	THỜI HẠN TRÍCH
Tối thiểu 30% tổng số tiền chênh lệch dự phòng cụ thể nếu không áp dụng quy định giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 03	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tối thiểu 60% tổng số tiền chênh lệch dự phòng cụ thể nếu không áp dụng quy định giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 03	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2022
100% tổng số tiền chênh lệch dự phòng cụ thể nếu không áp dụng quy định giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 03	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Từ ngày 26 tháng 10 năm 2020, VPB đã áp dụng Công văn số 7751/NHNN-TD ("Công văn 7751") do NHNNVN ban hành về việc hỗ trợ khách hàng khắc phục hậu quả do mưa lũ tại khu vực Miền Trung và Tây Nguyên thông qua việc thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, cho vay mới và các biện pháp hỗ trợ khác. Ngân hàng đã thực hiện cơ cấu và xử lý nợ theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2015 ("Nghị định 55"), Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 7 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp và nông thôn, Thông tư số 10/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 7 năm 2015, Thông tư số 25/2018/TT-NHNN ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định 55. Theo đó, đối với các khách hàng bị thiệt hại và ảnh hưởng bởi mưa lũ ở Miền Trung và Tây Nguyên thì Ngân hàng được phép cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ của khách hàng.

(ii) Dự phòng rủi ro tín dụng chung

Theo Thông tư 11, một khoản dự phòng chung cũng được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư của các khoản nợ trừ các khoản tiền gửi và cho vay của các tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật; tiền gửi tại tổ chức tín dụng ở nước ngoài, khoản cho vay, mua có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam; khoản mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành trong nước; khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ và các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn. Dự phòng chung được tính dựa trên kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12.

(iii) Xử lý nợ xấu

Theo Thông tư 11, VPB sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro trong các trường hợp sau:

- ▶ Khách hàng là tổ chức bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật; cá nhân bị chết, mất tích;
- ▶ Các khoản nợ được phân loại vào Nhóm 5.

Các khoản nợ được xử lý rủi ro bằng nguồn dự phòng được ghi nhận vào tài khoản ngoại bảng phù hợp để theo dõi và thu nợ. Số tiền thu hồi được từ nợ đã xử lý rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thu được.

(iv) Dự phòng đối với các cam kết ngoại bảng

Theo Thông tư 11, việc phân loại các khoản cam kết tín dụng ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng. Không có dự phòng nào được lập cho các khoản cam kết tín dụng ngoại bảng, trừ khi VPB được yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ trả thay theo hợp đồng bảo lãnh. Trong trường hợp đó, khoản trả thay được phân loại và trích lập dự phòng theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 4(j).

(K) Hoạt động mua nợ

Hoạt động mua nợ được ghi nhận theo Thông tư số 09/2015/TT-NHNN của NHNN quy định về hoạt động mua, bán nợ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Khoản mua nợ được ghi nhận ban đầu theo giá mua, sau đó được ghi nhận bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng rủi ro tín dụng. Giá mua nợ, bán nợ là số tiền bên mua nợ phải thanh toán cho bên bán nợ theo hợp đồng mua nợ.

Ngân hàng phân loại nợ được mua vào nhóm có mức độ rủi ro không thấp hơn nhóm mà khoản nợ đó đã được phân loại trước khi mua. Sau đó, việc phân loại nợ và trích lập dự phòng cho các khoản mua nợ được thực hiện tương tự như các khoản cho vay khách hàng khác theo Thông tư 11.

Thu nhập lãi từ các khoản mua nợ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ khoản tiền lãi phát sinh từ trước khi VPB mua nợ được ghi giảm giá trị khoản mua nợ.

(L) Các công cụ tài chính phái sinh

(i) Các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi tiền tệ

VPB ký kết các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi tiền tệ nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro tỷ giá và các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của VPB.

Các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ là các cam kết mua hoặc bán một lượng ngoại tệ theo một mức tỷ giá xác định tại thời điểm giao dịch cụ thể được xác định và việc thanh toán sẽ được thực hiện vào thời điểm xác định đó trong tương lai. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được đánh giá lại cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất theo tỷ giá tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán và được trình bày theo giá trị thuần trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua hoặc bán theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hiệu lực của các hợp đồng này. Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết mua và bán cùng một lượng ngoại tệ (chỉ có hai đồng tiền được sử dụng trong giao dịch) với cùng một đối tác, trong đó một giao dịch có thời hạn thanh toán giao ngay và một giao dịch có thời hạn thanh toán xác định trong tương lai, hoặc hai giao dịch có thời hạn thanh toán giao ngay và tỷ giá của hai giao dịch được xác định đồng thời tại thời điểm xác nhận giao dịch giao ngay. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng hoán đổi.

(ii) Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất là các cam kết thanh toán khoản tiền lãi tính theo lãi suất thả nổi hay lãi suất cố định được tính trên một hoặc nhiều khoản tiền gốc danh nghĩa. Các khoản thu nhập và chi phí phát sinh lãi phát sinh trên giá trị khoản vốn danh nghĩa được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(M) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|---------------------------------|------------|
| ▶ Nhà cửa và vật kiến trúc | 5 – 40 năm |
| ▶ Máy móc thiết bị | 3 – 7 năm |
| ▶ Phương tiện vận tải | 6 năm |
| ▶ Thiết bị dụng cụ quản lý | 3 – 5 năm |
| ▶ Tài sản cố định hữu hình khác | 3 – 5 năm |

(N) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 - 14 năm.

(ii) Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- ▶ Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn và quyền sử dụng đất không thời hạn).
- ▶ Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là năm năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được phản ánh theo nguyên giá và không trích khấu hao.

Nguyên giá tài sản cố định là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng (+) các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

(O) Các tài sản Có khác

Các tài sản Có khác được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc. VPB thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tương tự các khoản cho vay khách hàng được trình bày tại Thuyết minh 4(j). Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng" trong năm.

Đối với các tài sản Có khác không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng, VPB xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí hoạt động" trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng được xác định dựa trên thời gian quá hạn như sau:

THỜI GIAN QUÁ HẠN	MỨC TRÍCH DỰ PHÒNG
▶ Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
▶ Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
▶ Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
▶ Từ ba (03) năm trở lên	100%

(P) Tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi khách hàng được ghi nhận theo giá gốc.

(Q) Tiền gửi và vay TCTD, TCTC khác

Tiền gửi và vay TCTD, TCTC khác được ghi nhận theo giá gốc.

(R) Giấy tờ có giá đã phát hành

Giấy tờ có giá đã phát hành được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản phân bổ phụ trội và chiết khấu. Giá gốc của giấy tờ có giá đã phát hành bao gồm số tiền thu được từ việc phát hành trừ đi các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc phát hành.

(S) Các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc.

(T) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh phần chênh lệch (tăng hoặc giảm) giữa do giá phát hành cổ phiếu cao hoặc thấp hơn và mệnh giá cổ phiếu (kể cả trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ), nếu có cũng như các chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu, được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu hoặc bán cổ phiếu quỹ.

(iii) Cổ phiếu quỹ

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

(U) Các quỹ dự trữ

(i) Các quỹ dự trữ của Ngân hàng và VPB SMBC FC

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP do Chính phủ Việt Nam ban hành ngày 7 tháng 8 năm 2017 về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng, Ngân hàng và VPB SMBC FC phải trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	TỶ LỆ TRÍCH LẬP HÀNG NĂM	SỐ DƯ TỐI ĐA
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh. Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần không được dùng để trả cổ tức cho cổ đông hoặc phân chia lợi nhuận cho chủ sở hữu, thành viên góp vốn và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân phối từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

(ii) VPB AMC

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 3 năm 2002, việc trích lập các quỹ trước khi phân phối lợi nhuận còn lại được VPB AMC thực hiện tương tự như Ngân hàng mẹ. Các quỹ dự trữ và các quỹ vốn chủ sở hữu sẽ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế vào cuối năm.

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, kể từ năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015, VPB AMC không tiếp tục trích Quỹ dự phòng tài chính.

(V) Doanh thu

(i) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được trình bày tại Thuyết minh 4(j), các khoản nợ Nhóm 1 nhưng phải trích dự phòng cụ thể và các khoản nợ được cơ cấu giữ nguyên Nhóm 1 do áp dụng chính sách của Nhà nước. Số lãi dự thu của các khoản nợ này được xuất toán và được ghi nhận ngoại bảng. Thu nhập lãi của các khoản nợ này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thu được.

(ii) Thu nhập từ hoạt động dịch vụ

Thu nhập từ phí và hoa hồng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp.

(iii) Thu nhập từ đầu tư

Thu nhập từ bán chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi nhận được thông báo khớp lệnh từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (chứng khoán niêm yết) và hoàn tất thỏa thuận chuyển giao tài sản (chứng khoán chưa niêm yết) và được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá thực tế đích danh của chứng khoán được bán.

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của VPB được xác lập. Cổ tức được nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông hiện tại, cổ phiếu được chia từ lợi nhuận chưa phân phối không được ghi nhận là một khoản tăng giá trị khoản đầu tư và thu nhập không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi nhận được cổ tức bằng cổ phiếu, VPB chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(W) Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(X) Chi phí hoạt động dịch vụ

Chi phí hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

(Y) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(Z) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của năm báo cáo bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(AA) Các bên liên quan

Các bên liên quan của VPB bao gồm các trường hợp sau đây:

- ▶ Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của VPB;
- ▶ Tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại VPB;
- ▶ Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của VPB;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp. Trường hợp này bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của VPB và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với VPB;
- ▶ Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần cho VPB.

(BB) Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Tại bất cứ thời điểm nào VPB cũng có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. VPB cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không nhất thiết phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

(CC) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

VPB trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu ("EPS") cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của VPB chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm kết thúc cùng ngày, VPB không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng nên việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(DD) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của VPB tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của VPB là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(EE) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 ("Quyết định 16") của Thống đốc NHNNVN về chế độ báo cáo tài chính đối với các Tổ chức tín dụng và Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 49") của Thống đốc NHNNVN sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định 16, Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 và hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo mà không được thể hiện trong báo cáo tài chính hợp nhất này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(FF) Lợi ích của nhân viên

(i) Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên VPB khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. VPB sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% mức lương tháng theo quy định. Ngoài ra, VPB không phải có một nghĩa vụ nào khác. Chi phí bảo hiểm xã hội phải đóng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi nghĩa vụ đóng góp phát sinh.

(ii) Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 có hiệu lực ngày 1 tháng 5 năm 2013, VPB có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của mười hai tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Ngân hàng và mức lương bình quân của họ trong vòng mười hai tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được VPB chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ. Chi phí trợ cấp thôi việc cho nhân viên đủ điều kiện nhận trợ cấp được ghi nhận là chi phí trong năm.

(iii) Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, VPB có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp. Chi phí bảo hiểm thất nghiệp phải đóng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi nghĩa vụ đóng góp phát sinh.

(GG) Các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của VPB và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, VPB phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- ▶ Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - Tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- ▶ Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, VPB xếp tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà VPB có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- ▶ Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được vpb xếp vào nhóm tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- ▶ Các tài sản tài chính đã được VPB xếp vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán; hoặc
- ▶ Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- ▶ Các khoản mà VPB có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được vpb xếp vào nhóm tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- ▶ Các khoản được VPB xếp vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- ▶ Các khoản mà VPB có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- ▶ Các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- ▶ Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- ▶ Các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- ▶ Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- ▶ Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, VPB xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày tại các thuyết minh liên quan khác.

5. TIỀN MẶT VÀ VÀNG

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Tiền mặt bằng VND	2.041.617	2.145.363
Tiền mặt bằng ngoại tệ	222.998	1.110.882
Vàng tiền tệ	81.118	26.311
	2.345.733	3.282.556

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Tiền gửi tại NHNNVN bao gồm quỹ dự trữ bắt buộc và tài khoản tiền gửi thanh toán.

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Tiền gửi tại NHNNVN		
▶ Tiền gửi thanh toán và quỹ dự trữ bắt buộc bằng VND	8.340.980	5.553.676
▶ Tiền gửi thanh toán và quỹ dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ	2.519.750	225.934
	10.860.730	5.779.610

Theo quy định của NHNNVN về dự trữ bắt buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc. Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng phải không được thấp hơn tỷ lệ dự trữ bắt buộc nhân với bình quân số dư tiền gửi của tháng trước tại VPB.

Tỷ lệ DTBB tại thời điểm cuối năm như sau:

LOẠI TIỀN GỬI	TỶ LỆ DỰ TRỮ BẮT BUỘC	
	31/12/2021	31/12/2020
Số dư bình quân tháng trước của:		
▶ Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn dưới 12 tháng	8,00%	8,00%
▶ Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6,00%	6,00%
▶ Tiền gửi bằng VND có thời hạn dưới 12 tháng	3,00%	3,00%
▶ Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1,00%	1,00%

7. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	5.434.129	1.548.010
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	3.738.981	892.215
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	27.092.880	3.350.000
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	4.063.740	8.038.800
	40.329.730	13.829.025
Cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác		
Cho vay bằng VND	16.858.044	5.725.783
▶ Trong đó: Chiết khấu, tái chiết khấu	6.891.839	-
Dự phòng cho vay các TCTD khác	(83.146)	-
	16.774.898	5.725.783
	57.104.628	19.554.808

Phân tích chất lượng dư nợ tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	47.931.518	17.114.583
Nợ có khả năng mất vốn	83.146	-
	48.014.664	17.114.583

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	0,90% - 3,5%	0,10% - 3,85%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,01% - 0,25%	0,15% - 0,70%
Cho vay bằng VND	0,85% - 5,03%	0,60% - 5,50%
Cho vay bằng ngoại tệ	Không áp dụng	Không áp dụng

Biến động dự phòng cụ thể cho vay TCTD khác trong năm như sau:

	2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
Số dư đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 38)	83.146	-
Số dư cuối năm	83.146	-

8. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Chứng khoán nợ do Chính phủ, chính quyền địa phương phát hành	7.005.061	493.214
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (i)	(34.120)	-
	6.970.941	493.214

(i) Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
Số dư đầu năm	-	4.549
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm (Thuyết minh 33)	34.120	(4.549)
Số dư cuối năm	34.120	-

Trạng thái niêm yết của chứng khoán kinh doanh tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Đã niêm yết	7.005.061	493.214

9. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ TÀI SẢN/(NỢ PHẢI TRẢ) TÀI CHÍNH KHÁC

	TỔNG GIÁ TRỊ CỦA HỢP ĐỒNG (THEO TỶ GIÁ NGÀY HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG)	TỔNG GIÁ TRỊ GHI SỔ KẾ TOÁN (THEO TỶ GIÁ TẠI NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN)		
		DÒNG TIỀN VÀO	DÒNG TIỀN RA	GIÁ TRỊ THUẦN
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021				
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	62.203.676	62.008.819	(62.130.697)	(121.878)
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	4.226.245	4.217.062	(4.201.864)	15.198
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	57.977.431	57.791.757	(57.928.833)	(137.076)
Công cụ tài chính phái sinh khác	61.319.521	53.798.063	(53.572.886)	225.177
	123.523.197	115.806.882	(115.703.583)	103.299
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020				
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	62.330.973	61.820.905	(62.106.078)	(285.173)
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	5.660.822	5.657.466	(5.602.537)	54.929
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	56.670.151	56.163.439	(56.503.541)	(340.102)
Công cụ tài chính phái sinh khác	70.770.746	30.611.636	(30.466.288)	145.348
	133.101.719	92.432.541	(92.572.366)	(139.825)

10. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	330.494.713	270.633.257
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	292.972	246.532
Các khoản trả thay khách hàng	29.923	30.083
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	170.341	268.439
Cấp tín dụng khác	24.293.270	19.637.775
	355.281.219	290.816.086

Phân tích chất lượng dư nợ cho vay:

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	322.226.418	265.902.470
Nợ cần chú ý	16.810.638	14.989.428
Nợ dưới tiêu chuẩn	6.662.218	6.024.814
Nợ nghi ngờ	7.535.242	1.823.719
Nợ có khả năng mất vốn	2.046.703	2.075.655
	355.281.219	290.816.086

Phân tích dư nợ theo thời hạn cho vay:

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Nợ ngắn hạn	135.801.184	102.019.331
Nợ trung hạn	140.081.594	126.492.662
Nợ dài hạn	79.398.441	62.304.093
	355.281.219	290.816.086

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2021 %/năm	31/12/2020 %/năm
Cho vay bằng VND	3,15% - 15,40%	3,20% - 16,30%
Cho vay bằng ngoại tệ	2,60% - 6,50%	3,00% - 6,50%
Cho vay tiêu dùng bằng VND	34,52%	41,46%

Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp:

	31/12/2021		31/12/2020	
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Công ty Nhà nước	1.086.930	0,31	1.684.444	0,58
Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	281.375	0,08	301.867	0,10
Công ty TNHH hai thành viên trở lên có phần vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối	26.446	0,01	152.910	0,05
Công ty TNHH khác	66.432.340	18,70	53.620.556	18,44
Công ty cổ phần có vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối	107.926	0,03	154.507	0,05
Công ty cổ phần khác	91.086.560	25,64	71.371.808	24,54
Hợp danh	750	0,00	-	-
Doanh nghiệp tư nhân	553.435	0,16	529.038	0,18
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	99.576	0,03	316.962	0,11
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	93.417	0,03	82.984	0,03
Hộ kinh doanh, cá nhân	195.511.733	55,01	162.599.837	55,91
Khác	731	0,00	1.173	0,01
	355.281.219	100	290.816.086	100

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành nghề kinh doanh:

	31/12/2021		31/12/2020	
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	3.807.569	1,07	3.786.880	1,30
Khai khoáng	554.164	0,16	927.374	0,32
Công nghiệp chế biến, chế tạo	16.652.370	4,69	14.266.805	4,91
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	2.277.161	0,64	2.803.150	0,96
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	174.778	0,05	181.272	0,06
Xây dựng	26.492.203	7,46	24.703.820	8,49
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	40.136.840	11,30	31.836.141	10,95
Vận tải kho bãi	6.107.587	1,72	5.899.292	2,03
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	8.895.843	2,50	10.017.665	3,44
Thông tin và truyền thông	339.174	0,10	234.725	0,08
Hoạt động tài chính và bảo hiểm	21.806.591	6,14	7.430.985	2,56
Hoạt động kinh doanh bất động sản	42.567.227	11,98	36.924.235	12,70
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	766.072	0,22	456.384	0,16
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	944.447	0,27	1.087.771	0,37
Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý Nhà nước, an ninh quốc phòng; đảm bảo xã hội bắt buộc	6.836	0,00	3.970	0,00
Giáo dục và đào tạo	166.771	0,05	141.609	0,05
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	187.843	0,05	94.361	0,03
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	1.584.563	0,45	106.138	0,04
Hoạt động dịch vụ khác	3.513.137	0,99	535.206	0,18
Hoạt động làm thuê các công việc trong hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tư tiêu dùng của hộ gia đình	123.947.317	34,86	113.042.970	38,88
Cho vay cá nhân để mua nhà ở, nhận quyền sử dụng đất để xây nhà ở	54.352.231	15,30	36.334.720	12,49
Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	495	0,00	613	0,00
	355.281.219	100	290.816.086	100

11. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng bao gồm:

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Dự phòng chung (i)	2.656.663	2.068.040
Dự phòng cụ thể (ii)	7.234.274	2.428.644
	9.890.937	4.496.684

(i) Biến động dự phòng chung cho các khoản cho vay khách hàng như sau:

	2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
Số dư đầu năm	2.068.040	1.920.435
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh 38)	588.623	147.605
Số dư cuối năm	2.656.663	2.068.040

(ii) Biến động dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay khách hàng như sau:

	2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
Số dư đầu năm	2.428.644	2.163.659
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh 38)	18.542.262	14.471.773
Sử dụng dự phòng do bán nợ	(37.981)	-
Sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng	(13.698.651)	(14.206.788)
Số dư cuối năm	7.234.274	2.428.644

12. HOẠT ĐỘNG MUA NỢ

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Mua nợ bằng VND	965.935	260.232
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ	(7.245)	(1.952)
	958.690	258.280

Chi tiết giá trị nợ gốc, lãi của các khoản mua nợ như sau:

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Mua nợ gốc	965.935	260.232

Phân tích chất lượng hoạt động mua nợ tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	965.935	260.232

Biến động dự phòng mua nợ trong năm như sau:

	2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
Số dư đầu năm	1.952	-
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh 38)	5.293	1.952
	7.245	1.952

13. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (i)	75.313.521	75.959.904
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (ii)	722.934	854.344
	76.036.455	76.814.248

(i) Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm:

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Chứng khoán nợ		
▶ Trái phiếu Chính phủ, chính quyền địa phương	29.846.833	33.571.272
▶ Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	17.668.917	10.568.514
<i>Trong đó: Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh</i>	<i>1.407.460</i>	<i>2.431.485</i>
▶ Chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế ("TCKT") trong nước phát hành	27.782.414	31.804.761
Chứng khoán vốn		
▶ Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	15.357	15.357
	75.313.521	75.959.904

Trạng thái niêm yết tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Trái phiếu niêm yết	31.287.293	36.002.757
Trái phiếu chưa niêm yết	42.410.865	34.454.762
Chứng khoán nợ chưa niêm yết khác	1.600.006	5.487.028
Chứng khoán vốn niêm yết	15.357	15.357
	75.313.521	75.959.904

Phân tích chất lượng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành và trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	44.010.871	34.454.762

Thời hạn và lãi suất năm của các chứng khoán nợ sẵn sàng để bán tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2021		31/12/2020	
	Kỳ hạn	Lãi suất năm	Kỳ hạn	Lãi suất năm
Trái phiếu Chính phủ	5 năm - 20 năm	1,90% - 9,50%	3 năm - 15 năm	1,50% - 12,00%
Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	1 năm - 8 năm	2,50% - 7,78%	6 tháng - 5 năm	2,80% - 9,00%
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	1 năm - 11 năm	8,00% - 12,00%	1 năm - 11 năm	6,00% - 12,00%

(ii) Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn bao gồm:

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Trái phiếu Chính phủ	722.934	854.344

Thời hạn và lãi suất năm của các chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2021		31/12/2020	
	Kỳ hạn	Lãi suất năm	Kỳ hạn	Lãi suất năm
Trái phiếu Chính phủ	5 năm - 10 năm	2,90% - 9,10%	5 năm - 12 năm	2,90% - 9,10%

14. DỰ PHÒNG RỦI RO CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán	238.024	328.813

Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán trong năm như sau:

	2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
Số dư đầu năm	328.813	151.873
Dự phòng trích lập/(hoàn nhập) trong năm (Thuyết minh 34)	(90.789)	176.940
Số dư cuối năm	238.024	328.813

15. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Phân tích giá trị đầu tư theo loại hình đầu tư

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Đầu tư góp vốn dài hạn khác - giá gốc (i)	249.731	238.602
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (ii)	(21)	(21)
	249.710	238.581

(i) Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2021		31/12/2020	
	Giá gốc	Tỷ lệ năm giữ	Giá gốc	Tỷ lệ năm giữ
	Triệu VND	(%)	Triệu VND	(%)
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	185.276	7,44	185.276	7,44
Công ty Cổ phần Bảo hiểm OPES	60.500	11,00	44.000	11,00
Công ty Cổ phần Thông tin tín dụng	3.934	3,28	3.934	3,28
Công ty Cổ phần Vận tải ITRACO	21	0,64	21	0,64
Công ty Cổ phần Đồng Xuân	-	-	5.000	10,00
Công ty cổ phần Đào tạo và Tư vấn Ngân hàng	-	-	371	5,29
	249.731		238.602	

(ii) Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
Số dư đầu năm	21	74.177
Dự phòng hoàn nhập trong năm (Thuyết minh 37)	-	(74.156)
Số dư cuối năm	21	21

16. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH
Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.016.630	1.028.706	156.670	126.821	69.314	2.398.141
Tăng trong năm	509	3.479	21.978	2.321	-	28.287
Thanh lý, nhượng bán	-	(14.135)	(10.355)	(1.930)	(2.882)	(29.302)
Biến động khác	-	155.349	(42)	6.308	284	161.899
Số dư cuối năm	1.017.139	1.173.399	168.251	133.520	66.716	2.559.025
Hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	93.270	812.228	114.373	104.121	61.986	1.185.978
Khấu hao trong năm	26.405	121.415	14.688	16.617	4.767	183.892
Thanh lý, nhượng bán	-	(14.110)	(8.923)	(1.887)	(2.882)	(27.802)
Biến động khác	-	53	(42)	(11)	-	-
Số dư cuối năm	119.675	919.586	120.096	118.840	63.871	1.342.068
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	923.360	216.478	42.297	22.700	7.328	1.212.163
Số dư cuối năm	897.464	253.813	48.155	14.680	2.845	1.216.957

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 879.779 triệu VND (31 tháng 12 năm 2020: 694.034 triệu VND).

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.017.311	998.508	162.428	127.342	74.519	2.380.108
Tăng trong năm	-	10.698	12.282	341	-	23.321
Thanh lý, nhượng bán	(681)	(25.165)	(18.040)	(6.947)	(6.030)	(56.863)
Biến động khác	-	44.665	-	6.085	825	51.575
Số dư cuối năm	1.016.630	1.028.706	156.670	126.821	69.314	2.398.141
Hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	67.409	710.027	112.969	88.246	58.767	1.037.418
Khấu hao trong năm	26.340	127.333	15.861	22.799	9.249	201.582
Thanh lý, nhượng bán	(479)	(25.132)	(14.457)	(6.924)	(6.030)	(53.022)
Số dư cuối năm	93.270	812.228	114.373	104.121	61.986	1.185.978
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	949.902	288.481	49.459	39.096	15.752	1.342.690
Số dư cuối năm	923.360	216.478	42.297	22.700	7.328	1.212.163

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 694.034 triệu VND (31 tháng 12 năm 2019: 611.069 triệu VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

17. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	65.127	1.286.591	1.351.718
Mua trong năm	-	11.090	11.090
Tăng khác	-	189.595	189.595
Số dư cuối năm	65.127	1.487.276	1.552.403
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	868	700.183	701.051
Khấu hao trong năm	-	195.336	195.336
Số dư cuối năm	868	895.519	896.387
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	64.259	586.408	650.667
Số dư cuối năm	64.259	591.757	656.016

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 440.184 triệu VND (31 tháng 12 năm 2020: 257.826 triệu VND).

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	69.147	1.033.336	1.102.483
Mua trong năm	-	2.213	2.213
Thanh lý, nhượng bán	(4.020)	-	(4.020)
Tăng khác	-	251.042	251.042
Số dư cuối năm	65.127	1.286.591	1.351.718
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	868	521.333	522.201
Khấu hao trong năm	-	178.850	178.850
Số dư cuối năm	868	700.183	701.051
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	68.279	512.003	580.282
Số dư cuối năm	64.259	586.408	650.667

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 257.826 triệu VND (31 tháng 12 năm 2019: 194.190 triệu VND)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

18. TÀI SẢN CÓ KHÁC

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Các khoản phải thu nội bộ	153.154	138.461
Các khoản phải thu bên ngoài	38.797.967	17.195.533
Trong đó:		
▶ Phải thu liên quan thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay (*)	35.569.214	13.990.996
▶ Đặt cọc theo các hợp đồng kinh tế	749.133	731.258
▶ Tài sản có rủi ro tín dụng	33.063	113.676
▶ Phải thu về hoạt động thanh toán	998.990	178.424
▶ Tạm ứng nhà cung cấp	214.297	115.979
▶ Phải thu bên ngoài khác	1.233.270	2.065.200
Mua sắm tài sản cố định	63.797	74.288
Xây dựng cơ bản dở dang	407	1.069
Các khoản lãi, phí phải thu	4.897.204	5.036.836
Tài sản Có khác (i)	1.893.820	2.345.902
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác (ii)	(52.327)	(40.278)
	45.754.022	24.751.811

(*) Đây là các khoản phải thu từ những người mua hàng hóa là khách hàng của Ngân hàng liên quan đến bộ chứng từ trả chậm có thể thanh toán ngay theo thư tín dụng do Ngân hàng phát hành. Theo đó, ngân hàng đối ứng thanh toán cho người hưởng (người bán hàng) trước ngày đáo hạn bộ chứng từ trả chậm.

Phân tích chất lượng tài sản có khác được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	-	113.676
Nợ có khả năng mất vốn	33.063	-
	33.063	113.676

(i) Tài sản Có khác

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Vật liệu	10.473	12.242
Chi phí trả trước chờ phân bổ	1.571.506	1.893.821
Tài sản bảo đảm nhận thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm đã chuyển quyền sở hữu cho tổ chức tín dụng chờ xử lý	311.841	439.839
▶ Trong đó: Bất động sản	311.841	439.839
	1.893.820	2.345.902

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

(ii) Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Dự phòng rủi ro tín dụng	-	556
▶ Dự phòng chung	-	556
Dự phòng rủi ro nợ phải thu khó đòi	52.327	39.722
	52.327	40.278

Biến động dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác trong năm như sau:

	2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
Số dư đầu năm	40.278	28.643
Dự phòng trích lập trong năm	12.049	11.635
Trong đó:		
▶ (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng tài sản có rủi ro tín dụng (Thuyết minh 38)	(556)	308
▶ Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh 37)	12.605	11.327
Số dư cuối năm	52.327	40.278

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, VPB không có nợ phải thu không có khả năng thu hồi đã xử lý tài chính.

19. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Vay NHNNVN	8.452.993	13.780
Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước	1.382	440
	8.454.375	14.220

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tiền vay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có kỳ hạn từ 2 tuần đến 12 tháng và lãi suất từ 2,50% đến 3,30%/năm (31 tháng 12 năm 2020: kỳ hạn 12 tháng và lãi suất 3,50%/năm).

20. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG, TỔ CHỨC TÀI CHÍNH KHÁC

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn của các TCTD khác		
Bằng VND	3.781.884	7.674
Bằng ngoại tệ	18	20
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác		
Bằng VND	39.215.499	8.324.250
Bằng ngoại tệ	4.109.400	1.039.500
	47.106.801	9.371.444
Vay các TCTD, TCTC khác		
Vay các TCTD, TCTC khác bằng VND	7.854.569	9.259.665
Vay các TCTD, TCTC khác bằng ngoại tệ (*)	23.784.083	23.782.622
Phải trả trong nghiệp vụ thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay	35.873.653	14.097.551
	67.512.305	47.139.838
	114.619.106	56.511.282

(*) Bao gồm 254 triệu USD tương đương 5.805.184 triệu VND vốn vay từ Công ty Tài chính Quốc tế IFC (31 tháng 12 năm 2020: 318 triệu USD tương đương 7.347.290 triệu VND).

	31/12/2021 %/năm	31/12/2020 %/năm
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	0,70% - 3,30%	0,10% - 3,85%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,10% - 0,25%	0,12%
Tiền vay bằng VND	1,70% - 4,98%	0,75% - 6,50%
Tiền vay bằng ngoại tệ	0,47% - 9,00%	0,70% - 8,20%

21. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	51.840.603	34.143.854
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	1.163.804	1.345.738
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	185.652.557	194.804.424
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	2.097.592	2.223.938
Tiền ký quỹ		
Tiền ký quỹ bằng VND	796.886	783.043
Tiền ký quỹ bằng ngoại tệ	207.222	87.666
Tiền gửi vốn chuyên dùng		
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND	16.714	11.598
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	61.650	27.692
	241.837.028	233.427.953

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp như sau:

	31/12/2021		31/12/2020	
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Công ty Nhà nước	1.719.830	0,71	2.915.349	1,25
Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	1.740.736	0,72	1.641.028	0,70
Công ty TNHH hai thành viên trở lên có phần vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối	101.457	0,04	119.481	0,05
Công ty TNHH khác	30.411.250	12,58	26.591.293	11,39
Công ty cổ phần có vốn góp của Nhà nước trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối	4.644.930	1,92	4.292.174	1,84
Công ty cổ phần khác	84.611.437	34,99	71.222.321	30,51
Công ty hợp danh	4.558	0,00	7.499	0,00
Doanh nghiệp tư nhân	38.041	0,02	33.154	0,01
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	446.133	0,18	1.261.113	0,54
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	137.984	0,06	514.857	0,22
Hộ kinh doanh, cá nhân	114.643.104	47,41	121.299.803	51,96
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	2.982.130	1,23	3.364.262	1,44
Khách hàng khác	355.438	0,14	165.619	0,09
	241.837.028	100	233.427.953	100

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2021 %/năm	31/12/2020 %/năm
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,10% - 0,20%	0,20%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00%	0,00%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	0,20% - 10,00%	0,20% - 10,00%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00% - 1,20 %	0,00% - 2,40%

22. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TỔ CHỨC TÍN DỤNG CHỊU RỦI RO

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VND từ Dự án hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) (i)	103.930	187.156

- (i) Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro có kỳ hạn từ 3 năm đến 10 năm và lãi suất 3,864%/năm (31 tháng 12 năm 2020: kỳ hạn từ 2 năm đến 10 năm và lãi suất 4,176%/năm).

23. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Giấy tờ có giá đã phát hành được phân loại theo kỳ hạn gốc như sau:

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Dưới 12 tháng	13.641.941	6.283.399
Từ 12 tháng đến dưới 5 năm	66.273.051	54.893.029
Từ 5 năm trở lên	1.380.671	1.669.060
	81.295.633	62.845.488

Giấy tờ có giá đã phát hành được phân loại theo loại hình như sau:

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Chứng chỉ tiền gửi phát hành cho khách hàng cá nhân	393.779	520.237
Chứng chỉ tiền gửi phát hành cho khách hàng tổ chức	34.542.604	30.134.841
Trái phiếu (*)	46.359.250	32.190.410
	81.295.633	62.845.488

- (*) Bao gồm 300 triệu USD tương đương 6.849.000 triệu VND (31 tháng 12 năm 2020: 300 triệu USD tương đương 6.930.000 triệu VND) trái phiếu quốc tế với mệnh giá 1.000 USD/trái phiếu, kỳ hạn 36 tháng, lãi suất năm 6,25%, phát hành ngày 17 tháng 7 năm 2019. Tiền lãi phải trả 6 tháng/lần.

24. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Các khoản lãi, phí phải trả	5.557.507	6.452.780
Các khoản phải trả và công nợ khác		
Các khoản phải trả nội bộ	446.723	757.681
▶ Các khoản phải trả công nhân viên	446.723	757.681
Các khoản phải trả bên ngoài	8.816.990	5.896.640
▶ Các khoản khách hàng trả trước	853.129	984.922
▶ Doanh thu chờ phân bổ	277.611	343.963
▶ Các khoản treo chờ chuyển tiền	357.376	269.657
▶ Thuế và các khoản phải trả Ngân sách Nhà nước (Thuyết minh 26)	4.689.105	1.345.951
▶ Phải trả về hoạt động thanh toán	882.715	783.746
▶ Phải trả nhà cung cấp	6.823	7.942
▶ Các khoản phải trả khác	1.750.231	2.160.459
	9.263.713	6.654.321
	14.821.220	13.107.101

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(A) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	2.882.333	2.592.480
Điều chỉnh số thuế phải nộp các năm trước	4.267	13.215
	2.886.600	2.605.695

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

(B) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
Lợi nhuận trước thuế	14.363.770	13.019.455
Cộng/(trừ):		
▶ Thu nhập không chịu thuế	(1.967)	(5.013)
▶ Giảm trừ khác	(16.493)	(65.068)
▶ Chi phí không được khấu trừ	23.710	12.748
▶ Chi phí liên quan đến hợp nhất báo cáo tài chính	42.643	277
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm	14.411.663	12.962.399
Thuế tính theo thuế suất của VPB	2.882.333	2.592.480
Điều chỉnh số thuế phải nộp các năm trước	4.267	13.215
Chi phí thuế TNDN trong năm	2.886.600	2.605.695
Thuế TNDN phải trả đầu năm	1.169.201	13.215
Thuế TNDN do thoái vốn tại công ty con	4.070.363	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(3.581.137)	(1.923.141)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	4.545.027	1.169.201

(C) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho VPB là 20%.

26. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	1/1/2021	SỐ PHÁT SINH TRONG NĂM		31/12/2021
	Phải trả	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Phải trả
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	49.018	363.841	(352.695)	60.164
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.169.201	6.956.963	(3.581.137)	4.545.027
Các loại thuế khác	127.732	548.006	(591.824)	83.914
	1.345.951	7.868.810	(4.525.656)	4.689.105

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	1/1/2021	Số phát sinh trong năm		31/12/2021
	Phải trả	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Phải trả
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	47.186	365.248	(363.416)	49.018
Thuế thu nhập doanh nghiệp	486.647	2.605.695	(1.923.141)	1.169.201
Các loại thuế khác	89.649	681.440	(643.357)	127.732
	623.482	3.652.383	(2.929.914)	1.345.951

27. VỐN VÀ CÁC QUỸ

Tình hình thay đổi vốn và các quỹ của VPB cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cổ phiếu quỹ	Lợi ích của cổ đồng thiểu số	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư tại ngày 1/1/2020	25.299.680	692.720	1.116.526	3.290.424	2.700.455	11.805.967	(2.696.030)	-	42.209.742
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	10.413.760	-	-	10.413.760
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	520.702	1.041.350	3.242.311	(4.804.363)	-	-	-
Phát hành cổ phiếu cho nhân viên từ cổ phiếu quỹ theo ESOP	-	(326.993)	-	-	-	-	496.993	-	170.000
Số dư tại ngày 31/12/2020	25.299.680	365.727	1.637.228	4.331.774	5.942.766	17.415.364	(2.199.037)	-	52.793.502
Số dư tại ngày 1/1/2021	25.299.680	365.727	1.637.228	4.331.774	5.942.766	17.415.364	(2.199.037)	-	52.793.502
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm	-	-	-	-	-	11.721.208	-	(244.038)	11.477.170
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	1.390.064	2.779.975	884.897	(5.054.936)	-	-	-
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần (*)	19.757.250	-	(807.872)	-	(3.600.000)	(15.349.378)	-	-	-
Phát hành cổ phiếu cho nhân viên từ cổ phiếu quỹ theo ESOP (**)	-	(288.525)	-	-	-	-	438.525	-	150.000
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con	-	-	-	-	-	13.706.956	-	8.150.519	21.857.475
Số dư tại ngày 31/12/2021	45.056.930	77.202	2.219.420	7.111.749	3.227.663	22.439.214	(1.760.512)	7.906.481	86.278.147

(*) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 191/2021/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 9 năm 2021, Ngân hàng đã phát hành thành công 1.975.725.021 cổ phiếu tại ngày 8 tháng 10 năm 2021 để trả cổ tức và để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. Ngày 18 tháng 10 năm 2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phát hành công văn số 6372/UBCK-QLCB về việc nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu nêu trên của Ngân hàng. Theo đó, Ngân hàng đã phát hành thành công toàn bộ số 1.975.725.021 cổ phiếu này.

(**) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 173/2021/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 8 năm 2021, Ngân hàng đã phát hành 15.000.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ nhân viên Ngân hàng từ nguồn cổ phiếu quỹ với giá phát hành bằng mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Ngày 24 tháng 8 năm 2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã phát hành Công văn số 4833/UBCK-QLCB về việc nhận được tài liệu báo cáo kết quả sử dụng cổ phiếu quỹ bán cho người lao động. Theo đó, Ngân hàng đã phát hành thành công toàn bộ số 15.000.000 cổ phiếu này.

28. VỐN CỔ PHẦN

	31/12/2021		31/12/2020	
	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá Triệu VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.505.692.987	45.056.930	2.529.967.966	25.299.680
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.505.692.987	45.056.930	2.529.967.966	25.299.680
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>4.505.692.987</i>	<i>45.056.930</i>	<i>2.529.967.966</i>	<i>25.299.680</i>
Số cổ phiếu được mua lại để làm cổ phiếu quỹ	(60.219.600)	(602.196)	(75.219.600)	(752.196)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>(60.219.600)</i>	<i>(602.196)</i>	<i>(75.219.600)</i>	<i>(752.196)</i>
Số cổ phiếu đang lưu hành	4.445.473.387	44.454.734	2.454.748.366	24.547.484
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>4.445.473.387</i>	<i>44.454.734</i>	<i>2.454.748.366</i>	<i>24.547.484</i>

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000VND mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Ngân hàng. Cổ phiếu quỹ không được thực hiện quyền. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Ngân hàng.

29. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
Thu nhập lãi tiền gửi	128.305	129.584
Thu nhập lãi cho vay	44.083.317	44.937.133
Thu nhập lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán	4.617.157	5.615.740
▶ Từ chứng khoán kinh doanh	33.700	9.200
▶ Từ chứng khoán đầu tư	4.583.457	5.606.540
Thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh	216.850	219.382
Thu nhập lãi từ nghiệp vụ mua nợ	54.691	5.309
Thu khác từ hoạt động tín dụng	1.726.778	1.454.619
	50.827.098	52.361.767

30. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
Trả lãi tiền gửi	9.808.043	13.206.994
Trả lãi tiền vay	1.297.477	1.630.137
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	4.665.994	4.471.532
Chi phí hoạt động tín dụng khác	706.755	707.281
	16.478.269	20.015.944

31. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		
Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	1.358.023	1.016.825
Kinh doanh và dịch vụ đại lý bảo hiểm	2.362.235	2.574.493
Dịch vụ tư vấn	190.091	312.479
Thu khác	2.973.712	2.262.956
	6.884.061	6.166.753
Chi phí hoạt động dịch vụ		
Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	(264.710)	(248.285)
Dịch vụ tư vấn	(8.450)	(16.766)
Hoa hồng môi giới	(1.008.243)	(1.363.950)
Chi khác	(1.543.627)	(1.181.625)
	(2.825.030)	(2.810.626)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	4.059.031	3.356.127

32. LỖ THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
Doanh thu từ kinh doanh ngoại hối		
Hợp đồng tiền tệ giao ngay	1.248.163	1.333.948
Thu nhập kinh doanh vàng	16.766	89.245
Các công cụ phái sinh tiền tệ	4.960.419	1.086.981
	6.225.348	2.510.174
Chi phí từ kinh doanh ngoại hối		
Hợp đồng tiền tệ giao ngay	(442.625)	(710.323)
Chi phí kinh doanh vàng	(32.166)	(110.336)
Các công cụ phái sinh tiền tệ	(5.826.951)	(1.996.722)
	(6.301.742)	(2.817.381)
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(76.394)	(307.207)

33. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
Lãi từ mua bán chứng khoán kinh doanh	113.053	254.201
Lỗ từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(70.054)	(32.284)
(Trích lập)/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm (Thuyết minh 8)	(34.120)	4.549
	8.879	226.466

34. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
Lãi từ mua bán chứng khoán sẵn sàng để bán	3.395.676	1.566.158
Lỗ từ mua bán chứng khoán sẵn sàng để bán	(335.599)	(218.487)
Hoàn nhập/(trích lập) dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán trong năm (Thuyết minh 14)	90.789	(176.940)
	3.150.866	1.170.731

35. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
Thu nhập hoạt động kinh doanh khác		
Thu nhập từ các công cụ tài chính phái sinh khác	1.713.898	911.497
Thu hồi nợ đã xử lý rủi ro	3.287.966	2.128.240
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	1.603	17.853
Thu nhập từ thanh lý tài sản khác	110.514	93.608
Thu nhập từ hoạt động mua bán nợ	-	37.579
Thu từ phạt vi phạm hợp đồng	566	280
Thu nhận hỗ trợ và thu nhập khác	354.157	252.894
	5.468.704	3.441.951
Chi phí hoạt động kinh doanh khác		
Chi về các công cụ tài chính phái sinh khác	(1.247.964)	(816.609)
Chi phí thanh lý tài sản khác	(142.435)	(78.881)
Chi về mua bán nợ	(585.284)	-
Chi phí hoạt động kinh doanh khác	(685.233)	(310.300)
	(2.660.916)	(1.205.790)
Lãi thuần từ hoạt động khác	2.807.788	2.236.161

36. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN MUA CỔ PHẦN

	2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
Thu từ cổ tức	1.967	5.013
Thu nhập thanh lý, thoái vốn đầu tư vào đơn vị khác	509	-
	2.476	5.013

37. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	2.778	4.170
Chi phí cho nhân viên	6.230.506	6.699.495
Trong đó:		
Chi lương và phụ cấp	5.615.916	6.068.496
Các khoản chi đóng góp theo lương	341.240	367.073
Chi trợ cấp	148.772	116.172
Chi khác	124.578	147.754
Chi về tài sản	1.467.665	1.549.971
Trong đó:		
Khấu hao tài sản cố định	379.228	380.432
Chi thuê tài sản khác	748.722	738.018
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	1.054.780	1.306.159
Trong đó:		
Chi công tác phí	13.655	28.058
Chi phí dự phòng rủi ro khác	12.605	(62.829)
Hoàn nhập dự phòng đầu tư dài hạn (Thuyết minh 15)	-	(74.156)
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh 18)	12.605	11.327
Chi phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	176.046	205.015
Chi phí hoạt động khác	1.774.557	1.690.040
	10.718.937	11.392.021

38. CHI PHÍ RỦI RO TÍN DỤNG

	2021 Triệu VND	2020 Triệu VND
Chi phí dự phòng rủi ro cụ thể cho vay khách hàng (Thuyết minh 11)	18.542.262	14.471.773
Chi phí dự phòng rủi ro chung cho vay khách hàng (Thuyết minh 11)	588.623	147.605
Chi phí dự phòng mua nợ (Thuyết minh 12)	5.293	1.952
Chi phí dự phòng cho vay các TCTD khác (Thuyết minh 7)	83.146	-
(Hoàn nhập)/chi phí dự phòng rủi ro các tài sản Có khác (Thuyết minh 18)	(556)	308
	19.218.768	14.621.638

39. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Tiền mặt và vàng	2.345.733	3.282.556
Tiền gửi tại NHNNVN	10.860.730	5.779.610
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	9.173.110	2.440.225
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi	31.156.620	11.388.800
Chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua	241.735	-
	53.777.928	22.891.191

40. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2021	2020 (điều chỉnh lại)	2020 (theo báo cáo trước đây)
Lợi nhuận thuần trong năm thuộc về cổ đông phổ thông (Triệu VND)	11.721.208	10.413.760	10.413.760
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm (Cổ phiếu) (*)	4.428.903.799	4.388.459.578	2.438.073.503
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.647	2.373	4.271

(*) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm:

	2021 Cổ phiếu	2020 Cổ phiếu (điều chỉnh lại)	2020 Cổ phiếu (theo báo cáo trước đây)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	4.418.473.835	4.387.874.342	2.437.748.366
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành cho nhân viên từ cổ phiếu quỹ năm 2020	-	585.236	325.137
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành cho nhân viên từ cổ phiếu quỹ năm 2021	10.429.964	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	4.428.903.799	4.388.459.578	2.438.073.503

Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2020 đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu trong năm 2021.

41. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN

	2021	2020
Số lượng cán bộ, công nhân viên bình quân (người)	23.307	24.037
Thu nhập của cán bộ, công nhân viên (triệu VND)	5.749.305	6.083.368
▶ Tổng quỹ lương (triệu VND)	5.490.524	5.799.883
▶ Thu nhập khác (triệu VND)	258.781	283.485
Tiền lương bình quân/tháng (triệu VND/người/tháng)	19,63	20,11
Thu nhập bình quân/tháng (triệu VND/người/tháng)	20,56	21,09

42. NGHĨA VỤ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

	31/12/2021 Triệu VND			31/12/2020 Triệu VND		
	Giá trị theo hợp đồng - gộp	Tiền gửi ký quỹ	Giá trị theo hợp đồng - thuần	Giá trị theo hợp đồng - gộp	Tiền gửi ký quỹ	Giá trị theo hợp đồng - thuần
Bảo lãnh vay vốn	28.721	-	28.721	33.721	-	33.721
Cam kết giao dịch hối đoái	116.395.985	-	116.395.985	122.301.777	-	122.301.777
▶ Cam kết mua ngoại tệ	520.241	-	520.241	2.243.568	-	2.243.568
▶ Cam kết bán ngoại tệ	155.144	-	155.144	6.932.263	-	6.932.263
▶ Cam kết giao dịch hoán đổi tiền tệ	115.720.600	-	115.720.600	113.125.946	-	113.125.946
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	50.011.565	(226.983)	49.784.582	22.194.102	(298.876)	21.895.226
Bảo lãnh khác	17.402.874	(584.381)	16.818.493	17.456.794	(571.833)	16.884.961
Cam kết khác	266.901.038	-	266.901.038	263.281.970	-	263.281.970
Trong đó: Hạn mức tín dụng chưa sử dụng có thể hủy ngang	164.431.886	-	164.431.886	141.928.441	-	141.928.441

43. TÀI SẢN, GIẤY TỜ CÓ GIÁ ("GTCTG") THẾ CHẤP, CẦM CỐ VÀ CHIẾT KHẤU, TÁI CHIẾT KHẤU

Tài sản, GTCTG nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	GIÁ TRỊ GHI SỔ	
	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Của khách hàng		
Bất động sản	462.522.578	361.660.948
Động sản	58.498.987	47.726.263
Giấy tờ có giá	265.743.561	197.136.412
Các tài sản đảm bảo khác	288.885.946	245.421.625
	1.075.651.072	851.945.248
Của các TCTD khác		
Giấy tờ có giá	8.441.805	1.997.296
	1.084.092.877	853.942.544

Tài sản, GTCTG đưa đi thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	31/12/2021 Triệu VND	31/12/2020 Triệu VND
Giấy tờ có giá đưa đi thế chấp cầm cố	2.905.850	3.075.000
Giấy tờ có giá bán và cam kết mua lại	11.885.000	-
Tài sản khác đưa đi thế chấp cầm cố	17.226.698	21.680.226
	32.017.548	24.755.226

44. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, VPB có thực hiện các giao dịch với các bên liên quan.

Số dư với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm như sau:

	SỐ DƯ	
	31/12/2021 Triệu VND Tài sản/ (Nợ phải trả)	31/12/2020 Triệu VND Tài sản/ (Nợ phải trả)
<i>Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc</i>		
▶ Tiền gửi ngân hàng	(64.900)	(31.851)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

GIAO DỊCH		
	2021 Triệu VND Doanh thu/ (chi phí)	2020 Triệu VND Doanh thu/ (chi phí)
<i>Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc</i>		
▶ Chi phí lãi tiền gửi	(1.731)	(1.898)
▶ Thù lao của Thành viên Hội đồng Quản trị	(10.800)	(8.656)
▶ Thù lao, chi phí lương và phụ cấp khác của Thành viên Ban Kiểm soát	(7.488)	(6.776)
▶ Chi phí lương và phụ cấp khác của Thành viên Ban Tổng Giám đốc	(51.097)	(78.680)

45. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các đối tác của VPB tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	Tổng dư nợ cho vay	Tổng tiền gửi, tiền vay	Các cam kết tín dụng	Công cụ tài chính phái sinh	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Trong nước	373.105.198	402.042.482	66.631.796	61.350	83.041.516
Nước ngoài	-	44.267.590	-	41.949	-
	373.105.198	446.310.072	66.631.796	103.299	83.041.516

Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các đối tác của VPB tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Tổng dư nợ cho vay	Tổng tiền gửi, tiền vay	Các cam kết tín dụng	Công cụ tài chính phái sinh	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Trong nước	296.802.101	318.236.219	38.813.908	127.895	77.307.462
Nước ngoài	-	34.749.880	-	11.930	-
	296.802.101	352.986.099	38.813.908	139.825	77.307.462

46. RỦI RO TÀI CHÍNH

Thuyết minh này cung cấp thông tin về các rủi ro mà VPB có thể gặp phải và mô tả chi tiết các phương pháp mà Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng sử dụng để kiểm soát rủi ro. Các loại rủi ro tài chính quan trọng nhất mà VPB thường gặp phải là rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

Khung quản lý rủi ro

Hội đồng Quản trị ("HĐQT") Ngân hàng có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát tình hình thực hiện một khuôn khổ quản lý rủi ro thống nhất, đồng thời chịu trách nhiệm cuối cùng và cao nhất về chất lượng, hiệu quả quản lý rủi ro của VPB. Để hỗ trợ vai trò giám sát này, HĐQT Ngân hàng đã thành lập Hội đồng Quản lý Tài sản có/tài sản nợ ("ALCO") và Ủy ban Quản lý Rủi ro ("RCO"), các hội đồng/ủy ban này có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro quan trọng theo từng lĩnh vực được HĐQT ủy quyền và định kỳ báo cáo lên HĐQT về các hoạt động của mình. Thành viên của các hội đồng bao gồm các thành viên có quyền biểu quyết và các thành viên không có quyền biểu quyết.

Khung quản lý rủi ro của VPB được thiết lập nhằm xác lập các nguyên tắc chủ chốt trong hoạt động quản lý và kiểm soát những rủi ro trọng yếu phát sinh từ các hoạt động VPB. Trên cơ sở này, chính sách quản lý rủi ro của VPB được thiết lập nhằm xác định và phân tích những rủi ro mà VPB gặp phải, nhằm lập ra các hạn mức rủi ro phù hợp và các biện pháp kiểm soát, và nhằm giám sát rủi ro và tuân thủ các hạn mức.

Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được thường xuyên soát xét để cập nhật những thay đổi về điều kiện thị trường, các sản phẩm và dịch vụ VPB cung cấp. Thông qua các hoạt động đào tạo; các tiêu chuẩn và hệ thống quản lý, VPB hướng đến việc phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính tích cực, trong đó toàn bộ các nhân viên của VPB hiểu rõ được vai trò và nghĩa vụ của mình.

47. RỦI RO TÍN DỤNG

VPB chịu rủi ro tín dụng trong hoạt động cấp tín dụng cho khách hàng, gửi tiền tại và cho vay các TCTD khác và đầu tư trái phiếu doanh nghiệp cũng như khi VPB đóng vai trò trung gian thay mặt khách hàng hay các bên thứ ba khác hay khi VPB cấp bảo lãnh. Rủi ro tín dụng phát sinh khi khách hàng, bên có nghĩa vụ hoặc đối tác không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo các cam kết và thỏa thuận đã ký với VPB. Rủi ro tín dụng chính mà VPB gặp phải phát sinh từ hoạt động cho vay và ứng trước khách hàng doanh nghiệp, cho vay và ứng trước khách hàng bán lẻ và đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị ghi sổ của các tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Ngoài ra, VPB còn gặp phải rủi ro tín dụng ngoại bảng dưới dạng các cam kết bảo lãnh, thư tín dụng chứng từ và các công cụ tài chính phái sinh.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro có tác động lớn nhất đến thu nhập và vốn của VPB. VPB xây dựng khẩu vị rủi ro tín dụng theo tôn chỉ quản lý các hoạt động tín dụng một cách thận trọng và các giới hạn cấp tín dụng bao gồm giới hạn rủi ro tập trung tín dụng và nằm trong khả năng chịu đựng rủi ro của VPB. Về nguyên tắc, VPB nhận dạng và quản lý các rủi ro tín dụng tại tất cả các hoạt động và sản phẩm tiềm ẩn rủi ro và đảm bảo rằng VPB chỉ cung cấp các sản phẩm mới khi có đầy đủ các quy định, quy trình liên quan đến sản phẩm mới, hoạt động trên thị trường mới nhằm nhận dạng, đo lường, đánh giá, theo dõi và kiểm soát các rủi ro phát sinh trọng yếu. Để quản lý rủi ro tín dụng, VPB chủ trương giao dịch với các đối tác đáng tin cậy, và yêu cầu đối tác phải có các biện pháp bảo đảm khi cần thiết.

Hệ thống quản lý rủi ro tín dụng được vận hành theo nguyên tắc độc lập và tập trung hóa. Theo đó, công tác xây dựng chính sách rủi ro, xác định giới hạn rủi ro và công tác theo dõi, báo cáo và kiểm soát rủi ro được thực hiện độc lập và tập trung tại Khối Quản trị Rủi ro. Các báo cáo của Khối Quản trị Rủi ro là cơ sở để Ủy ban Quản lý Rủi ro (RCO) ban hành các quyết định tín dụng quan trọng.

VPB thực hiện đo lường rủi ro tín dụng, thực hiện trích lập dự phòng và tuân thủ các tỷ lệ an toàn cho các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng và cho các tổ chức tín dụng khác trên cơ sở áp dụng các quy định của NHNNVN.

Cách tiếp cận tổng thể của VPB đối với rủi ro tín dụng là cách tiếp cận theo mức độ rủi ro. Theo đó, các quyết định phê duyệt, định giá tín dụng cũng như các biện pháp ứng xử về giám sát, phân luồng tín dụng và kiểm soát rủi ro tín dụng đang được thiết kế phù hợp theo mức độ rủi ro của khách hàng. Để đạt được mục tiêu này, các hoạt động quan trọng mà VPB đang thực hiện bao gồm những nội dung sau:

- ▶ Tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng dữ liệu phục vụ công tác xây dựng các hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại rủi ro theo chuẩn mực quốc tế;
- ▶ Xây dựng và hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng và hệ thống chấm điểm;
- ▶ Tập hợp và rà soát các chính sách/văn bản tín dụng toàn hệ thống để đánh giá lại tính đồng bộ và mức độ đáp ứng các yêu cầu được đặt ra trong Chính sách khung quản trị rủi ro;
- ▶ Hoàn thiện cơ chế giám sát chất lượng tín dụng cho toàn bộ vòng đời của khoản vay;
- ▶ Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm rủi ro tín dụng; và
- ▶ Xây dựng hệ thống thu hồi nợ và tái cấu trúc nợ.

Số liệu thể hiện mức độ rủi ro tín dụng nội bảng tối đa của VPB, không tính đến tài sản đảm bảo hay các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng, bao gồm:

Tại 31 tháng 12 năm 2021

(Triệu VND)	Chưa quá hạn và chưa phải lập dự phòng	Đã quá hạn nhưng chưa phải lập dự phòng	Đã quá hạn và đã trích lập dự phòng	Tổng cộng
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	57.187.774	-	-	57.187.774
Chứng khoán kinh doanh - gộp	7.005.061	-	-	7.005.061
Cho vay khách hàng và mua nợ - gộp	323.192.353	2.502.755	30.552.046	356.247.154
Chứng khoán đầu tư - gộp	76.036.455	-	-	76.036.455
Tài sản Có khác - gộp	45.714.931	33.063	58.355	45.806.349
	509.136.574	2.535.818	30.610.401	542.282.793

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Triệu VND)	Chưa quá hạn và chưa phải lập dự phòng	Đã quá hạn nhưng chưa phải lập dự phòng	Đã quá hạn và đã trích lập dự phòng	Tổng cộng
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	19.554.808	-	-	19.554.808
Chứng khoán kinh doanh - gộp	493.214	-	-	493.214
Cho vay khách hàng và mua nợ - gộp	266.162.702	3.799.839	21.113.777	291.076.318
Chứng khoán đầu tư - gộp	76.814.248	-	-	76.814.248
Tài sản Có khác - gộp	24.734.415	-	57.674	24.792.089
	387.759.387	3.799.839	21.171.451	412.730.677

Bảng trên thể hiện trường hợp xấu nhất với mức độ mất vốn tối đa của VPB tại ngày kết thúc kỳ kế toán, chưa tính đến bất kỳ các tài sản thế chấp được nắm giữ hay các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng nào.

Các tài sản tài chính quá hạn của VPB được phân loại theo từng đối tác có rủi ro tín dụng theo phương pháp định lượng được hướng dẫn theo Thông tư 11, Thông tư 01, Thông tư 03, Thông tư 14 và Công văn 7751.

Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng chưa phải lập dự phòng là do VPB đang nắm giữ các tài sản đảm bảo đủ bù đắp các tổn thất tín dụng theo quy định hiện hành hoặc tài sản tài chính quá hạn nhưng chưa cần trích lập dự phòng theo quy định của pháp luật.

VPB hiện đang nắm giữ các tài sản đảm bảo là bất động sản, động sản, các giấy tờ có giá và các loại tài sản đảm bảo khác cho các tài sản này. VPB chưa xác định được đầy đủ giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo này do chưa có các hướng dẫn cụ thể cũng như chưa có các thông tin thị trường cần thiết.

48. RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản có thể xảy ra khi VPB không cân đối đủ tiền để có thể đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán đến hạn; hoặc có thể đáp ứng các nghĩa vụ thanh toán đến hạn nhưng phải chịu tổn thất lớn để thực hiện các nghĩa vụ đó. Rủi ro này có thể gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận, vốn, danh tiếng của VPB; thậm chí có thể làm cho VPB bị phá sản.

Quản lý rủi ro thanh khoản

VPB thực hiện quản lý thanh khoản của toàn VPB và theo từng loại tiền chính (VND, USD) theo cơ chế, quy trình điều tiết, giám sát và quản lý thanh khoản được quy định cụ thể trong chính sách và các quy định, quy trình về quản lý thanh khoản. Theo đó, quản trị rủi ro thanh khoản của VPB được thực hiện thông qua sự phối hợp chặt chẽ giữa 3 Khối/trung tâm là: Trung tâm Quản lý tài sản Nợ - Có, Khối Quản trị Rủi ro và Khối Thị trường tài chính. Trong đó, Khối Thị trường tài chính có vai trò chủ đạo trong việc quản lý thanh khoản ngắn hạn và Trung tâm Quản lý tài sản Nợ - Có có vai trò chủ đạo trong việc quản lý thanh khoản dài hạn trên cơ sở phù hợp và tuân thủ với khẩu vị rủi ro, chỉ tiêu rủi ro, chiến lược và chính sách quản trị rủi ro thanh khoản do Khối Quản trị Rủi ro chịu trách nhiệm xây dựng.

VPB luôn duy trì một danh mục và khối lượng cụ thể của các tài sản có tính thanh khoản cao, có thể bao gồm nhưng không hạn chế: tiền mặt, vàng, tiền gửi liên ngân hàng, trái phiếu Chính phủ và các tài sản khác có tính thanh khoản cao khác để đảm bảo luôn đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán đến hạn trong điều kiện bình thường cũng như trong hoàn cảnh căng thẳng mà không phát sinh các tổn thất không chấp nhận được hoặc gây ra tác động tiêu cực đến hình ảnh của VPB. Trong từng thời kỳ, dựa trên cấu trúc về Tài sản Nợ - Tài sản Có của VPB mà VPB sẽ xây dựng các hạn mức chênh lệch thanh khoản cụ thể và tuân thủ nghiêm túc.

VPB hiểu rõ mối quan hệ qua lại của các rủi ro tín dụng, thị trường tác động đến khả năng thanh khoản của VPB. VPB nhận thức rõ ràng rủi ro thanh khoản đến từ hai phía của bảng cân đối tài sản VPB. Vì vậy, cách tiếp cận quản lý rủi ro thanh khoản của VPB luôn chú trọng việc đa dạng hóa hoạt động đầu tư, tín dụng và tăng cường khả năng tiếp cận thị trường vốn bằng nhiều công cụ và sản phẩm huy động vốn khác nhau.

VPB áp dụng cả hai cách tiếp cận phổ biến về quản lý rủi ro thanh khoản là cách tiếp cận theo thời điểm và cách tiếp cận theo thời kỳ. Theo đó, VPB theo dõi hàng ngày tình hình tuân thủ các tỷ lệ an toàn về thanh khoản và đồng thời dự báo biến động của các dòng tiền tác động đến khả năng thanh khoản của VPB trong tương lai đảm bảo tại mọi thời điểm luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của NHNNVN và các quy định nội bộ của VPB.

Các giới hạn rủi ro thanh khoản được thiết lập dựa trên kết quả dự báo thanh khoản của VPB trong hoàn cảnh bình thường cũng như trong các điều kiện căng thẳng trên thị trường. VPB định kỳ thực hiện các kịch bản căng thẳng thanh khoản khác nhau để kiểm tra khả năng đáp ứng thanh khoản của VPB trong các tình huống bất lợi. Đồng thời cũng ban hành quy định cụ thể về kế hoạch dự phòng thanh khoản (LCP), theo đó quy định rõ vai trò, trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân và quy trình phối hợp thực hiện ngay khi có dấu hiệu của một sự kiện căng thẳng thanh khoản có thể xảy ra.

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và nợ phải trả của VPB theo các nhóm kỳ đáo hạn tương ứng tính theo thời hạn còn lại từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phải thanh toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (Triệu VND)	QUÁ HẠN		TRONG HẠN				
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Tài sản							
Tiền mặt và vàng	-	-	2.345.733	-	-	-	2.345.733
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	10.860.730	-	-	-	10.860.730
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	83.146	-	45.436.490	5.150.625	6.517.513	-	57.187.774
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	7.005.061	-	-	-	7.005.061
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	(35.211)	(9.761)	(23.053)	-	103.299
Cho vay khách hàng và mua nợ - gộp	11.498.869	7.668.683	44.014.900	38.066.944	96.767.365	40.411.528	356.247.154
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	-	615.435	338.950	5.311.265	32.116.374	76.036.455
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	-	-	-	-	249.731	249.731
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	427.310	1.872.973
Tài sản Có khác - gộp	58.355	33.063	16.197.001	9.978.086	19.539.844	-	45.806.349
	11.640.370	7.701.746	126.440.139	53.524.844	128.112.934	74.223.296	557.715.259
Nợ phải trả							
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	8.444.199	2.181	7.995	-	8.454.375
Tiền gửi và vay các TCTD, TCTC khác	-	-	56.670.478	15.081.662	30.998.289	340	114.619.106
Tiền gửi của khách hàng	-	-	107.505.698	60.863.995	71.127.796	1.420	241.837.028
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	324	16.741	39.815	3.356	103.930
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	2.771.241	7.504.986	36.822.972	-	81.295.633
Các khoản nợ khác	-	-	13.632.066	303.411	734.273	-	14.821.220
	-	-	189.024.006	83.772.976	139.731.140	5.116	461.131.292
Mức chênh lệch thanh khoản thuận	11.640.370	7.701.746	(62.583.867)	(30.248.132)	(11.618.206)	74.218.180	96.583.967

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Triệu VND)		QUÁ HẠN		TRONG HẠN					Tổng cộng
		Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	
Tài sản									
Tiền mặt và vàng	-	-	-	3.282.556	-	-	-	-	3.282.556
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	-	5.779.610	-	-	-	-	5.779.610
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	-	-	13.428.287	4.093.081	1.986.821	46.619	-	19.554.808
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	-	493.214	-	-	-	-	493.214
Cho vay khách hàng và mua nợ - gộp	8.839.008	3.870.626		38.630.128	30.511.727	86.934.971	91.185.527	31.104.331	291.076.318
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	-	-	265.074	814.128	8.695.894	41.859.708	25.179.444	76.814.248
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	-	-	-	-	-	-	238.602	238.602
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	455.959	1.406.871	1.862.830
Tài sản Có khác - gộp	50.291	7.383		13.016.818	4.921.853	6.795.744	-	-	24.792.089
	8.889.299	3.878.009		74.895.687	40.340.789	104.413.430	133.547.813	57.929.248	423.894.275
Nợ phải trả									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-		482	2.181	11.557	-	-	14.220
Tiền gửi và vay các TCTD, TCTC khác	-	-		9.772.419	16.616.258	24.811.544	5.303.320	7.741	56.511.282
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	85.097.886	67.255.736	76.002.013	5.071.019	1.299	233.427.953
Các công cụ tài chính phải sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-		3.691	91.376	200.211	(67.837)	(87.616)	139.825
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-		22.741	21.755	120.615	22.045	-	187.156
Phát hành giấy tờ có giá	-	-		2.703.759	4.227.688	21.749.949	33.177.510	986.582	62.845.488
Các khoản nợ khác	-	-		12.332.700	224.828	466.531	83.042	-	13.107.101
	-	-		109.933.678	88.439.822	123.362.420	43.589.099	908.006	366.233.025
Mức chênh lệch thanh khoản thuần	8.889.299	3.878.009		(35.037.991)	(48.099.033)	(18.948.990)	89.958.714	57.021.242	57.661.250

49. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Rủi ro thị trường là rủi ro do những biến động bất lợi và thay đổi của các nhân tố rủi ro thị trường (bao gồm lãi suất, tỷ giá, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường...) gây ra tác động tiêu cực đối với thu nhập và vốn của VPB.

Quản lý rủi ro thị trường

Công tác quản lý rủi ro thị trường được thực hiện tại Phòng Rủi ro Thị trường và Đối tác thuộc Khối Quản trị Rủi ro. Phòng Rủi ro Thị trường và Đối tác chịu trách nhiệm xây dựng chi tiết các chính sách, quy trình; xây dựng các công cụ đo lường; đề xuất hạn mức rủi ro thị trường độc lập trình cấp thẩm quyền phê duyệt và thực hiện giám sát hạn mức rủi ro thị trường hàng ngày/hàng tháng theo quy định của Ngân hàng. Các vấn đề liên quan đến quản trị rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên sổ Ngân hàng thuộc chức năng giám sát và tham mưu của Hội đồng Quản lý Rủi ro Thị trường (MACO).

Về hệ thống các quy định nội bộ quản lý Rủi ro Thị trường, VPB đã ban hành chính sách quản lý Rủi ro Thị trường, quy định các nguyên tắc quản trị rủi ro, vai trò và trách nhiệm các bên liên quan trong quy trình quản trị rủi ro thị trường, quy chuẩn nguyên tắc đo lường và giám sát rủi ro thị trường. Bên cạnh đó, quy định về phân tách Sổ Kinh doanh và Sổ Ngân hàng cũng được ban hành theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và tuân thủ tiêu chuẩn Basel II, đảm bảo quản lý từng công cụ theo bản chất rủi ro gắn liền với công cụ đó. Để quản lý theo cấp độ danh mục, VPB đề ra chiến lược cho từng danh mục của Khối Thị trường Tài chính, được rà soát và cập nhật hàng năm. Chiến lược quy định rõ ràng công cụ hợp lệ, phân tích các rủi ro tiềm ẩn và chiến lược phòng vệ cho từng danh mục.

Các loại rủi ro thị trường của VPB (bao gồm rủi ro tiền tệ, lãi suất, giá hàng hóa, quyền chọn, chênh lệch lợi suất và thanh khoản thị trường) đều được phân tích chuyên sâu, nhận diện, đo lường và quản lý bằng hệ thống các hạn mức nội bộ. Việc quản lý và kiểm soát rủi ro bao gồm các báo cáo rủi ro định kỳ (chủ yếu là hàng ngày) và báo cáo các trường hợp vi phạm hạn mức.

Hệ thống hạn mức rủi ro thị trường được thiết lập dựa trên 2 phương pháp: từ trên xuống (top-down) dựa trên khẩu vị rủi ro của VPB, quy định của NHNNVN và các quy định của đối tác chiến lược và phương pháp từ dưới lên (bottom-up) dựa trên nhu cầu từ đơn vị kinh doanh và phân tích rủi ro-lợi nhuận.

Đối với công tác quản lý rủi ro Đối tác, VPB đã ban hành văn bản về quy định xác định và phê duyệt hạn mức giao dịch của VPB đối với khách hàng là định chế tài chính, trong đó đưa ra quy định để xác định hạn mức cho các giao dịch có yếu tố rủi ro thị trường và rủi ro đối tác, đảm bảo tất cả mọi yếu tố rủi ro đều được cân nhắc trong quy trình cấp hạn mức cho đối tác.

(A) Rủi ro lãi suất

Lãi suất cho các khoản cho vay khách hàng và tiền gửi khách hàng theo loại tiền tệ được trình bày lần lượt tại Thuyết minh 10 và Thuyết minh 21.

Bảng dưới đây trình bày thời hạn định lại lãi suất của tài sản và nợ phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tại 31 tháng 12 năm 2021 (Triệu VND)	Quá hạn	Không hưởng lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản									
Tiền mặt và vàng	-	2.345.733	-	-	-	-	-	-	2.345.733
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	10.860.730	-	-	-	-	-	10.860.730
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	83.146	-	45.436.490	5.150.625	5.644.772	872.741	-	-	57.187.774
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	7.005.061	-	-	-	-	-	7.005.061
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	238.751	(7.010.731)	(5.989.603)	2.121.241	10.743.641	-	103.299
Cho vay khách hàng và mua nợ - gộp	19.167.552	-	188.299.015	34.136.593	30.085.677	29.880.714	53.845.040	832.563	356.247.154
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	15.357	12.556.750	14.030.112	4.165.445	5.499.469	13.845.490	25.923.832	76.036.455
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	249.731	-	-	-	-	-	-	249.731
Tài sản cố định	-	1.872.973	-	-	-	-	-	-	1.872.973
Tài sản Có khác - gộp	91.418	45.714.931	-	-	-	-	-	-	45.806.349
	19.342.116	50.198.725	264.396.797	46.306.599	33.906.291	38.374.165	78.434.171	26.756.395	557.715.259
Nợ phải trả									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	8.444.199	2.181	7.807	188	-	-	8.454.375
Tiền gửi và vay các TCTD, TCTC khác	-	-	63.610.452	19.634.759	23.894.305	7.099.090	380.500	-	114.619.106
Tiền gửi của khách hàng	-	-	107.505.698	60.863.995	52.706.164	18.421.632	2.338.119	1.420	241.837.028
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	325	103.605	-	-	-	-	103.930
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	2.771.241	7.504.986	14.406.169	22.416.803	34.196.434	-	81.295.633
Các khoản nợ khác	-	14.821.220	-	-	-	-	-	-	14.821.220
	-	14.821.220	182.331.915	88.109.526	91.014.445	47.937.713	36.915.053	1.420	461.131.292
Mức chênh lệch cầm với lãi suất nội bảng	19.342.116	35.377.505	82.064.882	(41.802.927)	(57.108.154)	(9.563.548)	41.519.118	26.754.975	96.583.967
Mức chênh lệch cầm với lãi suất ngoại bảng	-	-	-	-	20.444.265	3.105.695	(12.249.110)	(11.300.850)	-
Mức chênh lệch cầm với lãi suất nội, ngoại bảng	19.342.116	35.377.505	82.064.882	(41.802.927)	(36.663.889)	(6.457.853)	29.270.008	15.454.125	96.583.967

Tại 31 tháng 12 năm 2020 (Triệu VND)	Quá hạn	Không hướng lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản									
Tiền mặt và vàng	-	3.282.556	-	-	-	-	-	-	3.282.556
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	5.779.610	-	-	-	-	-	5.779.610
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	-	15.308.286	3.533.081	249.017	417.805	46.619	-	19.554.808
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	493.214	-	-	-	-	-	493.214
Cho vay khách hàng và mua nợ - gộp	12.709.634	-	177.714.267	28.106.701	18.688.678	23.168.807	29.820.656	867.575	291.076.318
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	15.357	13.577.890	13.888.949	4.535.499	1.861.143	18.242.966	24.692.444	76.814.248
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	238.602	-	-	-	-	-	-	238.602
Tài sản cố định	-	1.862.830	-	-	-	-	-	-	1.862.830
Tài sản Có khác - gộp	57.674	24.734.415	-	-	-	-	-	-	24.792.089
	12.767.308	30.133.760	212.873.267	45.528.731	23.473.194	25.447.755	48.110.241	25.560.019	423.894.275
Nợ phải trả									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	440	42	2.181	9.505	2.052	-	-	14.220
Tiền gửi và vay các TCTD, TCTC khác	-	-	21.507.462	16.282.191	4.185.517	13.573.612	962.500	-	56.511.282
Tiền gửi của khách hàng	-	-	85.115.886	67.327.936	49.778.500	26.133.313	5.071.019	1.299	233.427.953
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	271.241	1.118.001	(240.880)	291	(921.212)	(87.616)	139.825
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	154	187.002	-	-	-	-	187.156
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	2.703.759	4.227.688	8.272.919	13.477.030	33.177.510	986.582	62.845.488
Các khoản nợ khác	-	13.107.101	-	-	-	-	-	-	13.107.101
	-	13.107.541	109.598.544	89.144.999	62.005.561	53.186.298	38.289.817	900.265	366.233.025
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội bảng	12.767.308	17.026.219	103.274.723	(43.616.268)	(38.532.367)	(27.738.543)	9.820.424	24.659.754	57.661.250
Mức chênh lệch cam với lãi suất ngoại bảng	-	-	64.167	23.084.985	38.582	2.658.691	(25.846.425)	-	-
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội, ngoại bảng	12.767.308	17.026.219	103.338.890	(20.531.283)	(38.493.785)	(25.079.852)	(16.026.001)	24.659.754	57.661.250

Độ nhạy đối với lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các tài sản và nợ phải trả chịu lãi suất (kể cả các tài sản và nợ phải trả có lãi suất cố định) có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của VPB như sau:

	ẢNH HƯỞNG ĐẾN		
	Mức tăng lãi suất	Lợi nhuận trước thuế Tăng/(giảm) Triệu VND	Lợi nhuận sau thuế và Vốn chủ sở hữu Tăng/(giảm) Triệu VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021			
USD	1,50%	(246.979)	(197.583)
VND	3,00%	1.755.215	1.404.172
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020			
USD	1,50%	(77.266)	(61.812)
VND	3,00%	1.025.496	820.397

(B) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ (hay thường gọi là rủi ro tỷ giá) là rủi ro gây ra tổn thất cho VPB do các thay đổi bất lợi của giá trị hợp lý của các trạng thái khi tỷ giá biến động. Trạng thái ngoại hối cũng như các trạng thái vàng và kim loại quý khác có tiềm ẩn rủi ro tỷ giá. Rủi ro tỷ giá xuất hiện khi danh mục bao gồm các dòng tiền giao ngay hoặc dòng tiền tương lai bằng ngoại tệ. Rủi ro tỷ giá tiềm ẩn trên cả Sổ Kinh doanh và Sổ Ngân hàng. Rủi ro tỷ giá tác động trực tiếp tới bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các loại tài sản, nợ phải trả và thu nhập bằng ngoại tệ cần được chuyển đổi sang nội tệ.

Quản lý rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ được quản lý bằng các công cụ hạn mức cho trạng thái mở ngoại tệ cho từng loại ngoại tệ cũng như tổng trạng thái mở ngoại tệ. VPB sẽ quản lý bằng cách thiết lập các hạn mức trạng thái mở của từng ngoại tệ phù hợp với chiến lược kinh doanh của VPB và quy định của VPB Nhà nước Việt Nam. Đồng Việt Nam là đồng tiền chính trong giao dịch của VPB; đồng Đô la Mỹ được giao dịch chủ yếu trên các khoản cho vay, tiền gửi và phái sinh; các loại ngoại tệ khác chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong tổng tài sản và nợ phải trả của VPB. Các trạng thái mở ngoại tệ được giám sát hàng ngày và các chiến lược phòng vệ được sử dụng để đảm bảo các trạng thái luôn trong hạn mức cho phép.

Tỷ giá của các loại ngoại tệ quan trọng tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày tại Thuyết minh 54.

Phân loại tài sản và nợ phải trả theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VND tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (Triệu VND)	EUR được quy đổi	USD được quy đổi	Vàng được quy đổi	Các ngoại tệ khác được quy đổi	Tổng cộng
Tài sản					
Tiền mặt và vàng	27.428	116.539	81.118	79.031	304.116
Tiền gửi tại NHNNVN	780	2.518.970	-	-	2.519.750
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	160.828	7.381.378	-	260.514	7.802.720
Công cụ phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	16.386.649	-	(68.284)	16.318.365
Cho vay khách hàng và mua nợ - gộp	1.619	6.259.097	-	-	6.260.716
Tài sản Có khác - gộp	18.261	11.492.526	-	13.874	11.524.661
	208.916	44.155.159	81.118	285.135	44.730.328
Nợ phải trả					
Các khoản nợ Chính phủ, NHNNVN và tiền gửi và vay các TCTD, TCTC khác	18.243	39.052.041	-	14.298	39.084.582
Tiền gửi của khách hàng	152.434	3.112.953	-	264.881	3.530.268
Phát hành giấy tờ có giá	-	6.840.647	-	-	6.840.647
Các khoản nợ khác	2.995	466.491	-	961	470.447
	173.672	49.472.132	-	280.140	49.925.944
Trạng thái tiền tệ nội bảng	35.244	(5.316.973)	81.118	4.995	(5.195.616)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	(38.985)	404.059	-	23	365.097
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	(3.741)	(4.912.914)	81.118	5.018	(4.830.519)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Triệu VND)	EUR được quy đổi	USD được quy đổi	Vàng được quy đổi	Các ngoại tệ khác được quy đổi	Tổng cộng
Tài sản					
Tiền mặt và vàng	389.308	118.784	26.311	602.790	1.137.193
Tiền gửi tại NHNNVN	-	225.934	-	-	225.934
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	38.854	8.464.053	-	428.108	8.931.015
Cho vay khách hàng và mua nợ - gộp	2.260	4.473.272	-	-	4.475.532
Tài sản Có khác - gộp	22.076	6.973.994	-	8.082	7.004.152
	452.498	20.256.037	26.311	1.038.980	21.773.826
Nợ phải trả					
Các khoản nợ Chính phủ, NHNNVN và tiền gửi và vay các TCTD, TCTC khác	21.864	31.210.428	-	8.022	31.240.314
Tiền gửi của khách hàng	183.225	3.163.957	-	337.852	3.685.034
Công cụ phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	385.054	(22.976.731)	-	697.646	(21.894.031)
Phát hành giấy tờ có giá	-	6.906.025	-	-	6.906.025
Các khoản nợ khác	5.979	644.033	-	2.460	652.472
	596.122	18.947.712	-	1.045.980	20.589.814
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(143.624)	1.308.325	26.311	(7.000)	1.184.012
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	118.368	(4.807.062)	-	-	(4.688.694)
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	(25.256)	(3.498.737)	26.311	(7.000)	(3.504.682)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Độ nhạy đối với tỷ giá

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của VPB do các thay đổi có thể xảy ra của tỷ giá. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của VPB là không đáng kể. Mức tăng tỷ giá thể hiện đồng USD mạnh lên so với đồng Việt Nam.

	Mức tăng tỷ giá	Ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu Tăng/(giảm) Triệu đồng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021		
USD	2,00%	(85.072)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020		
USD	2,00%	20.933

50. THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

GIÁ TRỊ GHI SỔ						
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (Triệu VND)	Giá trị hợp lý thông qua BCKQHĐKD	Giữ đến ngày đáo hạn	Cho vay và phải thu	Sẵn sàng để bán	Tài sản và nợ khác hạch toán theo giá trị phần bổ	Tổng cộng giá trị ghi sổ
Tài sản tài chính						
Tiền mặt và vàng	-	-	2.345.733	-	-	2.345.733
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	10.860.730	-	-	10.860.730 (*)
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	-	57.187.774	-	-	57.187.774 (*)
Chứng khoán kinh doanh - gộp	7.005.061	-	-	-	-	7.005.061 (*)
Các công cụ tài chính phải sinh các tài sản tài chính khác	103.299	-	-	-	-	103.299 (*)
Cho vay khách hàng và mua nợ - gộp	-	-	356.247.154	-	-	356.247.154 (*)
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán - gộp	-	-	-	75.313.521	-	75.313.521 (*)
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn - gộp	-	722.934	-	-	-	722.934 (*)
Đầu tư dài hạn khác - gộp	-	-	-	249.731	-	249.731 (*)
Tài sản tài chính khác	425.127	37.234	41.768.311	1.417.110	-	43.647.782 (*)
	7.533.487	760.168	468.409.702	76.980.362	-	553.683.719
Nợ phải trả tài chính						
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	-	-	8.454.375	8.454.375 (*)
Tiền gửi và vay các TCTD, TCTC khác	-	-	-	-	114.619.106	114.619.106 (*)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	241.837.028	241.837.028 (*)
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	103.930	103.930 (*)
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	81.295.633	81.295.633 (*)
Các khoản nợ tài chính khác	214.637	-	-	-	9.376.410	9.376.410 (*)
	214.637	-	-	-	455.471.845	455.686.482

(*) Ngân hàng chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản mục này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán áp dụng cho các Tổ chức tín dụng hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

GIÁ TRỊ GHI SỔ						
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Triệu VND)						
	Giá trị hợp lý thông qua BCKQHĐKD	Giữ đến ngày đáo hạn	Cho vay và phải thu	Sẵn sàng để bán	Tài sản và nợ khác hạch toán theo giá trị phân bổ	Tổng cộng giá trị ghi số
Tài sản tài chính						Giá trị hợp lý
Tiền mặt và vàng	-	-	3.282.556	-	-	3.282.556
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	5.779.610	-	-	5.779.610
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	-	19.554.808	-	-	19.554.808
Chứng khoán kinh doanh - gộp	493.214	-	-	-	-	493.214
Cho vay khách hàng và mua nợ - gộp	-	-	291.076.318	-	-	291.076.318
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán - gộp	-	-	-	75.959.904	-	75.959.904
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn - gộp	-	854.344	-	-	-	854.344
Đầu tư dài hạn khác - gộp	-	-	-	238.602	-	238.602
Tài sản tài chính khác	210.656	40.626	19.954.737	1.828.062	-	22.034.081
	703.870	894.970	339.648.029	78.026.568	-	419.273.437
Nợ phải trả tài chính						
Các khoản nợ Chính phủ và NHNNVN	-	-	-	-	14.220	14.220
Tiền gửi và vay các TCTD, TCTC khác	-	-	-	-	56.511.282	56.511.282
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	233.427.953	233.427.953
Các công cụ tài chính phát sinh các khoản nợ tài chính khác	139.825	-	-	-	-	139.825
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	187.156	187.156
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	62.845.488	62.845.488
Các khoản nợ tài chính khác	196.499	-	-	-	10.436.574	10.633.073
	336.324	-	-	-	363.422.673	363.758.997

(*) Ngân hàng chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản mục Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán áp dụng cho các Tổ chức tín dụng hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

51. THUYẾT MINH VỀ BIẾN ĐỘNG LỢI NHUẬN

Lợi nhuận hợp nhất trước thuế của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 tăng 1.344.315 triệu VND so với lợi nhuận hợp nhất trước thuế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, tương đương 10,33% do các nguyên nhân sau:

	Triệu VND
Tăng thu nhập lãi thuần	2.003.006
Tăng lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	702.904
Giảm lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	230.813
Giảm lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(217.587)
Tăng lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	1.980.135
Tăng lãi thuần từ hoạt động khác	571.627
Giảm thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	(2.537)
Giảm chi phí hoạt động	673.084
Tăng chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(4.597.130)
	1.344.315

52. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của VPB tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

(I) Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh

Cho mục đích quản lý, Ngân hàng và các công ty con được tổ chức thành các bộ phận dựa trên các lĩnh vực sau:

Hoạt động ngân hàng:	Các sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng bao gồm:
	▶ Nhận tiền gửi;
	▶ Cấp tín dụng;
	▶ Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản; và
	▶ Các hoạt động ngân hàng khác.
Hoạt động công ty tài chính:	Cho vay tiêu dùng và các hoạt động tài chính khác
Hoạt động quản lý nợ và khai thác tài sản:	Hoạt động quản lý nợ và khai thác tài sản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM

kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và năm kết thúc cùng ngày được trình bày trong bảng sau:

(Triệu VND)	Hoạt động ngân hàng	Hoạt động công ty tài chính	Hoạt động quản lý nợ và khai thác tài sản	Điều chỉnh nội bộ	Tổng cộng
Doanh thu					
Doanh thu lãi	32.214.828	18.752.102	3.678	(143.510)	50.827.098
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	3.652.638	429.806	(2)	(23.411)	4.059.031
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh khác	28.835.879	1.020.027	(623)	(23.961.668)	5.893.615
	64.703.345	20.201.935	3.053	(24.128.589)	60.779.744
Chi phí					
Chi phí lãi	(12.833.390)	(3.803.361)	-	158.482	(16.478.269)
Chi phí khấu hao tài sản cố định	(264.517)	(114.711)	-	-	(379.228)
Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(5.779.920)	(4.559.425)	(364)	-	(10.339.709)
	(18.877.827)	(8.477.497)	(364)	158.482	(27.197.206)
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	45.825.518	11.724.438	2.689	(23.970.107)	33.582.538
Chi phí dự phòng rủi ro	(7.862.503)	(11.331.399)	-	(24.866)	(19.218.768)
Kết quả kinh doanh bộ phận	37.963.015	393.039	2.689	(23.994.973)	14.363.770
Tài sản					
Tiền mặt	2.345.733	-	-	-	2.345.733
Tài sản cố định	1.445.525	427.309	-	139	1.872.973
Tài sản khác	480.651.064	77.201.669	190.646	(14.852.646)	543.190.733
	484.442.322	77.628.978	190.646	(14.852.507)	547.409.439
Nợ phải trả					
Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	401.406.237	59.540.937	-	(9.079.595)	451.867.579
Nợ phải trả nội bộ	431.857	14.366	500	-	446.723
Nợ phải trả khác	6.565.273	2.271.526	27.882	(47.691)	8.816.990
	408.403.367	61.826.829	28.382	(9.127.286)	461.131.292

(II) Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Ngân hàng và các công ty con chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của VPB không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt do VPB hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng nhận định rằng VPB chỉ có một bộ phận theo khu vực địa lý. Theo đó, VPB không cần phải trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

53. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Tại ngày 14 tháng 1 năm 2022, Ngân hàng đã nhận chuyển nhượng 26.186.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC, tương đương tỷ lệ sở hữu 97,42%. Theo đó, Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC chính thức trở thành công ty con của Ngân hàng kể từ ngày 14 tháng 1 năm 2022.

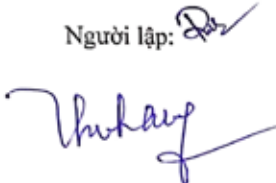
Ngoài sự kiện nêu trên, cho đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2021 có thể ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính của VPB và yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm kết thúc cùng ngày.

54. TỶ GIÁ MỘT SỐ NGOẠI TỆ VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI KỲ KẾ TOÁN NĂM

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được VPB áp dụng:

	Tỷ giá ngày	
	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
AUD	16.678	17.660
CAD	17.969	18.165
CHF	25.021	26.186
CNY	3.596	3.539
DKK	3.160	3.160
EUR	25.990	28.523
GBP	30.911	31.160
JPY	199	224
NZD	17.249	17.249
SEK	3.078	3.078
SGD	16.946	17.504
THB	640	640
USD	22.830	23.100
XAU (*)	613.000	558.250

(*) Đây là tỷ giá cho 0,01 lượng vàng

Người lập: 
Nguyễn Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng

Người kiểm soát: 
Lê Hoàng Khánh An
Giám đốc Tài chính


Người duyệt: 
Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC

Mục lục. Danh mục các chủ đề trọng yếu và mục lục tiêu chuẩn GRI

DANH MỤC	TIÊU CHUẨN GRI	CÔNG BỐ THÔNG TIN (THEO GRI)	TRÍCH DẪN TRANG TRONG BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
GRI 102-1. HỒ SƠ TỔ CHỨC			
1.1	102-1	Tên tổ chức	Trang 130
1.2	102-2	Các hoạt động, thương hiệu, sản phẩm và dịch vụ	
1.3	102-3	Địa điểm của trụ sở chính	
1.4	102-4	Các địa điểm hoạt động	
1.5	102-5	Quyền sở hữu và hình thức pháp lý	Trang 120, 130
1.6	102-6	Các thị trường phục vụ	Trang 11, 130
1.7	102-7	Quy mô của tổ chức	
1.8	102-8	Thông tin về nhân viên và người lao động khác	Trang 89, 130
1.9	102-11	Phương pháp hoặc nguyên tắc phòng ngừa	Trang 46-49, 77
1.10	102-12	Các sáng kiến bên ngoài	Trang 82
GRI 102-2. CHIẾN LƯỢC			
1.11	102-14	Tuyên bố của người ra quyết định cấp cao	Trang 7
1.12	102-15	Các tác động, rủi ro và cơ hội chính	Trang 10, 80
GRI 102-3. ĐẠO ĐỨC VÀ TÍNH CHÍNH TRỰC			
1.13	102-16	Các giá trị, nguyên tắc, tiêu chuẩn và chuẩn mực của hành vi	Trang 90
GRI 102-4. QUẢN TRỊ			
1.14	102-18	Cơ cấu quản trị	Trang 80, 103
1.15	102-19	Phân cấp thẩm quyền	
1.16	102-20	Trách nhiệm của cấp điều hành đối với các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội	
1.17	102-21	Tham vấn các bên liên quan về các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội	
1.18	102-22	Thành phần của cấp quản lý cao nhất và các ủy ban	Chủ tịch của cấp quản lý cao nhất không đồng thời là giám đốc điều hành.
1.19	102-23	Chủ tịch của cấp quản lý cao nhất	
1.20	102-24	Bổ nhiệm và lựa chọn cấp quản lý cao nhất	Trang 86
1.21	102-25	Xung đột lợi ích	Trang 115-116
1.22	102-26	Vai trò của cấp quản lý cao nhất trong việc thiết lập các mục đích, giá trị và chiến lược	Trang 104
1.23	102-28	Đánh giá hiệu quả hoạt động của cấp quản lý cao nhất	Trang 86

1.24	102-29	Nhận diện và quản lý các tác động kinh tế, môi trường và xã hội	Trang 80, 81
1.25	102-30	Hiệu quả của quy trình quản lý rủi ro	Trang 46-49
1.26	102-31	Rà soát các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội	
1.27	102-32	Vai trò của cấp quản lý cao nhất trong lập báo cáo phát triển bền vững	Trang 79
1.28	102-35	Chính sách về thù lao	
1.29	102-36	Quy trình xác định mức thù lao	Trang 86
GRI 102-5. SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN			
1.30	102-40	Danh sách các nhóm bên liên quan	Trang 79
1.31	102-41	Các thỏa ước thương lượng tập thể	Trang 86
1.32	102-42	Nhận diện và lựa chọn các bên liên quan	
1.33	102-43	Phương pháp tiếp cận đối với sự tham gia của bên liên quan	Trang 79
1.34	102-44	Các mối quan ngại và chủ đề chính	Trang 77-78
GRI 102-6. THÔNG LỆ BÁO CÁO			
1.35	102-45	Các đơn vị được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất	Trang 130
1.36	102-46	Xác định nội dung báo cáo và phạm vi chủ đề	
1.37	102-47	Danh mục các chủ đề trọng yếu	
1.38	102-48	Trình bày lại thông tin	
1.39	102-49	Các thay đổi trong báo cáo	
1.40	102-50	Kỳ báo cáo	Trang 78-79
1.41	102-51	Ngày của báo cáo gần nhất	
1.42	102-52	Chu kỳ báo cáo	
1.43	102-54	Tuyên bố lập báo cáo tuân theo Tiêu chuẩn GRI	
1.44	102-55	Mục lục GRI	Phụ lục Báo cáo
1.45	102-56	Bảo đảm độc lập của bên thứ ba	Trang 122-123
GRI 201. HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ			
2.1	201-1	Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ	Trang 18-19
2.2	201-2	Ảnh hưởng đến kết quả hoạt động tài chính, các rủi ro và cơ hội khác do biến đổi khí hậu	Trang 80-81
2.3	201-3	Các nghĩa vụ theo chế độ phúc lợi đã quy định và các chế độ hưu trí khác	Trang 86, 147
GRI 202. SỰ HIỆN DIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG			
2.4	202-1	Tỷ lệ của mức lương khởi điểm theo giới tính so với mức lương tối thiểu của vùng	Trang 86
GRI 203. TÁC ĐỘNG KINH TẾ GIÁN TIẾP			
2.5	203-1	Đầu tư cơ sở hạ tầng và các dịch vụ được hỗ trợ	
2.6	203-2	Tác động kinh tế gián tiếp trọng yếu	Trang 58-59
GRI 204. CHỐNG- THAM NHƯNG			
2.7	205-1	Các hoạt động đã được đánh giá rủi ro liên quan đến tham nhũng	
2.8	205-2	Truyền thông và đào tạo về các chính sách và quy trình chống tham nhũng	Trang 90
GRI 302. NĂNG LƯỢNG			
3.1	302-1	Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức	
3.2	302-4	Giảm tiêu hao năng lượng	Trang 83

GRI 306. NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI			
3.3	306-2	Tổng lượng chất thải theo loại và phương pháp xử lý	Trang 83
GRI 307. TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG			
3.4	307-1	Không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường	Không phát sinh tại VPBank trong năm 2021.
GRI 308. ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP VỀ MÔI TRƯỜNG			
3.5	308-1	Các nhà cung cấp đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí về môi trường	Trang 80
3.6	308-2	Các tác động môi trường tiêu cực trong chuỗi cung ứng và các hành động đã thực hiện	
GRI 401. VIỆC LÀM			
4.1	401-1	Số lượng nhân viên thuê mới và tỷ lệ thôi việc	Trang 72, 89
4.2	401-2	Phúc lợi cung cấp cho nhân viên	Trang 86, 147
4.3	401-3	Nghỉ thai sản	Trang 86
GRI 402. MỐI QUAN HỆ LAO ĐỘNG/QUẢN LÝ			
4.4	402-1	Thời hạn thông báo tối thiểu về những thay đổi trong hoạt động	VPBank căn cứ vào tính chất & tác động của sự thay đổi để quyết định thời gian thông báo phù hợp cho CBNV để hạn chế thấp nhất ảnh hưởng tới CBNV và đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật.
GRI 403. AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP			
4.5	403-1	Đại diện của người lao động trong các liên ủy ban an toàn và sức khỏe nghề nghiệp chính thức giữa ban lãnh đạo và người lao động	Công đoàn là đại diện.
4.6	403-2	Loại thương tích và tỷ lệ thương tích, bệnh nghề nghiệp, ngày công bị mất, tình trạng vắng mặt và số vụ tử vong liên quan đến công việc	Trang 88
4.7	403-3	Người lao động có tỷ lệ cao hoặc có nguy cơ cao mắc các bệnh liên quan đến nghề nghiệp	Không phát sinh tại VPBank trong năm 2021.
4.8	403-4	Các chủ đề về sức khỏe và an toàn được đề cập trong thỏa thuận chính thức với công đoàn	Chế độ lao động, an toàn vệ sinh lao động, sức khỏe nghề nghiệp, chăm sóc sức khỏe người lao động.
GRI 404. GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			
4.9	404-1	Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên	Trang 87
4.10	404-2	Các chương trình nâng cao kỹ năng cho nhân viên và chương trình hỗ trợ chuyển tiếp	Trang 73, 87
4.11	404-3	Tỷ lệ phần trăm nhân viên được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp	100%
GRI 405. SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG			
4.12	405-1	Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên	Trang 89
4.13	405-2	Tỷ lệ lương cơ bản và thù lao của phụ nữ so với nam giới	Trang 86

GRI 406. KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ			
4.14	406-1	Các vụ việc phân biệt đối xử và các hành động khắc phục đã thực hiện	Không phát sinh tại VPBank trong năm 2021.
GRI 408. LAO ĐỘNG TRẺ EM			
4.15	408-1	Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động trẻ em	Không phát sinh tại VPBank trong năm 2021.
GRI 409. LAO ĐỘNG CƯỜNG BỨC HOẶC BẮT BUỘC			
4.16	409-1	Các hoạt động và nhà cung cấp có rủi ro đáng kể về các vụ việc lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc	Không phát sinh tại VPBank trong năm 2021.
GRI 410. THÔNG LỆ VỀ AN NINH			
4.17	410-1	Nhân viên an ninh được đào tạo về các quy trình hoặc chính sách liên quan đến quyền con người	Trang 87
GRI 411. QUYỀN CỦA NGƯỜI BẢN ĐỊA			
4.18	411-1	Các vụ vi phạm liên quan đến quyền của người bản địa	Không phát sinh tại VPBank trong năm 2021.
GRI 412. ĐÁNH GIÁ QUYỀN CON NGƯỜI			
4.19	412-2	Đào tạo nhân viên các quy trình hoặc chính sách về quyền con người	Trang 87
GRI 413. CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG			
4.20	413-1	Những hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển	Hoạt động cấp tín dụng có tham gia của cộng đồng địa phương thông qua quy trình tiếp nhận và giải quyết khiếu nại.
GRI 414. ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP VỀ MẶT XÃ HỘI			
4.21	414-1	Các nhà cung cấp mới đã được đánh giá sơ bộ bằng cách sử dụng các tiêu chí về mặt xã hội	Trang 80
4.22	414-2	Các tác động xã hội tiêu cực trong chuỗi cung ứng và các hành động đã thực hiện	Không phát sinh tại VPBank trong năm 2021.
GRI 416. SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA KHÁCH HÀNG			
4.23	416-1	Đánh giá tác động về sức khỏe và an toàn của các loại sản phẩm và dịch vụ	Trang 80
4.24	416-2	Các vụ việc không tuân thủ liên quan đến tác động sức khỏe và an toàn của các sản phẩm và dịch vụ	Không phát sinh tại VPBank trong năm 2021.
GRI 418. QUYỀN BẢO MẬT THÔNG TIN KHÁCH HÀNG			
4.25	418-1	Khiếu nại có căn cứ về việc vi phạm Quyền bảo mật thông tin khách hàng và mất dữ liệu khách hàng	VPBank kiên quyết xử lý các vi phạm Quyền bảo mật thông tin khách hàng và mất dữ liệu khách hàng. VPBank thường xuyên khuyến nghị Khách hàng nâng cao tính bảo mật.
GRI 419. TUÂN THỦ VỀ KINH TẾ-XÃ HỘI			
4.26	419-1	Không tuân thủ luật pháp và các quy định trong lĩnh vực kinh tế và xã hội	Không phát sinh tại VPBank trong năm 2021.



NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG (VPBank)

Trụ sở chính: 89 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Tel: 024.39288869 | **Fax:** 024 39288867

Website: www.vpbank.com.vn

Hotline:

024 39288880 or 1900545415